

Tác Giả và Tác Phẩm

Bùi Ngọc Tấn

Tiểu sử

Bút danh: Tân Sắc
(Xem Vài hàng về tác giả)

Tác phẩm

(Xem Vài hàng về tác giả)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - Wikipedia - 2
Tôi viết về những người cam chịu lịch sử - 3
Bùi Ngọc Tấn, một nhân cách – Nguyễn Văn Thọ - 9
Chuyện kể năm 2000 - 12

Phụ đính:

Một mơ ước về kiếp sau - Người chặn kiến
Người mua nhà của bố mẹ tôi - Rừng xưa xanh lá
Truyện không tên – Vũ trụ không cùng - Biển và chim bói cá

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Wikipedia

Bùi Ngọc Tấn (sinh 1934) là một nhà văn đương đại có nhiều tác phẩm gây chú ý rộng rãi trong dư luận khoảng năm 1993.

Vài nét tiểu sử

Bùi Ngọc Tấn sinh năm 1934. Quê ông ở làng Câu Tử Ngoại, xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông bắt đầu viết văn, viết báo từ 1954. Bùi Ngọc Tấn có sáng tác in ở các nhà xuất bản: Văn học, Lao động, Thanh niên, Phổ thông khi ngoài hai mươi tuổi. Trước khi viết văn, ông là phóng viên báo Tiền Phong ở Hà Nội, viết với bút danh Tân Sắc. Sau đó, năm 1959, ông trở về quê và thành biên tập viên báo Hải Phòng Kiến thiết. Để có thể nuôi gia đình 6 người, ông tập trung vào viết báo. Ông thân thiết với nhà văn Nguyên Hồng và ông Hoàng Hữu Nhân Bí thư Thành ủy người quan tâm đến giới văn nghệ sĩ và đã giúp đỡ ông lúc khó khăn sau này.

Ông từng bị tập trung cải tạo 5 năm (1968-1973).

Sau đó ông được xóa án, những năm 1974 đến năm 1994, ông trở thành một nhân viên theo dõi thi đua khen thưởng ở Liên hiệp Xí nghiệp Đánh cá Hạ Long và trở thành "người ẩn dật" với văn chương. Ông trở lại với bạn đọc qua bài "Nguyên Hồng, thời đã mất" đăng trên tạp chí *Cửa biển* tại Hải Phòng năm 1993.

Ông mất ngày 18.12.2014 tại Hải Phòng.

Tác phẩm



- Mùa cưới
- Ngày và đêm trên Vịnh Bái Tử Long
- Đêm tháng 10
- Người gác đèn cửa Nam Triệu
- Nhật ký xi măng
- Nhắm thẳng quân thù mà bắn
- Nguyên Hồng, thời đã mất, (1993)
- Một thời để mất, (1995)
- Một ngày dài dang đẳng, (truyện ngắn)
- Những người rách việc, (tập truyện 1996)
- Chuyện kể năm 2000, (02/2000)
- Rừng xưa xanh lá, 2004, ký chân dung
- Kiếp chó, 2007 (Tập truyện ngắn)
- Biển và chim bói ca, 2009

Tôi viết về những người cam chịu lịch sử

Ngày 26.4.2009, nhận lời mời của Trung tâm Nghiên cứu chiến tranh và hậu quả xã hội William Joiner (viết tắt : WJC), Đại học Massachusetts, Boston, mời sang Mỹ), nhà văn Bùi Ngọc Tấn đã có một bài nói chuyện về văn học chiến tranh, trong đó ông chủ yếu "đề cập đến một mặt khác của chiến tranh, chính xác hơn là nói đến những người tham gia chiến tranh một cách đặc biệt, chưa từng được nhắc đến trong các cuộc tổng kết, các buổi hội thảo, những người tham gia chiến tranh bằng việc đi tù". Dưới đây là nguyên văn bài nói này.

Lịch sử một đất nước, một dân tộc thường được biết đến như lịch sử những cuộc chiến tranh. Lịch sử Việt Nam càng chứng tỏ điều ấy. Những cuộc chiến tranh chống phong kiến phương Bắc (Trung Hoa), những cuộc chiến tranh với Chiêm Thành, và những cuộc chiến tranh "mở mang bờ cõi". Đó là chưa kể những cuộc nội chiến như Trịnh - Nguyễn phân tranh kéo dài bao nhiêu năm tháng.

Chỉ trong thế kỷ 20, dân tộc Việt Nam đã trải qua bốn cuộc chiến tranh: Chiến tranh chống Pháp, chiến tranh Nam Bắc và chống Mỹ, chiến tranh chống Pôn Pôt ở biên giới Tây Nam và chiến tranh chống Trung Quốc ở biên giới phía Bắc.

Chiến tranh đã kết thúc trên 30 năm, đã lùi xa. Đã được tổng kết, sẽ còn được các bên tham chiến tiếp tục tổng kết. Tổng kết và vinh danh những người đã ngã xuống. Nước Mỹ dựng bức tường Việt Nam, ghi tên hơn 5 vạn binh sĩ hy sinh. Và ở Việt Nam, biết bao đơn vị anh hùng, cá nhân anh hùng đã được tuyên dương...

Tôi muốn đề cập đến một mặt khác của chiến tranh, chính xác hơn là nói đến những người tham gia chiến tranh một cách đặc biệt, chưa từng được nhắc đến trong các cuộc tổng kết, các buổi hội thảo, những người tham gia chiến tranh bằng việc đi tù. Những người đóng góp vào cuộc chiến không phải bằng *sinh mạng* của mình mà bằng *tự do* của mình. Với kinh nghiệm sống trong một đất nước liên tiếp có những cuộc chiến tranh, tôi hiểu chiến tranh không chỉ đến một mình. Bao giờ nó cũng có một người bạn đồng hành: Nhà tù. Đó là người anh em sinh đôi của chiến tranh.

Trong chiến tranh, việc gìn giữ hậu phương là vô cùng quan trọng. Hậu phương là gốc rễ, là cội nguồn, là căn cứ bảo đảm sống còn cho tiền tuyến, cho chiến đấu và chiến thắng.

Khẩu hiệu: Dù phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng vẫn chiến đấu tới thắng lợi hoàn toàn đã thể hiện rõ quyết tâm của miền Bắc giành chiến thắng bằng bất kỳ giá nào. Sự có mặt của 50 vạn sĩ quan và binh lính Mỹ cùng quân đội các nước đồng minh như Nam Triều Tiên, úc... tại miền Nam Việt Nam đã đẩy miền Bắc Việt Nam vào những năm tháng cực kỳ gay go gian khổ: Đốc toàn bộ nhân lực, vật lực, hy sinh tất cả cho cuộc chiến.

Trong cuộc chiến tranh khốc liệt này, miền Bắc thực hiện chủ trương pha lê hoá hậu phương. Những người đã từng cộng tác với Pháp, với Mỹ, những người có biểu hiện thiếu lòng tin vào sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản, những phần tử đáng ngờ, những kẻ trộm cắp, du thủ du thực..., tóm lại tất cả những gì là vẩn đục so với yêu cầu trong như pha lê của một xã hội cần pha lê hoá, đều bị tập trung cải tạo và đó được coi là một biện pháp không thể thiếu. Hơn nữa, nó còn có ý nghĩa răn đe những người khác, hướng tất cả vào mục tiêu chung.

Tổng kết về một cuộc chiến tranh không được quên những người đó. Họ đã góp phần vào chiến thắng, bằng cuộc đời mình, bằng sự đóng góp phần cao quý nhất của mình: Tự Do!

Họ có quyền được chia sẻ niềm tự hào, dù là sự tự hào nhục nhã.

Dù họ chỉ là những người cam chịu lịch sử.

Lịch sử phải viết về họ.
Văn học phải viết về họ.

Thiết tưởng cũng cần nhắc lại ở đây quan điểm của Albert Camus về nhà văn và nghệ văn được bày tỏ trong diễn từ nhận giải Nobel văn học tại Stockholm (Thụy Điển) ngày 10 tháng 12 năm 1957, cách nay hơn nửa thế kỷ: *“Theo định nghĩa, nhà văn giờ đây không thể phụng sự những người làm ra lịch sử, anh ta phục vụ những kẻ cam chịu lịch sử. Nếu không anh ta sẽ cô đơn và đánh mất nghệ thuật của mình. Tất cả những đạo quân của bạo cường với hàng triệu người cũng sẽ không cứu nổi anh ta ra khỏi sự cô đơn, ngay cả và nhất là nếu anh ta thuận tình đi đều bước với họ. Nhưng sự im lặng của một người tù không quen biết ở tận cùng thế giới, bị bỏ mặc trong nhục nhằn, cũng đủ kéo nhà văn ra khỏi trạng thái lưu đầy ấy mỗi khi, giữa những đặc quyền đặc lợi của tự do, anh ta có thể vượt lên để không quên sự im lặng đó và làm cho nó vang lên bằng những phương tiện của nghệ thuật.”*

Chính với những suy nghĩ như vậy tôi đã cầm bút viết văn trở lại sau hơn 20 năm im lặng. Cuộc đời sáng tác của tôi chia ra làm 2 thời kỳ:

1-Thời kỳ đầu tiên: Từ năm 1954 tới tháng 11 năm 1968, nghĩa là từ lúc bắt đầu nghề viết văn tới khi tôi bị bắt đưa đi tập trung cải tạo.

Trong thời kỳ này, những sáng tác của tôi đều ca ngợi con người mới cuộc sống mới, ca ngợi Đảng Cộng Sản Việt Nam, ca ngợi những người làm ra lịch sử. 14 năm đầu tiên, tôi viết theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, mô tả cuộc sống dưới sự lãnh đạo của Đảng, đang phát triển, đang đi lên, một xã hội không có bi kịch như nhà thơ Tố Hữu, người lãnh đạo văn nghệ Việt Nam đã khẳng định.

2-Thời kỳ thứ hai: Từ năm 1990 tới nay.

Đây là thời gian tôi viết về những người cam chịu lịch sử, về những thân phận bé nhỏ, về những người cố gắng tồn tại giữa những bánh xe của lịch sử, đặc biệt là những phận người rơi vào thảm cảnh tù đầy, những người chịu sự khinh bỉ của xã hội.

Về hai thời kỳ này của tôi, nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên (Viện Văn Học VN) đã có một cái nhìn tổng thể như sau:

Năm 1995, sau 27 năm bị ngắt tiếng, “bị văng ra ngoài quỹ đạo”, Bùi Ngọc Tấn đã từ một hiện thực khác trở về. Và văn ông bây giờ là nói về một hiện thực khác và từ một hiện thực khác mà nhìn lại. Viết hồi ức, chân dung, truyện ngắn, tiểu thuyết, nhân vật chính trên các trang văn của Bùi Ngọc Tấn là chính ông và những người bạn cùng thế hệ được soi chiếu từ hai phía của một khoảng thời gian đã thành vạch phân cách đời người đời văn: 5 năm (1968-1973). Con dấu đóng giáp lai văn nghiệp Bùi Ngọc Tấn mang số hiệu CR 880 (CR 880 là số tù của tôi-BNT).

Thời kỳ viết văn thứ hai tới nay, tôi đã công bố hai tập truyện ngắn, hai tập hồi ký và hai quyển tiểu thuyết.

Những truyện ngắn của tôi đều viết về “những người cam chịu lịch sử”:

Một người có công với cách mạng bị nghi vấn, tất cả bạn bè đều xa lánh anh ta. Quán quýt trung thành với anh ta chỉ còn một con chó.

Một chị gái điếm chuyên phục vụ đám ăn mày.

Một anh tù bị giải đi trong một ô xà lim bịt kín trên xe com măng ca, trên một quãng đường 30 km nhưng từ sáng đến tối mới tới nơi, cực kỳ hoang mang vì những người áp tải thỉnh thoảng lại dừng lại để bắn chim mà anh ta không biết vì sao.

Một anh tù đi họp hội trường, gặp lại thầy cũ bạn cũ, từ dưới đáy xã hội, anh ta trở lại bậc thang học giỏi nhất lớp của mình. Nhưng khi cuộc họp mặt vừa tan, anh ta đã trở về vị trí “phó người” trong xã hội.

Một giám đốc bị bắt oan, vào tù bị “đầu gấu” đánh đập và bắt khoả thân đứng làm Nữ thần Tự Do, khao khát được như những người khác là chăn và giữ mấy con kiến trong một vòng tròn trên nền buồng giam nhưng không được “đại bàng” cho phép. Chỉ đến khi ra tù ông mới có thể thực hiện khát vọng ấy: *Cài trái cửa, giám đốc rút ngăn kéo lấy ra một lọ nhỏ, trong đựng 4 con kiến, thả lũ kiến vào một vòng tròn bằng phấn vẽ trên bàn. Ông bẻ bánh cho chúng ăn và lấy những các vidit (có rất nhiều trong ngăn kéo- của khách và của ông) chặn chúng lại. Thỉnh thoảng ông còn đặt cả ghế lên bàn làm việc. Và khoả thân trên ghế. Đứng thẳng. Mắt hướng về phía xa. Tay giơ cao. Như nữ thần Tự Do.*

Tôi xin phép được nói một chút về quyển tiểu thuyết *Chuyện Kể Năm 2000* của tôi. Đó là bộ tiểu thuyết của đời tôi, bộ tiểu thuyết mang đậm chất tự sự của tôi. Chuyện một nhà báo đồng thời là một người viết văn mang tên Nguyễn Văn Tuấn bị bắt tập trung cải tạo trong thời gian chiến tranh chống Mỹ (1968-1973).

Cuộc sống trong tù của anh ta không có gì đáng nói ngoài nỗi đau ê ẩm gặm nhấm tim anh. Đó là một chuỗi dài những ngày xam xám, nhò nhò, bọt bọt. Như thứ ánh sáng lọt qua lỗ thông hơi vào xà lim những buổi chiều tà. Anh tù mười ngày cũng như anh tù mười năm. Một hiện tượng buồn thảm lặp đi lặp lại. Cuộc sống tẻ nhạt đơn điệu càng đơn điệu, tẻ nhạt vì không ai tin ai. Người tù này nhìn người tù khác bằng con mắt nghi ngờ. Ai cũng có thể là *ăng ten*, là chỉ điểm. Không ai coi mở cùng ai. *Bụng cứ liến rốn*. Mỗi người là một vòng tròn khép kín. Thật khó viết. Rất dễ nhạt. Tôi cố gắng vượt qua khó khăn ấy, nói lên điều ghê sợ ấy trong cuốn tiểu thuyết của tôi. Nó bàng bạc khắp trong quyển truyện.

Rất khó cho tôi khi muốn kể lại nội dung *Chuyện Kể Năm 2000*. Đây là một cuốn tiểu thuyết không có cốt chuyện, chỉ có thể trực tiếp đọc nó. Đây là những cuộc đời bất hạnh tồn tại bên nhau, mỗi người mang một nỗi niềm riêng, một hoàn cảnh riêng, một lý do riêng để đến với nhà tù. Nhưng nội hàm của nó rộng hơn nhiều. Đằng sau các nhà tù, là cả một xã hội thời chiến tranh gian khổ khó khăn, thiếu thốn. Là cách quản lý xã hội thời chiến trong những ngày gay go ác liệt nhất, nghĩa là một nền chuyên chính vô sản được nâng lên một cấp độ mới. Bị nghi có những tuyên truyền chống Đảng Cộng Sản, nhà văn, nhà báo Nguyễn Văn Tuấn bị biệt giam xà lim, rồi lê chân hết nhà tù này đến nhà tù khác. Gần 5 năm sau, Tuấn được tha, không kết án, không buộc tội. Cuộc sống hậu tù của Tuấn gay go không kém những ngày sống trong tù. Nhất là khi ông trưởng công an quận gọi anh ta ra đồn, tuyên bố thẳng:

- Chúng tôi không cho anh đi làm. Tôi đã chỉ thị cho tiểu khu rồi. Tiểu khu không cấp giấy cho anh.

Sống dưới đáy xã hội, Tuấn nghiền ngẫm công lao của hấn đã đi tù để góp vào chiến thắng, và âm thầm giữ trong lòng nỗi “tự hào nhục nhã” của mình. Hấn có những thói quen mới: Ngồi ở đâu cũng cố ngồi thu nhỏ lại, gãi tai, nói chuyện với ai cũng gãi tai, kể cả nói chuyện với con, và không thể nào quên được những ngày tù tội. Thế rồi “*điều khủng khiếp nhất đã đến với hấn suốt một thời gian dài sau đó. Gặp ai, ở đâu hấn cũng tưởng như gặp lại bạn tù cũ. Nhìn những người trên đường, hấn giật mình: “Quái nhỉ, ở trại nào nhỉ. Quen quá. Không biết đã gặp ở đâu rồi. Được về bao giờ nhỉ”.*

Đó là một cảm giác kỳ lạ. Hấn luôn gặp những khuôn mặt tù quen quen. Những khuôn mặt tù ngờ ngờ. Không biết ở trại nào. Hấn họ cũng như hấn. Mới được ra trại. Thoạt đầu hấn cho là hấn mắc bệnh quên. Trí nhớ hấn suy giảm, nên hấn không nhớ được những người bạn tù ấy. Nhưng rồi hấn giật mình: “Chẳng lẽ nhiều người đi tù về đến thế? Đất nước lắm người đi tù đến thế?” Và hấn hoảng lên: “Minh hồng mắt rồi! Đầu óc mình hồng mắt rồi!”

Cùng với Tuấn là già Đô, một Việt kiều sống tại Pháp, bỏ cả người vợ Pháp và cô con gái nhỏ, nghe theo tiếng gọi của Tổ Quốc về Việt Nam, xây dựng đất nước. Già bị tập trung cải tạo vì đã thẳng thắn đấu tranh với cấp trên, và khi bị đuổi việc lại mắc thêm một sai lầm nữa: Đấu tranh

theo kiểu Pháp. Ngồi ngay ở cổng xí nghiệp, tay cầm một miếng gỗ dán vuông, có cọc cắm, trên miếng gỗ dán già viết dòng chữ: “Phản đối giám đốc xí nghiệp vô có sa thải công nhân.” Đó là một hình thức đấu tranh không thể chấp nhận trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Thế là già vào tù. Khi được tự do, già về nhà Tuấn đã ra tù trước già một năm. Hơn hai chục năm già mới lại được sống trong không khí một gia đình, mới được ôm một đứa trẻ vào lòng. Già gặp con Tuấn, một đứa bé lên năm (cũng trạc tuổi cô con gái bé bỏng của già bên Pháp khi già về Việt Nam).
“Già bé bé lên, hít mùi thơm của đứa trẻ. Trong giây lát già tưởng như mình đang ở Mác xây hai mươi năm trước. Ôi! Mùi của trẻ thơ. Già nhận ngay ra nó. Đã mấy chục năm già vẫn nhận ngay ra nó. Dù ở Địa Trung Hải hay ven Thái Bình Dương thì cũng giống nhau cả mà thôi.”

Không chỗ nương thân, không còn con đường kiếm sống, già viết đơn xin trở lại nhà tù nhưng không được giải quyết. Già đi ăn cắp với hy vọng được tập trung cải tạo lần thứ hai, nhưng không ai bỏ tù già. Thật là thất bại thảm hại. Già vào mậu dịch vét thức ăn thừa, già đi bới rác. Và già chết cô đơn trong một ngôi đình hoang vắng.

Quyển tiểu thuyết của tôi có Giang Văn Giang, con trai một liệt sĩ anh dũng hy sinh thời chống Pháp, trở thành trẻ bụi, ăn cắp, đánh nhau, được đưa vào trường Kim Đồng, nơi học tập cải tạo các thiếu niên hư hỏng. Nhưng chính tại đây, từ chỗ chỉ quen biết một số bạn phố Bờ Sông, Giang đã quen hầu hết bọn thiếu niên hư trong thành phố và lại đi tù tiếp.

Còn có Sáng một thanh niên nông thôn, bị chính quyền xã ghét đưa đi tập trung cải tạo, 5 lần vượt ngục đều không thoát.

Còn có Nguyễn Văn Phở, một chiến sĩ quân báo của quân đội cách mạng, bị tình nghi là gián điệp cho Mỹ, tù 18 năm với câu nói thản nhiên làm Tuấn rợn người:

- Tôi đi tù năm vợ tôi 33 tuổi, năm nay vợ tôi 51 tuổi rồi.

Còn có Chí Lồng Sênh, một anh tù người dân tộc, gần như không nói, không cười, chỉ im lặng lao động, bỗng một đêm nằm trong buồng giam, nghe tiếng nai gộ ngoài thung lũng, trở mình nằm sấp, nhìn ra bìa rừng ánh trăng bàng bạc, nói một mình:

- Con nai về ăn lá sắn non đấy.

Nỗi nhớ nhà, nhớ vợ con, lòng bản chỉ gói gọn trong một câu ngắn ngủi ấy.

Còn có Ngụy Như Cần tù hơn hai mươi năm, trông ao cá, một người sống giữa rừng đã gần biến thành cây cỏ.

Tôi không tra tấn độc giả bằng những cảnh đời xám xịt u tối tuyệt vọng suốt 800 trang sách. Theo sự đánh giá của đông đảo độc giả, *Chuyện kể năm 2000* còn là quyển tiểu thuyết của tình yêu, tình yêu con người và tình yêu đôi lứa. Tôi đã cố gắng diễn đạt tình thương giữa những người tù trong những trang viết về Tuấn và Giang, về già Đô với Tuấn, về món quà tặng của Lê Bá Di cho Tuấn: Một bãi phân trâu. Cũng như tôi đã nói lên được phần nào tình bạn giữa Tuấn và những người cùng nghề nghiệp văn chương như Lê Bàn, Vũ Mạc, Lê Bình...

Và tình yêu giữa Tuấn và Ngọc, một tình yêu chỉ có trong những năm xã hội tốt đẹp sau chiến thắng chống Pháp 1954 với những đôi trai gái lãng mạn nồng nhiệt đắm say. Đây là ngày Quốc Khánh mừng 2 tháng 9 của họ:

Quốc khánh mừng 2 tháng 9, dậy từ lúc thành phố còn đang ngủ. Náo nức. Đứng ở cửa chờ Ngọc. Nhìn sang cánh cửa bên kia đường vẫn khép. Rồi nâng mở cửa nhẹ nhàng bước ra. áo dài trắng, quần trắng, đồng phục của trường đi đón ngày quốc khánh. Hai đứa nắm tay nhau đi trên đường phố vắng tanh. Không một bóng người. Như thành phố dành riêng cho ta. Vẫn chưa thể quen được với ý nghĩ mình có cả một người con gái để mình yêu quý. Có tên của người ấy để mình lên tiếng gọi. Cảm ơn về tình em yêu anh. Cảm ơn mẹ cha, mẹ cha sinh em ngày ấy để cho anh mười chín năm sau đó. Để bây giờ em là của anh. Để em đi bên anh và để anh yêu. Đi đâu bây giờ em? Còn sớm quá. Em dịu dàng và tinh khiết như bầu trời đêm trước lúc rạng đông này. Phố Tô Hiến Thành trong mơ. Ra tới phố Huế vẫn là trong mơ. Tay trong tay đi mãi trong phố vắng. Kia rồi một cửa hàng vừa mở. Minh và Ngọc là những người đầu tiên bước vào hiệu. Uống

cà phê sữa. Nhìn nhau. Rồi chia tay khi trời rạng sáng. Nàng đi tới trường. Minh đến Ba Đình trong khối các cơ quan trung ương.

Buổi trưa nàng lại sang. Nàng đã tắm gội, tươi tắn lạ thường. Đến chiều hai đưa ra bờ hồ Hoàn Kiếm, tìm một chỗ ngồi từ lúc mặt trời vừa lặn để xí một chỗ cho đến tối. Để bảo đảm được nhìn thấy pháo hoa trên hồ. Những chùm pháo hoa trên bầu trời mịn như nhung có lẽ là những gì đẹp nhất, kỳ ảo nhất mà con người sáng tạo ra. Minh vừa ngược nhìn pháo hoa vừa quay lại nhìn nàng. Nàng mở to mắt nhìn trời. Cặp mắt nàng, gương mặt nàng với bao màu sắc của pháo hoa ngày hội lướt qua. Nàng còn kỳ diệu hơn, xinh đẹp hơn mọi chùm pháo hoa đẹp nhất.

Và đây cuộc sống của họ sau khi kết hôn:

Ngồi bên giấy trắng. Một hạnh phúc tuyệt vời. Ngọn đèn chiếu một ô sáng. Cẩn thận hơn, hẩn lầy một tờ báo, khoanh thành cái bù đài, úp chụp xuống để khỏi làm chói mắt vợ con đang nằm trong màn. Khi vợ con hẩn đi nằm là lúc hẩn ngồi bên giấy trắng. (...) Ngày đi làm, đêm hẩn viết. Hẩn có thói quen thức khuya. Hạnh phúc là được thức khuya trong yên lặng. Hạnh phúc là những dòng chữ kín từng trang. Là bóng tối mờ mờ trong phòng, và ở một góc buồng, màn buồng, tiếng vợ con thở nhẹ nhàng trong giấc ngủ. Hạnh phúc là lúc đêm khuya cặm cụi, bỗng cảm thấy có người đứng sau lưng. Buông bút. Ngã người trên ghế, đầu đã chạm ngay vào ngực vợ. Linh cảm không nhầm.

Nàng đứng sau lưng tự bao giờ. Nàng đứng im lặng nhìn mình làm việc. Nàng đưa tay ép nhẹ đầu mình vào ngực nàng. Đây đây. ầm. Mềm. Minh dụi đầu vào đó và ngược mắt nhìn lên, thấy rõ dưới cằm nàng có một vết sẹo nhỏ, chỉ nhìn từ góc độ ấy mới thấy, vết sẹo khi nàng còn bé tí, bị vấp vào miệng chum nước. Đứng phía sau, nàng áp hai tay vào cằm mình, thì thào:

- Đói không?

Gật đầu. Thế là hai vợ chồng khoá trái cửa, để con ngủ trong màn, đi ăn phở khuya. Ông hàng phở Ngã Bảy quen.

Bộ tiểu thuyết *Chuyện kể năm 2000* của tôi được nhà Xuất bản Thanh Niên, cơ quan của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng Sản VN in, chưa phát hành đã có quyết định cấm, bị thu hồi tiêu hủy. Nhưng nó vẫn được in chui hàng năm ròng sau đó với số lượng mà hiện nay chưa thể thống kê được (chỉ riêng một người bán sách ở Hà Nội cũng đã bán 1000 bộ) cũng như đã được đưa lên mạng để in và phát hành ở nước ngoài. Ngay lập tức quyền tiểu thuyết đã gây chấn động, trở thành sách bán chạy nhất dù phải bán chui ở trong nước và best seller trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Theo chỗ tác giả của nó được biết ở Canada, nhà xuất bản Thời Mới (Toronto) in 3 lần liên tiếp. Tác giả đã trông thấy 5 bản in khác nhau của 5 nhà xuất bản ở Mỹ. Tại Đức, có 2 bản in khác nhau. Tất cả các báo của cộng đồng người Việt trên các lục địa đều đăng tải dưới hình thức feuilleton. Đài BBC đã đề ra 3 tháng đọc *Chuyện kể năm 2000*. Tôi đã nhận được hàng nghìn bức thư chia sẻ của những người Việt Nam và cả những người ngoại quốc từ các lục địa Châu Âu, châu Mỹ, châu úc và châu á. Tạp chí PEN International của Hội Văn bút Quốc tế đã trích đăng một chương. Tác giả của nó được vinh dự là hội viên danh dự của Hội Văn Bút Quốc tế và hội viên danh dự Hội Văn Bút Canada. Biết bao bạn đọc trong nước, ngoài nước đã đến với tôi. Họ cảm ơn tôi và nói rằng tôi đã nói giúp họ những điều họ hằng suy nghĩ nhưng không nói được. Trong buổi tôi nói chuyện ở Viện Goethe Hà Nội, nhiều bạn đọc cảm động, khóc nức nở không nói được nên lời. Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên viết:

Bùi Ngọc Tấn viết văn trầm tĩnh và đôn hậu. Hình như đây là kết quả của sự kết hợp bản tính người và trải nghiệm đời nơi ông. Sau những gì đã xảy đến với ông, nếu văn ông có giọng cay độc, chua chát cũng là điều dễ hiểu. Nhưng không! Ngay cả sự trầm tĩnh đôn hậu ở đây cũng không hề là phải cố ý, gồng mình, tỏ vẻ. Ông đưa lại cho người đọc những dòng văn tự nhiên dung dị, khi những oan trái khổ đau lặn vào sau câu chữ làm nên sức nặng, chiều sâu của những điều được viết ra. Một giọng điệu văn chương làm người đọc hiểu ông, tin ông, đồng cảm với ông và cùng ông đồng cảm với những phận người, những kiếp bụi nhân sinh. Cao hơn chuyện văn

chương là chuyện cuộc đời. Bùi Ngọc Tấn là nhân vật của văn ông và đồng thời ông cũng là tác giả của những điều ông viết ra. Đó là văn chương của sự thật(...)

Ông đã gánh cây thập ác đi trọn con đường trần ai của mình.

Không vút xuống.

Không chạy trốn.

Không gục ngã.

Không dừng bước.

Và dấu không là Chúa, ông đã được phục sinh.

Còn đây là những đánh giá của nhà văn Nguyên Ngọc:

"(...) Bùi Ngọc Tấn đã đi xa hơn được rất nhiều việc mô tả một tấn bi kịch cá nhân, thậm chí một bi kịch của chế độ - điều mà một số cuốn sách viết về nhà tù thường rất tập trung - để nói đến một tinh thể phi lí của cuộc sống, và vô hình trung, cuốn sách trở thành như một thiên anh hùng ca, khiêm nhường mà cảm động về con người, con người có thể đi qua được tất cả những gì xấu xa đen tối nhất, đi qua tất cả bùn lầy, giữ vững chất người của mình chống lại tất cả những thế lực đen tối nhất muốn trừ diệt chất người ở con người. Cuốn sách bị cấm, nhưng bằng nhiều cách vẫn được truyền tay đọc rộng rãi và tác giả của nó được sự kính trọng của toàn xã hội."

Tôi cảm ơn tất cả các bạn đọc đã chia sẻ cùng tôi.

Cảm ơn trung tâm William Joiner đã tạo điều kiện để tôi có mặt ở đây hôm nay.

Cảm ơn các bạn đã có mặt cùng tôi tại đây.

Bùi Ngọc Tấn

Đôi lời nói thêm :

Về Việt Nam, tôi nhận được những thông tin trái chiều về bài nói chuyện của tôi tại Boston. Có những ý kiến khen, nhưng cũng có những ý kiến chê mà chủ yếu là:

1- Tôi đã đánh đồng tất cả các cuộc chiến vào làm một.

2- Tôi như một người con trong gia đình đòi cha mẹ hồi môn chiến thắng: Lịch sử phải viết về họ, văn họ phải viết về họ.

Về điều 1: Thực sự tôi chỉ làm cái việc thống kê những cuộc chiến tranh trong thế kỷ 20 mà dân tộc ta đã trải qua thôi:

Chỉ trong thế kỷ 20, dân tộc Việt Nam đã trải qua bốn cuộc chiến tranh: Chiến tranh chống Pháp, chiến tranh Nam Bắc và chống Mỹ, chiến tranh chống Pôn Pốt ở biên giới Tây Nam và chiến tranh chống Trung Quốc ở biên giới phía Bắc. Không có ý kiến phân tích về tính chất các cuộc chiến tranh lại càng không đánh đồng các cuộc chiến .

Về vấn đề thứ hai. có thể tôi đã chủ quan, nghĩ rằng ai cũng hiểu ý mình định nói. *Tôi muốn đề cập đến một mặt khác của chiến tranh, chính xác hơn là nói đến những người tham gia chiến tranh một cách đặc biệt, chưa từng được nhắc đến trong các cuộc tổng kết, các buổi hội thảo, những người tham gia chiến tranh bằng việc đi tù. Những người đóng góp vào cuộc chiến không phải bằng sinh mạng của mình mà bằng tự do của mình. Với kinh nghiệm sống trong một đất nước liên tiếp có những cuộc chiến tranh, tôi hiểu chiến tranh không chỉ đến một mình. Bao giờ nó cũng có một người bạn đồng hành: Nhà tù. Đó là người anh em sinh đôi của chiến tranh.*

Và:

Trong cuộc chiến tranh khốc liệt này, miền Bắc thực hiện chủ trương pha lê hoá hậu phương. Những người đã từng cộng tác với Pháp, với Mỹ, những người có biểu hiện thiếu lòng tin vào sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản, những phần tử đáng ngờ, những kẻ trộm cắp, du thủ du thực..., tóm lại tất cả những gì là vẫn đục so với yêu cầu trong như pha lê của một xã hội cần pha lê hoá,

đều bị tập trung cải tạo và đó được coi là một biện pháp không thể thiếu. Hơn nữa, nó còn có ý nghĩa răn đe những người khác, hướng tất cả vào mục tiêu chung.
TỔNG KẾT VỀ MỘT CUỘC CHIẾN TRANH KHÔNG ĐƯỢC QUÊN NHỮNG NGƯỜI ĐÓ. HỌ ĐÃ GÓP PHẦN VÀO CHIẾN THẮNG, BẰNG CUỘC ĐỜI MÌNH, BẰNG SỰ ĐÓNG GÓP PHẦN CAO QUÝ NHẤT CỦA MÌNH: TỰ DO!
Họ có quyền được chia sẻ niềm tự hào, dù là sự tự hào nhục nhã.
Dù họ chỉ là những người cam chịu lịch sử.
Lịch sử phải viết về họ.
Văn học phải viết về họ.

Ý tôi muốn nói trong đoạn văn trên là: Chiến thắng của miền Bắc được làm nên bởi nhiều nguyên nhân trong đó có những năm tháng tù đầy oan khuất của biết bao người. *Lịch sử không được quên nguyên nhân ấy, không được quên những người ấy.*

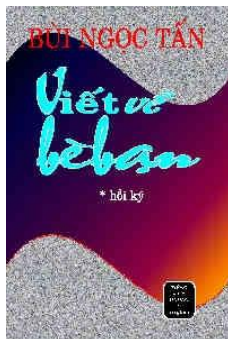
Văn học phải viết về họ. Vâng. Cho đến hôm nay, tôi tự hào là nhà văn duy nhất trong nước đã viết về họ. Những già Đô, những Ngụy Như Cần, những Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Phổ, những Vũ Lượng, Min, Giang Văn Giang... Tôi đã đưa cuộc sống của họ vào văn học, ra xã hội. Càng không phải tôi đòi chia quả thực, khi rõ ràng những bọn người tù đầy chúng tôi để thực hiện pha lê hoá hậu phương cho đến ngày hôm nay vẫn sống sự quản lý đặc biệt của nhà nước. Đòi chia quả thực gì đây?

Nếu chịu khó đọc ngay đoạn sau của bài nói chuyện thì thấy rõ ngay ý tôi định nói:
“*Thiết tưởng cũng cần nhắc lại ở đây quan điểm của Albert Camus về nhà văn và nghề văn được bày tỏ trong diễn từ nhận giải Nobel văn học tại Stockholm (Thụy Điển) ngày 10 tháng 12 năm 1957, cách nay hơn nửa thế kỷ: “Theo định nghĩa, nhà văn giờ đây không thể phụng sự những người làm ra lịch sử, anh ta phục vụ những kẻ cam chịu lịch sử. Nếu không anh ta sẽ cô đơn và đánh mất nghệ thuật của mình. Tất cả những đạo quân của bạo cường với hàng triệu người cũng sẽ không cứu nổi anh ta ra khỏi sự cô đơn, ngay cả và nhất là nếu anh ta thuận tình đi đều bước với họ. Nhưng sự im lặng của một người tù không quen biết ở tận cùng thế giới, bị bỏ mặc trong nhục nhằn, cũng đủ kéo nhà văn ra khỏi trạng thái lưu đầy ấy mỗi khi, giữa những đặc quyền đặc lợi của tự do, anh ta có thể vượt lên để không quên sự im lặng đó và làm cho nó vang lên bằng những phương tiện của nghệ thuật.”*
Chính với những suy nghĩ như vậy tôi đã cầm bút viết văn trở lại sau hơn 20 năm im lặng.”
Có lẽ sự diễn đạt của tôi không được tốt, nên có thể hiểu theo nhiều cách trái ngược nhau.

Lỗi đó tại tôi.
Tôi xin nhận và rút kinh nghiệm trong khi viết.

Bùi Ngọc Tấn

Bùi Ngọc Tấn, một nhân cách Nguyễn Văn Thọ



Tôi xa nhà hơn chục năm, đứt đoạn với đời sống văn chương Việt nam, nên không hề biết mặt nhà văn Bùi Ngọc Tấn. Tháng xuân năm 2002, tôi dự trại viết Đồ Sơn, do tạp chí Văn Nghệ Quân Đội mở. Tiếng là dự, nhưng do kẹt thời gian, tôi mới ở được vài ngày trại đã bế mạc. Buổi tối ấy, sau bữa cơm liên hoan, mấy anh Chu Lai, Khuất Quang Thụy và Trung Trung Đĩnh rủ tôi ra bãi biển đi dạo. Chúng tôi hẹn nhau dưới chân cầu thang khu nghỉ của các trại

viên. Xuống đó, tôi thấy Trung Trung Đĩnh cứ trò chuyện mãi với một ông già, đậm, thấp; cái áo khoác màu be đã sờn, trên tay cầm cuốn sách cũ. Họ nói chuyện gì mà say mê lắm, tới hơn nửa tiếng chưa dứt. Lát sau Đĩnh ra, tôi bảo: mày nói gì với lão ấy mà lâu thế?

- Lão nào? - Đĩnh trợn mắt nhìn tôi - Bùi Ngọc Tấn đấy!

Bùi Ngọc Tấn???

Tôi thẳng thốt quay lại thì ông, Bùi Ngọc Tấn, tác giả cuốn sách nổi tiếng “Chuyện Kể Năm Hai Ngàn” đã biến đâu mất tăm. Tôi rất ân hận về việc này. Bởi như vậy, tôi đã vô tình coi cái mẽ ngoài là quan trọng, không biết, nói lời quàng xiên về một nhà văn đàn anh đáng khâm phục. Sớm sau, tôi mò lên phòng ông. Tại đó căn phòng trại viết nơi ông nghỉ chỉ hơn chục mét đã chật khách. Cũng hôm ấy tôi mới biết mặt nhà văn Nam Hà, Anh Ngọc, Lê Thành Nghị...

Trong phòng có cả Lê Lựu với nụ cười luôn tươi đỏ môi trầu.

Câu chuyện hôm ấy với Bùi Ngọc Tấn cũng không có gì đặc biệt. Tôi hỏi thăm ông về đời sống, về Hải Phòng, nói tào lao những điều chả ăn nhập gì với văn chương. Đến với ông, thâm tâm tôi khi ấy, như tự tôi muốn thanh thản, như lời cáo lỗi chỉ tôi biết, rằng đã một lần do không biết mà xúc phạm tới ông khi nói với Trung Trung Đĩnh như trên.

Bùi Ngọc Tấn rõ ràng đã là một ông già. Nhưng đấy chỉ ở trên nét mặt, những nét khắc khổ có lẽ do tuổi tác và dấu vết của những năm tháng lưu đầy, kham khổ; mái tóc đã bạc nhưng còn dày, chứng tỏ thể lực ông có khí chất tốt. Ừ, trong ông phải chất chứa mãnh liệt ngọn lửa sống thế nào chứ, thiếu nó, mấy ai vượt qua chùng ấy năm để sống, mà lại sống dai dẳng, rồi tiếp tục sáng tạo, làm nên những trang văn đầy tính nhân ái, điều mà ít người cầm bút hôm nay, nếu cũng trải qua như ông, khó giữ được giọng văn bình thản, tự nhiên, giản dị, mà giàu thuyết phục đến vậy.

Tết năm Mùi. Tôi về Việt Nam. Trong dự kiến thể nào cũng phải tới thăm ông. Đường xuống Hải Phòng bây giờ thực dễ dàng thuận lợi. Hơn hai tiếng, tôi đã có mặt ở thành phố Hoa Phượng Đỏ. Nhà ông, Bùi Ngọc Tấn, khuất nẻo trong một hẻm nhỏ thuộc đường Điện Biên. Bùi Ngọc Tấn vừa ở nhà con trai ông bên ngõ bên trở về, cười rạng rỡ với tôi, tay ôm xiết, như gặp người thân, rồi đi trước, mời tôi lên nhà.

Chiếc cầu thang gỗ, tay vịn đen bóng đưa tới căn phòng nhỏ chừng 16 mét vuông. Một bộ xa lông đã cũ, đệm mút, kê ở bên phải; chiếc giường đôi bên trái, cái kệ viết nhỏ cạnh giường; từng ấy đã chật cả gian phòng. Một lát sau ông gọi điện, nhà văn Đĩnh Kính nhao tới. Bùi Ngọc Tấn lấy từ đâu hai chai bia và mở. Ông nói, mấy hôm nay ông ho và mệt.

Chúng tôi nói chuyện về văn chương, về những quan niệm thẩm mỹ... Thì ra ông cũng là người đồng nhất với tôi khi cho rằng, văn chương cốt ở sự bình dị, dễ hiểu làm trọng. Chả thế mà từ Chuyện Kể Năm Hai Ngàn cho tới Rừng Xưa Xanh Lá của ông, lời kể thường mộc mạc, câu văn chưa bao giờ cầu kì làm cho phức tạp sự chuyện, làm nên sự chân thành. Các sự kiện, con người, câu thoại cứ tự nhiên như từ đời sống bước vào trang giấy.

Chuyện tới hai tiếng, đang vui chúng tôi rủ nhau tới một quán nhậu nằm trong trung tâm thành phố. Chiều người phương xa, ông và nhà văn Đĩnh Kính gọi hai món hải sản. Thêm một đĩa đậu phụ om. Những con sò màu sẫm, ngọt và đậm mùi biển. Suốt bữa, Bùi Ngọc Tấn chỉ dùng chưa hết một cốc bia. Tôi muốn rót tiếp, ông bảo, tớ đang mệt, hôm nay vui lắm với Thọ nên mới dám uống thế đấy.

Tôi tin ông, một người dám phanh phui sự hèn kém của mình ở giấy trắng mực đen, để ông Già Đô, bạn tù chết đường chết chợ, chết mất xác, không dám tiếp tục cưu mang, vì cuộc sống quá eo hẹp. Ông già Đô chết và Bùi Ngọc Tấn mang sự ân hận đeo đẳng bao nhiêu năm sống; giờ đây, nhắc lại người bạn tù thuở ấy với tôi, ông còn nghèn nghẹn; lại dám tái hiện điều ấy trên trang giấy, tất nhiên việc gì phải đối trá còn con ở một lí do của li bia?

Cái người đang ngồi với tôi đây, cười nói rồn rảng thế này, ấy vậy mà từng trang văn của ông, sau những nỗi khốn quẫn vẫn thản nhiên không tỏ ra hậm hực, trì triết, vu khống, kể cả kẻ đã đang tâm đầy đọa ông, ai bảo ông nói xấu ai? Ông lên án cái ác, biểu dương cái thiện, lòng tin ở điều thiện, người thiện, việc thiện; ở người khác như tôi chẳng hạn, sẽ chết rục, không dám cầm lại ngòi bút, hay có cầm, chắc gì không tuôn ra bao dòng hậm hực, nặng nề kể khổ kêu oan...và

chửi rửa đời bằng vài chiêu ám chỉ. Ông thẳng tuột, trắng đen phân minh, lòng như trúc, ở từng việc, theo dạng xét người từng việc... xét đời từng việc, từng cá nhân cụ thể, chậm rãi từng đoạn, nhẩn nha tái tạo rất sinh động từ người tới thú, từ cái thèm khao khát yêu tới cái chết của đau thương của một con cá...

Cái con người đang cười cười nói nói kia, đã từng chơi với kiến, từng nằm vắt tay biết bao đêm không ngủ, nhưng khi bước lại cõi sống, điều gì làm ông lại có thể bình thản nhìn lại tất cả với một sự tha thứ đến cao cả như vậy và dám tự nhận ra cái chân ngã bình thường ở mình, chứ chẳng tô vẽ gì. Cũng con người ấy đấy, cần gì phải *phụng phịu văn chương*, kể về chuyện bè bạn, hạ một câu tới ghê người: *Hôm nay tao uống máu thằng Tường...*

Ồ, chỉ mỗi dòng ngắn thế thôi, thế thôi mà làm gai gai người đọc, thấy hết cái kinh hãi của một thời bao cấp.

Bia có bia vui và bia buồn. Hôm nay là bia vui. Vui nên thêm khách văn tới. Nhà thơ Mai Văn Phấn đây! Ông giới thiệu. Còn đây là bạn X. Mai văn Phấn thì tôi đã biết trên văn đàn. Đã đọc mấy tập thơ của anh ở nhà cổ thi sĩ Bế Kiến Quốc. Còn người kia nữa là khách văn giang hồ. Đây là người mới tới tự nói: "Tớ chả liên quan gì tới văn chương của cánh các cậu". Giang hồ thực! Khi bước ra cửa, gặp đoàn quay phim chụp ảnh, một đám cưới với xe hoa và đám đông. Cậu chụp ảnh đám cưới nhẩy bổ tới, nói với anh X: "Em kính chào đại ca". Quay ra, thấy ông Tấn: "Ồi trời ơi, em chào cụ Tấn!" Họ cười nói hả hê lắm, kính trọng và thân mật. Tôi chợt nhớ tới Bỉ Vô của Nguyễn Hồng; Hải Phòng với tàu cảng, với thợ thuyền vốn từ xưa tới giờ, đa dạng lắm! Lại nhớ Papillon Người Tù Khổ Sai, những mảng sống trong đó. Thế giới con người có hành lang của những thân xác do cuộc sống xô đẩy, phải lẫn vào đám trần ai, nhưng có người vẫn gìn giữ cốt cách mã thượng; có nghĩa là, để người đời khâm phục vì nghĩa cử nào đó như anh chàng X kia, và anh ấy là bạn ông Tấn, quý ông Tấn; ông Tấn cũng ân cần ngang bằng với anh X như ân cần gấp thêm món cho tụi văn sỹ đàn em chúng tôi.

Bùi Ngọc Tấn quen biết rộng, trong cuộc sống kiếm ăn bình thường, ông để lại tình thân ái với nhiều người bạn nổi tiếng và không. Việc ấy dù loáng thoáng, nhưng ở *Rừng Xưa Xanh Lá* vẫn thấy rõ, ông được bè bạn thương, quý, kính trọng. Bây giờ hiện thực trước tôi, ông và cái anh bạn X kia, cái người *xiêu xiêu vèo vèo* và luôn tỏa hơi men khắp vùng khí quanh anh, đã sau đó tình nguyện đưa tôi, "Em ạ, tội gì tốn mấy ngàn xe ôm. Yên tâm, anh lái rất vững. Cậu là bạn của Tấn thì là bạn của anh!" Tới cửa nhà anh chị tôi, anh X lại nói: "Tấn hay lắm cậu ạ. Nó là một thằng bạn tốt."

Chợt lại nhớ trang văn của ông, *Rừng Xưa Xanh Lá*, đoạn kể về cuốn sách đang viết dở, đã hứa khi bạn còn sống là tặng sách, đến khi viết xong, bạn mất rồi; chẳng kể đường xá, mang đót ở mộ bạn. Việc đời có khi vì trăm ngàn lí do gì đó, chẳng thể giữ lời, cứ lấy nó để bào chữa quên, lời đi, một câu hẹn lỡ dở! Bùi Ngọc Tấn không vậy, dẫu là bạn tận nơi xa, mang sách tới tặng bạn ở bia mộ; đót! Đoạn kể chậm chậm nghẹn ngào từng chữ, làm tôi nhớ tới gương mặt và lời nói từ con người trần tục X trong bữa bia vui ấy. Lại nhớ tới cha tôi dặn, *con ơi trước khi đặt bút viết lời nhân ái, phải tập sống nhân ái, trung thực*. Nhân ái và Trung Thực, viết cũng không khó quá, nhưng sống thì thực là không chỉ một lần, phải dần thân và tranh đấu với chính mình từng giây phút! Bây giờ bên tôi kia, Bùi Ngọc Tấn với chân dung trong văn và chân dung đời thường, hai hình ảnh hòa vào nhau, tách ra rồi lại chập vào.

Sau lần ấy, tôi về nhà, rồi đi xa, thế mà đôi khi chả hiểu sao gian phòng của ông lại đôi khi hiện lên. Cái góc ấy, ông chỉ, đây là chỗ Già Đô nằm. Nhớ lại, lúc ấy, tôi hình dung văn phòng hồi sùng sục khi trời nồm, hăng thổi lúc khi nóng thiêu, bởi *mùi bụi đời* từ già Đô thoát ra. Con ông, cái cậu thanh niên giờ đã có vợ con, mà tôi nhìn thấy đầu hôm xuống thăm ông, ngày xưa là đứa trẻ quần quýt bên ông Già Đô.Ồ, gian phòng bé tẹo xưa năm người chui rúc. Bùi Ngọc Tấn khoe, thành ủy hẹn cho ông một gian nhà, nhưng phải viết đơn. Ông chưa viết. Lại nói, so với nhiều người ở thành phố cảng này, gian phòng bây giờ chỉ còn hai vợ chồng mình ở, rộng rãi, sướng lắm rồi! Sướng lắm rồi! Ông cười, tươi quá, khuôn mặt nhăn nheo. Thành ủy nếu có cho nhà, mình không từ chối, nhưng xa lìa nơi đây cũng không đành. Biết bao kỉ niệm!

Tôi được biết, hiện tại ông sống với lương hưu còm, ba trăm ngàn gì đấy, nghĩa là không đủ sống ở cơ chế thị trường hôm nay. Ông viết báo, sách. Một cuốn sách viết bao lâu, nhuận bút khoảng vài triệu. Một bài báo, hai ngàn chữ, cỡ ông, trả năm trăm ngàn. Một lần đi trại viết, lĩnh vài trăm ngàn, cơm nuôi, với ông là một dịp may, một cơ may cải thiện. Thế mà bỗng dưng có một căn nhà, hàng trăm triệu. Tội gì không làm cái đơn. Vậy mà Bùi Ngọc Tấn không làm, chưa làm... Ồ, thì ra không phải cứ trông thấy tiền là nhắm mắt lại. Phải đắn đo xem như thế nào, bao giờ làm, hay nếu làm, viết như thế nào cho đúng với tư cách của mình. Tôi cũng được biết, một tổ chức hải ngoại đã gửi tiền cho ông với một điều kiện. Ông từ chối thẳng. Dầu là số tiền ấy với ông rất lớn. Nó có thể cho ông thung dung sống, thay vì nhặt nhạnh, cả chục năm bò ra bàn viết mà nặn từng chữ, vẫn lúng túng một bữa đi chơi xa, lên Hà Nội.

Bùi Ngọc Tấn năm nay đã là lớp lú nhà văn bầy chực, nhưng ông vẫn lạc quan, ông còn *khỏe*, tinh táo lắm, còn nhiều dự định viết, vẫn viết để mong kiếm tiền sống đỡ chật vật, như trăm ngàn nhà văn nhà báo phải kiếm ăn, theo quy luật bình thường, tức là còn vui sống bình thường như trăm ngàn sinh linh ở đời. Nhưng có lẽ với sự nhọc nhằn đầy trong *Rừng Xưa Xanh Lá* miêu tả, với ông tiền hẳn quan trọng lắm, nhưng không là tất cả, vì vậy khi kể tới việc ấy, ông không tỏ ý khoe khoang, chỉ hàm ý cho rằng, cái nơi kia chả hiểu gì về ông cả.

Bây giờ, khi tôi viết những dòng này, tôi cách ông nửa vòng trái đất. Tính ra, bữa gặp ở nhà ông, Bùi Ngọc Tấn thuộc loại *xưa nay hiếm*, nhà văn Đình Kính hơn tôi gần chục tuổi, thế hệ kế cận ông; tôi là loại đàn em anh Đình Kính, một thế hệ nữa, nhà thơ Mai Văn Phấn thuộc lứa sau tôi. Về thành phần thì mấy loại người, ấy là tôi chưa kể, một người bạn ông chỉ đáo qua một lát, anh ta làm doanh nghiệp nhà nước, thích ông văn sĩ nghèo, thi thoảng đáo chơi với gói trà nho nhỏ. Có vậy! Thế là bè bạn ông, tương đối đủ mặt *anh hùng* ở một làng nho nhỏ! Lại nhớ bốn cuốn sách ông nhờ tôi mang về tặng bạn bè ở Hà Nội, cuốn nào cũng đề chân phượng mấy dòng như thư ngắn cho người thân. Tôi cũng có cuốn sách tặng của ông, dòng chữ rần rỏi, đề như cho thẳng em phượng xa, nó nằm lẫn trong kệ sách cùng ngàn sách tặng, lẫn vào nhiều cuốn sách mà bây giờ dăm người trẻ, hay đề lời tặng theo lối mấy nhà văn hải ngoại, đại để *Bản Dành cho X, cho Y*. Đây là thời thượng du nhập. Du nhập ở ta thường là một, bất kể vừa người hay không, vừa chân hay chẳng?!

Một. Bùi Ngọc Tấn bầy chục tuổi là lớp Cổ Lai Hy, với gần năm chục năm cầm bút. Tức là lớp người hiếm. Hết Chết lại Sống, vẫn ông vẫn nguyên sơ như thửa thanh tân, trong sáng, minh bạch tới tận cùng sự thật, bộc lộ ông ghét Ác yêu Thiện. Thế thôi! Ông là *Con Người Bây Giờ Hiếm* mà tôi trân trọng, giống như Phùng Quán, Phùng Cung, Trần Dần v.v... như biết bao nhà văn, nhà thơ dám yêu và sống đúng với con đường đã chọn.

Chuyện kể năm 2000



Lời giới thiệu: Đoạn văn này được trích trong truyện dài *Chuyện Kể Năm 2000...*

Có những điều hần tưởng không bao giờ quên. Thế rồi hần quên. Dù lúc xảy ra sự việc, hần tự bảo: Mình sẽ nhớ suốt đời. Làm sao quên được những điều đáng nhớ như thế. Đó là những niềm vui hiếm hoi. Là những sự đau khổ đến tê dại. Không. Không thể nào quên được. Thế mà hần quên. Thỉnh thoảng hần muốn ôn lại quá khứ. Hần không sao nhớ được. Kinh nhất là những đau khổ tột cùng mà cũng quên luôn. Tất cả không hần được một đường vào nếp nhăn đại não. Có lẽ những nếp nhăn ấy đã bị lấp đầy rồi. Nên nó nhoè. Nó mang máng. Não hần cứ bị những nhát búa dội vào đều đặn, liên tục. Nó lỳ.

Thế mà hần vốn là người có trí nhớ tốt. Hần buồn rầu hiểu rằng đầu óc hần hỏng mất rồi. Nghĩa là chính hần hỏng mất rồi.

Có người viết rằng con người ta có thể quên cả ngày sinh tháng đẻ của mình, quên cả cái hôn đầu tiên. Ngày sinh tháng đẻ hần, hần không quên. Hần sinh ngày 3-7-1934. Đó là ngày ta hay tây, hần không biết. Mẹ hần bảo hình như là ngày ta. Nếu vậy hần sinh vào khoảng tháng 8 Dương. Còn năm ta là năm Tuất. Năm con chó.

Cái hôn đầu tiên hần cũng quên. Làm sao nhớ được. Nghĩ về năm tháng tuổi trẻ và đi ngược lên nữa về tuổi ấu thơ, hần chỉ thấy một dòng thời gian tươi đẹp đến thất lòng.

Tóm lại hần quên nhiều thứ. Nhưng hần không bao giờ quên cái ngày hần được ra tù. Đó là một buổi sáng xuân. Chính xác hơn là ngày 3 tháng 4 Dương lịch.

Năm đó cũng mưa dầm ghê gớm. Mưa bụi, thứ mưa mịn màng trắng rùng, trắng núi, mịn mờ nổi trôi, bông bành tiền sử. Chỉ có những hạt bụi rất nhỏ bay lượn, nhưng tất cả sũng nước. Đụng đến cái gì cũng âm kinh người. Đôi giày vải đi rừng của hần chỉ ba ngày không nhìn đến đã mọc nấm. Thứ mưa trắng những đôi trâu trên đường bọn hần đi từ trại đến chỗ làm và ngược lại. Những cây trâu lá non mềm nhiễm xạ mùa xuân, chỉ một đêm là đồng loạt trở bạt ngàn những chùm nụ nhỏ hồng hồng.

Nhìn trời, nhìn đất, nhìn cây, hần hiểu rằng sắp đến mùa chim tu hú kêu đây. Sắp đến mùa hoa gạo nở đỏ rực đây. Hần nhớ đến một khoảng trời xuân nào đó trong quá khứ. Những luống đỗ mềm trên đất tối và ẩm. Những vạt cỏ chẳng đầy mạng nhện, trĩu những hạt nước. Cảnh xoan ngoài cửa sổ. Dây tã trắng vợ hần phơi trong nắng mới. Đó là cuộc sống ở thế giới bên kia. Hần đi làm cùng anh em tù, mệt mỏi, buồn bã và không nghĩ tới ngày về. Họ là những tù không án. Họ đi tập trung cải tạo. Người một lệnh, người hai lệnh, người ba lệnh. Nhiều người tới sáu, bảy lệnh. Mỗi lệnh ba năm. Theo pháp luật họ chưa tới mức phải xử, chưa tới mức phải truy tố, ra toà. Họ chỉ bị tập trung cải tạo, nghĩa là nhẹ hơn án tù nhiều lắm. Nhưng chưa ai tù một lệnh (ba năm) mà được trở về. Chưa hết bọp này đã được gí thêm bọp khác. Cái án cao-sụ. Cái án tù mù. Cha mẹ ơi, đừng đợi. Em ơi, dù mùa xuân về, dù mùa xuân đi, em ơi đừng đợi Anh còn chờ dề đực để con như ông Tô Vũ ngày xưa. Một anh tù đã làm bài hát về mình như vậy.

Ngày về của anh tù tập trung cải tạo nào ai biết được. Năm năm sống trong tù, hần thấy nhiều người thuộc diện được tha, nhưng chỉ vài người tập trung cải tạo và đó là những sự kiện xôn xao cả trại. Còn toàn là tù nặng, tù có án. Năm năm tù hần không dám kêu lâu, vì ở đây toàn những người kỳ cựu, những xê-ri AM, BM...

Một lính đánh nghèo bị kết án tù sáu tháng vào trại, được một người tù già bĩu môi:

- Không bằng thời gian tao đi đá, đi ỉa trong tù.

Thời gian của bọn tù tập trung cải tạo được tính bằng lệnh. Họ hỏi nhau:

- Mấy lệnh rồi?

Hần đã lê chân hết nhà tù này đến nhà tù khác. Hần mù mị đi. Nhưng sao mùa xuân vẫn hấp dẫn người ta thế. Hần lầm nhảm một đoạn thơ cứ luẩn quẩn trong óc hần mấy hôm nay, khi những cây trâu đồng loạt trở bông.

Tôi đã quên tên tôi dưới mặt trời

Quên tuổi tôi

Cắm sâu lưỡi dao năm tháng

Thời gian băng hà sọ não tôi

Cuộc đời trước hoang đường tiền sử?

Từ thế giới này đã mất thói quen dùng lửa

Tôi hoá đá dần nổi nhớ về thế giới bên kia...

Trong gần hai ngàn ngày tù dài dằng dặc thành một khúc đông cứng giữa cái sèn sệt, đặc quánh của năm tháng cuộc đời hần, ngoài ngày được tha, hần còn nhớ rõ cả ngày trước đó, cái ngày cuối cùng hần ở trong tù.

Chiều hôm trước khi được tha, hần còn bị lôi thôi. Hần bị trực trại khám nội vụ.

Nội vụ của hần khá tươm. Nghĩa là đủ mọi thứ. Nó chứng tỏ công lao, sự chăm sóc của vợ hần. Rất nhiều người khác - đặc biệt là đám tù trẻ - không có được một tài sản như hần. Một cái hòm gỗ thông sơn xám, nẹp sắt, nguyên là hòm đựng đạn mà một bạn đọc cho vợ hần để vợ hần gửi vào cho hần. Hòm có khoá, một cái khoá Trung Quốc. Khi được gọi ra gặp mặt vợ, trông thấy cái hòm để cạnh chỗ vợ ngồi, mắt hần sáng lên. Hần chỉ sợ người ta không cho nhận cái hòm ấy. Cái hòm, đó là một thứ tổng kho, là sự giàu có, đầy đủ tiện nghi trong tù, lại là sự quan tâm của gia đình. Điều đó nâng cao vị trí của hần ở trong tù, vị trí của hần trước các bạn tù. Không gì đau khổ và bị xem thường bằng những người quanh năm không được gia đình lên gặp mặt như Nguyễn Văn Dục, như Lê Bá Di chẳng hạn. Cái cảm giác bị bỏ rơi và không có một chút gì đáng giá trước mặt người khác thật là cụ thể. Anh chỉ là thứ tù hạng bét. Vả lại những người tù kỳ cựu, cơ chỉ đều có hòm. Điều đó còn nói rằng anh ta đã xác định được, đã chuẩn bị đầy đủ để sống lâu dài trong tù, khi anh ta không có án mà chỉ có lệnh tập trung cải tạo.

Tất cả những gì giá trị, hần đều cho vào hòm. Mà những cái đáng giá nhất trong tù là thức ăn: muối vừng, ruốc thịt, đường, kẹo bánh, chè, thuốc lá. Chuột hết nhảm. Bọn đều hết ăn cấp. Hần đã bị mất hai gói kẹo mà hần chắt chiu, chỉ khi nào mệt lắm, đói lắm mới dám ngậm, mút một chiếc. Đi làm về hần thấy cái túi lòi ra phía cửa sổ, cái chiếu xộc xệch, hần giật mình, lao vội đến, thò tay vào trong túi. Hai gói kẹo không còn nữa. Hần chết lặng, lườm hét được tồn thất. Một nhà buôn mắt sạch gia tài cũng không đau khổ bằng hần.

Khi vợ hần lên tiếp tế, cái hòm ấy đầy áp những xôi, bánh mì và thức ăn mặn. Nhưng đã bốn, năm tháng nay vợ hần không lên. Chỉ còn lại một ít đường. Bù lại hần có một túi nilông to cơm khô Vừa cơm vừa cháy. Cơm độn ngô vàng vàng, trắng trắng.

Hần dành dụm được bằng nhiều cách. Nhét được cái gì vào bụng trong lúc đi làm, đến bữa hần lại bót một ít ra phơi. Có nắm cơm khô, yên tâm. Cái lệ là: Chủ nhật không đi làm, bị cắt bữa sáng. Nhịn thông từ chiều hôm trước đến trưa hôm sau, dạ dày nhớ bữa. Đói. Bình thường đã đói, lại cắt bữa. Hoa cả mắt. Sáng chủ nhật, hần bót một nắm cơm khô cho vào cái ca, bung lên. Thế là có thể cầm cự được đến bữa trưa. Nếu chiều thứ bảy tạt được nắm rau cải hay củ su hào, lại có thêm quả ớt xanh nữa thì cứ gọi là đại tiệc. Cay cay, mặn mặn, mát mát, bùi bùi, nóng bỏng môi, xụp xoạp vã mồ hôi. Phở Hói, phở Tư Lùn Hà Nội cũng chẳng thú bằng.

Cái ca của hần bằng nhôm đúc, nửa lít, lợi hại lắm. Cái ca theo hần vào xà lim ngay từ ngày đầu tiên. Hần kiếm được một cái đinh gỉ cùn trong khi đi đổ bê, đem về xà lim mài nhọn, sáng loáng và khắc vào đít ca, chung quanh ca bao nhiêu chữ số. Đại loại như: 8-12-1968 (ý hần muốn kỷ niệm tròn một tháng bị bắt), 3-7 (ý nói ngày sinh của hần và ngày hần cùng vợ hần yêu nhau lần đầu tiên), 8-3-69 (ý hần nói đã hết lệnh tạm giam bốn tháng đầu tiên, hần hy vọng sẽ được tha)v. . v. . Cái ca dày có thể làm cối giã. Hần đã giã canh rau sắng nấu canh (lá là thịt, canh là xương, ngọt nước lã), giã lạc giống ăn cấp được trong khi gieo ở Đồng Mít, cho nước, muối vào, đun lên xăm xấp làm thức ăn mặn, kéo dài cuộc sống được một tuần.

Lý Xìn Cẩm, dân lò bát Móng Cái, người Hoa mãi võ đã từng thí võ ở Hà Nội, tù trước hần hai lệnh, suốt mùa hè cời trần, lưng cánh phản nâu cháy, thích cái ca lắm:

- Ca này của A Tuấn tốt lắm đấy.

Xìn Cẩm ngắm nghĩa cái ca rồi hỏi:

- Không có nắp à?

- Không.

Thế rồi một hôm hắn thấy Xin Cẩm chân khuỳnh khuỳnh chữ bát đi lại chỗ hắn, mặt mũi râu tóc bạc trắng như Hemingway cầm trong tay cái nắp ca bằng sắt tráng men mất nùm. Xin Cẩm bảo hắn:

- A Tuấn đưa ca đây.

Xin Cẩm cầm ca, áp cái nắp vào, vừa khít. Đưa trả lại hắn cái ca có nắp, Xin Cẩm nở nụ cười trẻ thơ, nụ cười Hemingway, rồi lại khuỳnh khuỳnh chữ bát về chỗ mình nằm. Thật là một người đôn hậu và tuyệt diệu.

Nhược điểm của cái nắp là sứt nùm. Dễ thôi, cuộn giấy lại nút vào là xong. Cương, toán lâm sản, mượn cái ca đi rừng. Khi trả lại, ca đã được quấn mấy vòng dây điện bọc nhựa, để cách nhiệt, cầm đỡ nóng. Thật là hoàn chỉnh. Cái ca có nắp càng thêm lợi hại. Gọn, xẹp được ba khúc sắn nục nạc. Một ngón tay đỡ nắp, rồi dốc ngược, quay đít ca lên trên, vung vẩy đi thì trông hết cái ca rỗng. Cứ thế mà qua mắt quản giáo, trực trại, mang sắn vào buồng giam.

Nội vụ của hắn còn có cái cặp lồng. Một cái cặp lồng ác chiến. Cặp lồng trong tù giống xe đạp của cán bộ công nhân viên thời đó. Vừa là phương tiện đi làm, kiếm sống, vừa là tài sản. Có cái cặp lồng đi làm tha hồ sột sệt. Đốt đồng lửa lên, ninh lá sắn non, luộc mấy cái ngồng cải, nếu tốt số tạt được một con cải bắp nữa thì bành

Có cái cặp lồng, nhiều khi không tạt được gì cũng bành. Bạn tù kiếm được củ khoai, nắm rau sắng, túi hạt gấm, chục con nhái, cần sột sệt mà không có gì để nấu, thì cặp lồng của mình đây, cứ lấy mà dùng. Tất nhiên người chủ cặp lồng sẽ là khách mời trong danh dự (miếng ăn thật quý, nhưng hắn vốn rất trọng danh dự).

Ngoài việc sột sệt cho mình và cho thuê dịch vụ như cách nói hiện nay, cái cặp lồng còn để đựng nước, một thứ luôn luôn thiếu. Và cuối cùng, khi bí lắm thì chác. Cả một tài sản đấy. Được nhiều thứ lắm. Chỉ những anh có máu mặt, anh em toán lâm sản, toán chăn nuôi, toán nhà bếp mới đủ lực chác cặp lồng.

Cái cặp lồng của hắn lại là ngăn dưới cái cặp lồng Liên Xô Có nắp, có quai xách. To, cao thành, dày. Rang không sợ cháy. Nấu xong bị nhỏ, lấy cát đánh bóng loáng, không sợ mòn thủng. Đúng là loại Pơgiô đờ luych! Đờ luych mante!

Hắn còn có cả một cái bi-đông nhựa. Tất nhiên bi-đông nhôm nhiều công dụng hơn. Cấu búp chè xanh, nhét đầy bi-đông nhôm, cho nước vào, cời than ở đồng lửa ra, đặt bi-đông lên. Chóng sôi lắm. Quản giáo cứ tưởng mình đun nước tráng thổi. Chè búp nấu nước uống ngon hơn chè già nhiều. Nước xanh ngắt. Anh em Cầu Giát, Ba Làng cũng gọi là "nạc chạt". Chất lừ đấy. Ngon hơn bất kỳ thứ chè xanh nào.

Nhưng bi-đông nhựa cũng có công dụng. Nhất là loại bi-đông nhựa trắng mờ, sần sần như của hắn. Kín kín hờ hờ rất hay. Hắn đã yếm lạc ở đấy, bông về. Lần ấy toán gieo lạc. Mỗi người ra lò xúc một bát men lạc giống rồi đi theo từng luống. Hắn mặc hai quần dài. Quần dài bên trong được chít hai ống vào cổ chân. Chít chặt. Tím cả chân. Thế rồi vừa gieo vừa thót bụng, đổ lạc vào bụng.

Lạc tuồn qua bụng, qua đùi, xuống cái quần bên trong đã bị chít, giống như cách dân mình lấy gạo trong kho của Nhật năm đói 1945 mà hắn đã viết trong một tập sách.

Lần ấy, anh nào cũng kiếm được một hai ki-lô lạc giống. Nhưng tất cả đều bị thu khi về đến cổng trại.

Ai cũng bị khám. Khám cẩn thận, tỉ mỉ. Nấn cả người. Có lẽ anh em đánh hăng quá. Hoặc có ai bám. Giắt vào người: mát. Buộc vào khoeo chân: mát. Cho vào ống điếu: mát. Nhiều lạc quá. Đến nỗi ông Quân phải bảo nhà bếp lấy thêm lò ra đựng lạc.

Hắn yếm lạc trong bi-đông nhựa, khoác tòn ten bên vai. Nhìn kỹ thì thấy bóng hột lạc nâu nâu qua làn nhựa mờ đấy. Nhưng các ông ấy không thể ngờ hắn lại có thể yếm một cách hờ hênh như thế. Các ông ấy không chú ý tới cái bi-đông nhựa, mà lại lục cặp lồng. Lục bị của hắn, rồi nắn người hắn.

Hắn thoát. Mang được vào trại một bi-đông lạc giống, hột nào hột ấy tròn căng.

Sau lần ấy anh em khộp lạc ngay tại chỗ làm. Không nghĩ đến chuyện bông về nữa. Nhưng vỏ quýt dày có móng tay nhọn. Ông quản giáo cho ngâm lạc giống vào nước phân loãng. Đành chịu.

Nội vụ của hắn còn có bộ đồ trà. Nói cho đúng cái ca con pha trà là của già Độ Hắn chỉ có hai cái chén mất trâu.

Khác với anh em trong tù toàn đắp chăn sợi, rét thì hai người đắp chung hai chăn, hắn có cái chăn bông to sù. Có lẽ đó là cái chăn bông duy nhất ở trại trung ương. Vợ hắn sợ hắn rét. Cũng phải kể thêm cái áo bông của hắn. Hai ki-lô! Gấp lại to gần bằng cái chăn bông. Thử áo bông Trung Quốc chính hiệu. Cổ lông. Làn ngoài ka-ki xanh. Bông chần ngay vào lượt vải lót Anh Văn, anh ruột hắn, đi học thủy điện ở Vũ Hán, Trung Quốc, cho hắn. Đạo còn làm báo hắn đã mặc. Hắn gọi là áo ngự hàn. Mặc vào gió mùa đông bắc chỉ có khóc. Những ngày đại hàn chi cực, đi cơ sở lấy tin xong, trở về cơ quan đứng giữa đám phóng viên tím tái vì rét, hắn kéo phía sau áo bông lên bảo Bình:

- Kiểm cái quạt quạt hộ vào lưng với. Nóng quá. Rôm đốt. Ngứa hết cả người.

Cái áo bông vào xà lim với hắn một ngày. Chả là hắn bị bắt vào đầu mùa rét. Khi hắn từ xà lim chuyển sang BD cái áo bông được cả B mền.

Cứ chín giờ tối, keng cậm, đi nằm, cái áo bông ấy biến thành của công. Mỗi ca hai tiếng, hai người thức gác, họ mượn cái áo bông của hắn. Ngồi thu lu giữa sàn xi-măng lạnh lẽo, cửa gió sắt trống hốc, gió thốc vào, khoác cái áo bông của hắn ấm hắn lên. Cứ thế ca trước chuyển cho ca sau.

Khi lên các trại trung ương, mặc cái áo to rộng ấy, yếm thứ gì vào người cũng dễ. Hắn còn nghĩ được cả cách yếm cái bắp vào áo bông. Chọn cái bắp chặt, xinh, to bằng đầu người, xắt đôi ra, đút mỗi nửa vừa khít một tay áo bông. Rồi khoác lên vai (khoác chứ đừng mặc), đi qua trạm gác ngon lành.

Chẳng ai đi tù lĩnh kính như hắn.

Khi nhìn thấy ông trực trại đi vào, theo sau là Chắt, một người tù chuyên làm việc khoá cửa, mở cửa các buồng giam, mọi người dừng tất cả các công việc. Lúc ấy cả toán vừa đi làm về. Hắn cất cặp lồng nước, phơi xong bộ quần áo ướt và nằm ngửa trên giường một nhọc. Hắn nhìn lên mái nhà, mắt trống không. Cạnh hắn, già Đô với bộ râu rể tre dài tới ngực, lóm đóm hoa râu, người nhỏ thó, đang ngồi xỏ soạn những ca, những ống bương đựng nước, những gói, những quần áo ướt mới giặt.

Anh em trong buồng giam, người đang phơi quần áo, người quay vào vách, về phía đặt nội vụ, soạn những thứ tạt được hoặc kiếm được trong lúc đi làm, chỉ ít cũng là vài lít nước múc ở ngoài suối. Người nhanh hơn đã nằm duỗi dài trên sàn. Tiếng lục cục của những phản gỗ kên, tiếng giũ quần áo ướt, tiếng một anh thử cái nỏ điều mới khoét chóp chóp và cả vài tiếng rì rầm.

Họ đến.

Tất cả im lặng. Những người đã nằm, ngồi nhòm dậy. Hơn trăm con mắt nhìn người công an áo vàng và Chắt, người tù số một của trại, nghĩa là người tù "thơm" nhất trại.

Hai người đi về phía hắn. Già Đô giấu vội ca rau, làm đổ cả bi- đông nước. Hắn và già Đô cùng què nên bao giờ cũng nằm cạnh nhau và bao giờ cũng nằm tầng trên, chỗ sát cửa sổ, gần cửa ra vào. Nằm ở những chỗ như vậy, thoáng sạch hơn, lại xa nhà mét Có chuyển buồng bao giờ hắn cũng nhanh chân nhảy lên chiếm chỗ trước cho mình và cho già Độ Rất nhanh hắn đã kịp ấn con dao mảnh, rộng bằng ngón tay và chiều dài cũng như vậy, xuống cái khe giữa vách và sạp gỗ. Nó rơi xuống tầng sàn dưới không một tiếng động kim loại, bởi vì chỗ ấy cũng lủng củng những nội vụ của Voòng Kỷ Minh, một anh tù tập trung cải tạo, đã ở đến lệnh thứ tư.

ông trực trại và Chắt nhảy phát lên tầng trên.

- Vừa giấu cái gì đấy?

ông ta quát to, nhưng giọng không nhiệt tình.

Hắn lễ phép:

Thưa ông, không.

Mặt hần tỉnh bợ Hần nói dối thần tình. Vào tù hần đã học được hai điều: ăn cắp và nói dối. Không ăn cắp vẫn sống được đấy. Nhưng khổ. Và buồn nữa.

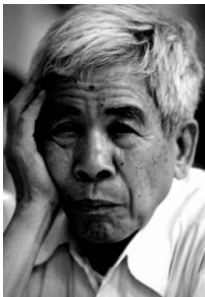
Nếu không có cái lo lắng hồi hộp của việc ăn cắp và bông của ăn cắp được về trại, thì buồn lắm, buồn không chịu nổi. Sung sướng biết bao khi mình vẫn lấy cắp và mang được về trại tất cả, vượt qua vòng kiểm soát nghiêm ngặt của các ông quản giáo. Ăn cắp với hần còn có nghĩa phản kháng, tuy sự phản kháng đó hơi nguy hiểm. Nó dẫn tới kỷ luật, cùm xà lim, ăn cháo loãng.

Và nếu ăn cắp, nếu vi phạm nội qui, họ không bắt được quả tang thì chối. Chối phắt. Con dao, đó là sự vi phạm nội qui nặng đấy, dù chỉ là một mảnh sắt tây được mài sắc, để cắt một cây rau cải nhỏ trộm được, hay gọt vỏ một mẫu sắn chạy nhựa xanh lè vớ được trong rừng, chuột, sóc ăn nham nhở.

Ông quản giáo đứng trên tầng trên, đầu gần chạm cái giá dài làm bằng những cây nứa, một kiểu xích-đông chạy suốt phòng giam, trên ấy anh em tù để một phần nội vụ.

Chất làm nhiệm vụ của mình. Chất bắt đầu lục, gỡ tung nội vụ của hần. Ông quản giáo đứng nhìn, mặt nghiêm khắc. Không biết ông quản giáo có nhớ hần không. Chứ hần thì nhớ ông. Bởi thế nên hần rất sợ Ông. Với ông mọi việc đều có thể xảy ra.

Phụ đính:



Một mơ ước về kiếp sau

*Lời giới thiệu: Đoạn văn này được trích trong hồi ký **Viết Về Bè Bạn** của nhà văn **Bùi Ngọc Tấn** - tác giả **Chuyện Kể Năm 2000** - vừa do tủ sách **Tiếng Quê Hương ở Virginia, USA** phát hành.*

Cây xấu hổ

Chiều lặng ngồi trên cây xấu hổ

Lá thẹn thò sau đám cỏ rối bời

Hãy ngoảnh lại đây

Có gì mà mắc cỡ

Chỉ mình ta bầu bạn với ta thôi.

Nguyễn Thị Hoài Thanh ngồi một mình ở Đồng Xoài, chờ người ta thu hoạch xong thì vào mót. Cô đơn ở xứ người, để giết thời gian, để quên đi nỗi lo kiếm sống, chị trên chông và trò chuyện với cây xấu hổ. Thế rồi thơ đến. Khi ở tù ra hầu như tôi chỉ còn một nhóm bè bạn, trong đó có Nguyễn Bình, người không bao giờ bỏ tôi trong những lúc gian lao nguy hiểm đói nghèo nhất. Anh vẫn đến nhà chơi, nói dăm ba câu chuyện hoặc nô đùa với các con tôi. Tôi chẳng dám

trách ai. Bởi cái ống ngắm hiển nhiên là đang nhắm vào tôi. Chẳng ai lại muốn mình hiện hình trong vòng ngắm. Đừng có đem sinh mạng mình, đời sống gia đình vợ con mình ra đùa cợt.

Thế mà trong những ngày ấy tôi lại có thêm một người bạn mới: Nguyễn Thị Hoài Thanh. Chị thường xuyên đến nhà. Nói chuyện với tôi. Bàn chuyện làm ăn sinh sống với vợ tôi. Dạy hai đứa con gái tôi cách thêu may bô đê để kiếm sống. Tôi và Nguyễn Thị Hoài Thanh trước đó chỉ biết nhau chứ chưa hề chào nhau dù gặp nhau trong một cuộc họp, lại càng chưa một lần đối thoại. Tôi ấm lòng khi thấy chị lên nhà, ân cần, thân mật, cởi mở như một người bạn thân của cả gia đình và hoàn toàn chiếm được niềm tin, tình cảm của vợ chồng tôi. Chị như một chỗ dựa tinh thần, một sự động viên vợ tôi trong những ngày tháng gian lao ấy.

Lúc đó tôi mới biết rằng chị làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, một xí nghiệp tôi cũng từng quen, đã xuống lấy tin viết bài, nơi sản sinh ra anh hùng lao động Hồ Xuân Tuyên mà Dương Tường đã viết trong Thuyền Trường. Chị mách chúng tôi một cách kiếm sống: Làm nước mắm.

Ngày ấy nước mắm rất khan hiếm, cắt theo phiếu, theo tiêu chuẩn thang lương. Có nhà khoa học còn nghiên cứu làm nước mắm dất, nấu từ con dất, một loại sinh vật biển họ trai hén nhưng chỉ nhỏ bằng cái cúc áo. Đề tài nước mắm dất được đăng ký cấp quốc gia hay cấp thành phố tôi không nhớ. Nhà ai chẳng phải ăn nước mắm. Nước mắm đang lên ngôi. Chúng tôi bị thuyết phục ngay. Nguyễn Thị Hoài Thanh giảng cho chúng tôi nghe về con nước, về chợ chiều, cá ươn, cá ế, về loại cá rế cau, như con chạch nhưng đỏ, không ai ăn, mua về làm chượp, và điều quan trọng là khi nấu mắm xong đừng lọc chất ngay mà cứ để nguyên như vậy cho đến khi nguội hẳn vì trong quá trình ấy đạm vẫn từ bã thối ra nước. Rồi chị giới thiệu cho tôi biết những chợ nào người ta hay bán cá rế cau. Rồi tính toán tiền cá, tiền muối, một cân cá được bao nhiêu nước mắm loại một, nước mắm loại hai... Nhưng lấy gì mà ngâm chượp? Lại cũng chị Thanh. Tối hôm ấy vợ tôi vác xe đi. Chuẩn bị cả giày co nghĩa là giày cao su, cả bao tải. Lại mất điện. Vợ tôi đi trong bóng tối hun hút xuống nhà chị. Một khu tập thể không tên gọi, không số nhà. Cũng may, ban ngày Nguyễn Thị Hoài Thanh đã đưa vợ tôi xuống nhà để vợ tôi thuộc những góc gác ngoắt ngoéo mà dù cho có tối tăm, mất điện, lại toàn những mái nhà lô nhô như bát úp ở một khu đất trước đây là trận địa pháo cao xạ mà về sau khi tôi xin được việc làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, mới biết nó có tên là khu Bãi Cát, vợ tôi vẫn có thể tìm đến tận nơi.

Khi chiếc loa ngã sáu phát chương trình Quân đội nhân dân, nghĩa là khoảng chín giờ, tôi nghe tiếng gọi của vợ tôi dưới cầu thang. Tôi vội chạy xuống. Trong bóng tối tôi thấy vợ tôi đang giữ chiếc xe đạp ở chân thang, và ở póc ba ga, một đồng gì gỗ cao đen sì. Tôi đặt tay lên đó. Chiến công của vợ tôi. Sự giúp đỡ tận tình của Nguyễn Thị Hoài Thanh. Niềm hy vọng của chúng tôi. Nó căng. Cứng. Và cong cong. To nữa. Cái bao tải to thế mà căng phồng.

- Chị Thanh đưa em qua cổng bảo vệ chứ không cũng không mang được về nhà đâu. Đó là một bình gốm chuyên dùng, miệng nhỏ, có nắp vặn xoáy được để đựng a xít. Bình dày nên tuy to nhưng chưa chắc đã đựng được nửa thùng nước. Tài sản ban đầu của chúng tôi để tự kiếm sống là như vậy. Chúng tôi dội nước đầy bình cho a xít thối ra trước khi ngâm chượp. Rồi đi mua cá rế cau cá ươn cá ế ở chợ. Chẳng mấy chốc mà đầy hũ. Không dám để hũ dưới nhà. Sợ mất. Chúng tôi bê lên gác, đặt ngoài bệ cửa sổ. Sốt ruột mong nó phân hủy, để nó thành chượp, nấu lên thành nước mắm mang đi bán. Trong khi chờ đợi có nước mắm bán cả nhà vẫn cứ phải ăn. Nguyễn Thị Hoài Thanh hiểu được điều ấy. Chị đến dạy vợ tôi và hai đứa con gái còn chưa đến tuổi dậy thì bô đê.

- Cái này là làm cho mấy bà buôn ở chợ Sắt.

Nhìn những mẫu bô đê của chị tôi mới nhớ ra rằng ở những gấu quần xa tanh, gấu áo phin nôn của những người sang trọng luôn có những hoa văn đục thủng ra rồi viền lại như vậy.

Tôi không hiểu chị học bô đê ở đâu mà đẹp thế. Hay chị học ở trường mồ côi? Mà chị có mồ côi và học ở trường mồ côi như người ta vẫn nói thật không. Rồi lại còn cái chuyện Nguyễn Cao Kỳ (tu lệnh không quân rồi phó thủ tướng ngụy) là anh ruột chị nữa. Nói chung là chung quanh chị có nhiều "huyền thoại," những "hiện thực huyền ảo" giết người. Dường như biết rằng có những dư luận rất bất lợi cho mình và mọi người nhìn mình bằng con mắt nghi kỵ xa lánh nên chị không chủ động thân thiết gần gũi với một ai. Chỉ đến khi tôi đi tù về chị mới đến nhà tôi. Người khác có thể sợ chứ chị thì không. Chị nghĩ mọi cách giúp gia đình tôi kiếm sống. Chị nuôi ngan và bàn với tôi việc nuôi ngan. Chị bảo chị đã nghiên cứu và tìm ra thủ phạm của việc làm ngan chết hàng loạt là những con giun móc chui vào lỗ tai ngan vì vậy trong lúc trời mưa, tuyệt đối không được cho ngan sục nước. Chị vẽ ra một viễn ảnh sáng ngời: Tôi mang trên vai một chiếc cuốc nhỏ, lùa đàn ngan ra bãi Máy Tơ...

Nhưng tất cả kế hoạch của chị cũng chỉ hoàn toàn là kế hoạch của một nhà thơ. Hoặc kế hoạch mang tính khả thi đấy nhưng không thực thi được vì người thực hiện lại là tôi. Tuy nhiên về một mặt nào đấy những kế hoạch của chị cũng mang lại tác dụng. Nó làm chúng tôi ấm lòng. Nó giúp chúng tôi có thêm nghị lực sống, vượt qua được những ngày nào cũng dài đằng đẵng ấy. Chúng tôi vẫn có những người bạn để chia sẻ. Điều đó giúp chúng tôi có thêm nghị lực.

Thế nào mà khi được đi làm trở lại, tôi lại về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, nghĩa là về cùng xí nghiệp với Nguyễn Thị Hoài Thanh. Ông Hoàng Hữu Nhân nguyên bí thư thành ủy Hải Phòng, khi đó là tổng cục trưởng tổng cục Thủy sản đã cứu tôi, quyết vượt qua mọi trở ngại, những mưu toan ngấm ngầm công khai của những người có thể lực khác tìm mọi cách không cho tôi trở lại với cơ quan xí nghiệp nhà nước. Tôi làm văn phòng. Còn chị Thanh làm ở phân xưởng, tổ ắc quy, ngành điện. Trong sổ tay tôi còn ghi lại một buổi sáng xuân, tôi đứng trên mũi một con tàu đang xâm lại mặt boong. Trời xuân, không mưa bụi nhưng mát mịn da mặt. Phía bên kia sông, những cây sù lá xanh thẫm. Chân trời những đám mây xuân tầng tầng lớp lớp. Và gió. Gió không mạnh, chỉ đủ giục giã lên đường. Người thuyền trưởng đứng sau tôi. Anh ôm tôi, nhắc bóng tôi lên. Rồi lại đặt tôi xuống.

Từ phía đầu cầu cảng chạy vào một chiếc xe rùa, một loại xe chạy bằng ắc quy, êm không một tiếng động. Trên xe, mấy cô công nhân tươi cười rạng rỡ. Thuyền trưởng bỗng rời vòng tay ôm tôi, nhao ra lan can: "Cô Thanh ơi, chúng tôi thay ắc quy đấy nhé." Lúc bấy giờ tôi mới để ý là Nguyễn Thị Hoài Thanh đang ngồi trên xe. Quần áo bảo hộ lao động rộng thùng, chiếc mũ lưới chai, khuôn mặt chị ngời ngời giữa những món tóc bị gió thổi bay dập dờn trên mặt trên má trên miệng cô công nhân ngồi đằng sau chị. Chị nói như hét:

- Chưa thay được cho anh đâu.

Chiếc xe vẫn giữ nguyên tốc độ, vượt qua chỗ chúng tôi.

Thuyền trưởng kêu to:

- Sao lại chưa?

Chiếc xe đã ngoặt về phía cổng cảng. Vọng lại một câu trả lời của chị nhưng nghe không rõ.

Chiếc xe đã biến mất. Nó lướt qua không một tiếng động. Như nó chưa hề đi qua đây. Một thủy thủ nói:

- Cô Thanh được đấy thuyền trưởng ạ

Thuyền trưởng cười:

- Già rồi.

Anh thuyền viên kêu to với đám thủy thủ đang trầu cáp, chuẩn bị cho một chuyến biển mới:

- Thuyền trưởng chê cô Thanh già các cậu ơi!

- Tớ già chứ không phải cô Thanh. Hiểu chưa?

Tất cả cười dòn.

Năm ấy Nguyễn Thị Hoài Thanh còn đang tuổi ba mươi. Thờ con gái chị vốn xinh đẹp. Nhất

dáng nhī da. Chī đưōc cả hai. Nhưng hōng nhan đā truān. Hai lần kết hōn, hai lần li dị. Vẻ đēp của tuổi ba mươi đāng chín. Cái sắc đēp không chủ đā gây cho chī biết bao khó khǎn, nhiều khi cả nguy hiểm nưā.

- Người ta cứ coi tôi là con mụ Hén anh ạ.

Chī nói vậy và cười hōn nhiên:

- Ngày ấy mình còn mầu mō.

Sau này khi đā lục tuần, ngōi ôn lại cuộc đōi, chī nói với tôi như vậy. Và cũng như cô Hén, cái đám Nghēu, Sò cũng toàn là các hàng chức sắc nên rất nguy hiểm. Thời gian chī còn làm thợ điện ở công ty X, chỉ vì không chịu bắt tay ông trưōng phòng của chī mà chī không đưōc chấm công, không có lương, dù ngày ngày vẫn đi làm với các đōi, dù chī đā lấy đầy đủ xác nhận của các đōi sản xuất. (Bắt tay là chuyện bình thường, nhưng đây lại là một kiểu ra đưng vào chạm, một kiểu lợi dụng của ông trưōng phòng mà chī biết quá rõ.) Và sự việc không đưng ở đấy. Chī ở tập thể, nghĩa là một nửa gian phía ngoài, còn nửa gian phía trong là kho dụng cụ (toàn cuộc xềng). Một trưā đi làm về, chī thấy buồng chī bị khoá. Bé Đan, con gái chī đāng ngōi khóc ở cửa. Người ta giải thích cho chī hiểu rằng không phải người ta khoá buồng chī mà người ta khoá kho dụng cụ, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Chī gặp người này gặp người khác. Chī đấu tranh. Khi cứng rắn. Khi mềm dẻo. Lúc pha cả hài hước. Mãi khuya ông trưōng phòng mới hạ lệnh mở khoá cho chī vào buồng. Thế rồi khi ông chủ nhiệm công ty cũng muốn đến với Hén và bị Hén cự tuyệt thẳng thừng mới thật gay go. Lại một chiều đi làm về, vừa bước vào khu tập thể, bé Đan đā mếu máo chạy ra:

- Mẹ ơi. Nhà mình toàn bàn ghế thōi, con không nấu đưōc cōm đāu.

Chī đưng lặng. Cái ô con con hai mẹ con vẫn chui ra chui vào cửa vẫn mở nhưng chậ cứng bàn ghế. Chī đā hiểu. Người ta quyết không cho chī ở mấy mét vuông này. Chī thì thào với con gái:

- Mẹ con mình khiēng sang nhà bác chủ nhiệm nhē. Thật khē. Đưng để ai biết.

Lúc đó đā tối. Giờ ăn cōm của cả khu tập thể. Bụng đói, bé Đan cùng mẹ khiēng từng chiếc bàn chiếc ghế sang nhà ông chủ nhiệm. Nhà ông ta rất rộng. Sân. Gian ngoài. Gian trong. Hai mẹ con đặt những đồ mộc ấy ở gian ngoài. Năm chuyến. Sáu chuyến. Bảy chuyến. Đói. Im lặng. Thở. Như một trò tinh nghịch. Nghe rõ tiếng trò chuyện từ gian trong. Ngửi cả mùi cōm trộn mì, mùi canh dưa chua ngào ngọt bốc ra. Khiēng gằn xong thì bị lộ. Ông chủ nhiệm quăng bát cōm chạy ra. Gầm lên:

- Cô Thanh! Làm trò gì thế này?

- Tôi sẽ lập biên bản. Cô đưng là một người quá thể. Không còn coi ai ra gì!

Ông hét không thành tiếng. Cả khu tập thể vốn dĩ đói nghèo sự kiện, đói nghèo trò giải trí, bỏ dở bữa cōm đổ xô tới. Mọi người trong gia đīnh ông kêu thét ầm ĩ. Như một dàn đồng ca.

Nguyễn Thị Hoài Thanh tươi cười lễ phép:

- Báo cáo chủ nhiệm, tôi đi làm về thì thấy số tài sản xã hội chủ nghĩa này trong nhà tôi. Tôi không hiểu ai vấ vào. Đây là bàn ghế chứ ngộ nhớ thuốc phiện thì có nguy hiểm cho tôi không. Cho nên tôi phải trình với chủ nhiệm. Hai mẹ con tôi dù chưa ăn, bụng đói cũng cố đōng viên nhau khiēng sang. Chả lẽ lại vấ ra ngoài sân. Tài sản xã hội chủ nghĩa không thể thế đưōc. Phải bảo vệ. Nên chỉ còn mỗi cách khiēng sang nhà thủ trưōng.

Hoài Thanh thắng. Thắng oanh liệt. Sau trận thắng chī hiểu rằng không thể nào ở lại công ty đưōc, phải tìm cách chuyến thōi. Trong lúc giao thời thất nghiệp ấy, một người bạn rủ chī đi bán than cùng ông ta. Mừng như bắt đưōc của. Không phải "một gách càn khôn quắy xuống ngàn, hỏi rằng chī đó gửi rằng than" mà là mua than của mậu dịch rồi xe đō cho các nhà. Thứ than cám đā nháo bùn để người ta chim chim lại cho và bép lò. Than trộn bùn ướt nặng như đá. "Ông Hạp

oi! Khiêng hộ tôi lên bàn cân với!" "Ông Hạp ơi! Đẩy hộ cái xe vào đây!" Tiền thì chia đôi mà chốc lại ông Hạp ơi, ông Hạp ơi. Xe than đi đổ cũng lắm chuyện bi hài. Chuyến xe đầu tiên thế nào lại quành đúng vào khu nhà tập thể của chị. Chị lo lắng: "Ông Hạp ơi. Đổ cho nhà ai thế này?" Hoá ra đổ cho nhà ông chủ nhiệm. Chính vợ chồng ông chủ nhiệm cũng ngạc nhiên. Cô Thanh bây giờ đi làm cái này à? Vâng. Báo cáo chủ nhiệm, việc gì tôi cũng làm để có tiền nuôi mình nuôi cháu. Hẳn ông chủ nhiệm cười thầm trong lòng: Chiến thắng là thế đấy hử cô Thanh? Cứ chiến thắng nữa đi. Chị không xấu hổ về tư thế chiến thắng của chị, cái tư thế nhếch nhác đầy vẻ thất bại của chị. Chị biết thừa câu nói không thành lời của chủ nhiệm: Cô đã thắng tôi. Nhưng cô đã thấy cái giá phải trả cho chiến thắng của cô là thế nào chưa? Chiến bại đấy cô ạ! Chị chỉ tự hỏi: Ông chủ nhiệm hả lòng hả dạ hẳn rồi, nhưng không biết ông có còn chút lòng trắc ẩn?

Thật ra tự đáy lòng, chị cảm thấy ngượng. Không chỉ trong lần xe than đổ cho ông chủ nhiệm. Còn nhiều lần khác. Hôm đầu tiên đến bãi than phố Đà Nẵng với ông Hạp chị đã ngượng rồi. Hôm ấy chị đi đôi giày da cũ của một người bạn cho chị rõ ràng là quá rộng. Cảnh thanh niên có mặt ở bãi thấy một phụ nữ trẻ trung xinh đẹp đẩy xe vào bãi, reo hò:

- Chào em gái xinh đẹp.

- Anh đã bảo em cứ ở nhà rồi anh mang tiền về, sao em còn ra đây làm gì? Nhớ anh quá hả?

- á chà! Lại đi giày bột tin!

Lại một hôm đang đẩy đặng sau, thấy ông Hạp cầm còng ngoặt vào nhà một cô bạn, chị vội đội lên đầu cái khăn mặt tuyền đen nhằm cho nó phủ kín trán, kín hai gò má và kéo sụp nón xuống che hết mặt. Chị bạn quát:

- Xe đổ vào góc trong cùng ấy. Góc bên phải cơ mà. Không nhìn thấy gì à? Bẩn hết bép rồi. Mấy tạ đấy?

Nguyễn Thị Hoài Thanh không nói một lời đến nỗi chị bạn gắt lên: "Cầm đấy à?" Chị bạn không nhận ra chị vì chị đúng là "một con mụ bán than đen thui thúi" từ nón đến giày bột tin!

Vừa xe than, chị vừa đi tìm việc. Nhưng khi chị tìm được việc làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long, người ta lại không cấp giấy giới thiệu cho chị mặc dù họ bảo chị nghỉ việc để liên hệ chuyển công tác. Chị, chẳng quen ai, không biết trông cậy vào ai, đi lên sở lao động tìm gặp bằng được ông phó giám đốc. Ông phó giám đốc ủng hộ chị. Có áp lực của sở lao động, chị được cấp giấy giới thiệu, được đi làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long. Nhưng người ta lại vin vào việc chị đã chuyển công tác để trục xuất chị khỏi khu tập thể. Một cuộc họp lãnh đạo công ty với khu tập thể có mời cả công an hộ tịch dự. Lập biên bản. Ra nghị quyết...

Hình như Nguyễn Thị Hoài Thanh sinh ra là để gặp những rắc rối, chịu đựng những rắc rối và vượt qua những rắc rối khó khăn. Chịu đựng và vượt qua một cách thản nhiên bình tĩnh, không kêu ca như cuộc đời vốn là như vậy.

Tốt nghiệp trường công nhân kỹ thuật Hải Phòng, chị ghi vào mục nguyện vọng: Tình nguyện đi bất cứ nơi nào trừ Hà Nội, Hải Phòng. Bởi vì lúc đó chị vừa li dị và mới sinh cháu gái đầu lòng. Bà mẹ trẻ tuổi hai mươi ấy không muốn gặp lại người chồng cũ và chỉ mong được yên tĩnh ở một nơi nào đó. Cầu được, ước thấy. Chị được về Cẩm Phả, coi một trạm điện đầu trục 2 thuộc mỏ Lộ Trí. Chị và cháu gái mới sinh ở ngay trạm, liền với nhà đề bê rộng thênh thang, nhà đề bê đã có người chết ở đó. Ngày ấy nơi đây là chim kêu vượn hú. Ngày ấy hai mẹ con suốt đêm nghe gió thổi qua mái nhà đề bê, nghe mưa rơi, nhìn nước đổ như thác cuộn cuộn bên ngoài trạm...

Thế rồi từ Cẩm Phả chị lại về Hải Phòng khi sóng gió trong lòng đã dịu. Rồi chị sang Kiến An. Chị

về Vĩnh Bảo. Có biết việc gì không trải qua. Hãy kể những việc chính: Công nhân xi măng, thợ điện Hải Phòng điện khí, thợ điện công ty xây lắp, công nhân bóc lạc công ty xuất nhập khẩu, đứng máy bào cuốn xí nghiệp gỗ Trương Công Định, công nhân công ty xếp dỡ, cấp dưỡng công ty vật liệu kiến thiết, súc sặc ắc quy Quốc doanh đánh cá Hạ Long... Đó là chưa kể còn đi giao bánh rán, bánh mì, kẹo lạc, làm và bán nước mắm... Đồng lương không đủ nuôi mình mà chị còn phải nuôi con. Cuộc sống tưởng chừng không có thời gian để thở, đó là chưa kể những chấn thương tinh thần sau hai lần li dị, ấy thế mà Nguyễn Thị Hoài Thanh vẫn làm thơ.

Cô gái ngay từ nhỏ đã có khí chất con giai này thực chất là đa cảm. Năm 13 tuổi bài văn xuôi đầu tiên được in trên báo Thế Kỷ. Năm 16 tuổi gửi thơ lên báo. Bài thơ không được in vì không chịu sửa theo ý biên tập. Bài thơ đầu tiên của chị được in trên báo Văn Học, cơ quan của Hội Nhà Văn là bài Lán Mông Giăng (1961). Đắm mình trong những vất vả khó khăn của công việc, của một mình nuôi con nhỏ, của mối tình đầu tan vỡ chị nghĩ tới một khung cảnh đầm ấm có vợ có chồng và trong khi chị đang nằm ở lán Mông Giăng này, có một người ngoài kia nghĩ về chị và nói với mọi người xin chớ ồn ào, để em tôi ngủ. Em tôi nào ngủ được. Bởi cô đơn. Bởi hoang vắng. Bởi nhà đề bô tối om từng có người chết ở liền bên. Bởi những tia chớp rạch trời thoát hiện những khóm lau chim trong bóng tối. Bởi bỗng một cánh tay đen sì từ nhà đề bô thò vào cửa sổ (một công nhân lò Lộ Trí lên gọi điện thoại báo tin máy hỏng). Bởi bé Đan viêm họng sốt cao. Không ngủ được thì cứ nằm mơ ước...

Nguyễn Thị Hoài Thanh làm thơ như một nhu cầu nội tâm. Chị làm thơ để trang trải nỗi lòng. Có một điều ngạc nhiên: Cuộc đời chị biết bao sóng gió mà thơ chị hồn nhiên trong trẻo thế. Chị có tài nhìn trong đồ vỡ để thấy được một cái gì vẫn là ấm áp như trong bài Bão tan:

Cây trụ lá màu chiều say sắc trắng

Hàng dậu xô làng xóm xích gần nhau Ngày tháng đề dưới bài thơ này là năm 1967, nghĩa là lúc Thị Hến đang lâm nạn đuối nhà.

Có lẽ đó không phải là cái tài của chị, mà chính là tâm hồn chị. Độ lượng, tha thứ, chịu đựng, vượt qua mọi gian lao và lúc nào cũng hướng về cái đẹp. Đọc lại những bài thơ của chị in rải rác trên các báo và tạp chí Văn Học, Văn Nghệ, Văn nghệ Quân đội, Cửa Biển và một vài tuyển tập, tôi lại có một "phát hiện" mới: Chị yêu Hải Phòng biết bao! Một Hải Phòng với những thành kiến, những tru dập, những nhọc nhằn kiếm sống, một Hải Phòng với những cuộc li hôn. Nhưng cũng là một Hải Phòng của thời thơ ấu, của những kỷ niệm không quên với bạn bè, của khát vọng vươn tới cái đẹp. Hải Phòng có bốn chiếc cầu ở bốn cửa thành phố thì hai chiếc đã nằm trong thơ Nguyễn Thị Hoài Thanh: Bài Cầu Xi măng và bài Chợ Cầu Rào.

Bài Cầu Xi măng như một bức thư gửi người anh trai đang sống ở Mỹ, ông Nguyễn Xuân Vinh. (Cũng không sợ lạc đề nếu nói ở đây rằng ông Vinh là một nhà bác học lớn của Nasa mà báo Lao Động đã viết một bài dài giới thiệu, ông đã từng chủ trì nhiều hội nghị không gian toàn thế giới. Trong cuốn tùy bút Theo ánh tinh cầu của ông có đoạn: "Cuốn sách tôi viết nói về quỹ đạo thu hồi một cách an toàn những phi thuyền không gian. Nhà xuất bản trước khi nhận in đã đưa bản thảo để lấy ý kiến của nhiều nhà khoa học. Tất cả đều đồng ý đây là cuốn sách độc nhất, với trình độ khoa học cao nhất viết về đề tài này." Không sợ lạc đề vì ông Vinh là nguyên nhân gây ra cái dư luận Hoài Thanh là em ruột Nguyễn Cao Kỳ.)

Anh đã xa cầu xi măng

Ba mươi năm từ đó

Xa con sông quê nước lợ

Anh có mơ một lần

sóng vỗ giấc mơ anh

Cầu xi măng ơi cầu xi măng

Thuở bé em nhìn sang bên sông

Trời đất một vùng chim bay chim lượn
... Mẹ ơi cầu có tự bao giờ? em hỏi mẹ
Mẹ bảo tuổi cầu cùng với tuổi anh...

Còn đây là bài Chợ Cầu Rào chị khóc người em trai Nguyễn Xuân Đăng mai táng ở nghĩa trang Ninh Hải (từ thành phố Hải Phòng phải đi qua Cầu Rào mới tới).

Em nằm bên kia sông
Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái
Qua chợ dùng dằng
nửa muốn đi nửa toan ghé lại
Định mua quà cho em nhưng nào biết mua chi
Em nằm ở bên kia
Bên đây chợ lao xao kẻ mua người bán
Chỉ một thứ chẳng ai cần bán mua là nước mắt
Em mặc cả với đời mang nó đi theo
Em nằm bên kia sông
Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái
Đến thăm em chẳng cần vội vã
ở nơi đó bao giờ cũng có thể có em
Đến thăm em rất cần vội vã
ở nơi đó bao giờ cũng không thể có em

Bài thơ chị làm trên đường sang nghĩa trang trong buổi sáng một ngày sau khi mai táng mà ta gọi là đi quơ mộ. Không phải chỉ những cây cầu dính dáng đến những người thân mới làm Nguyễn Thị Hoài Thanh xúc động. Hải Phòng là thành phố của hoa phượng. Tháng năm rợp trời hoa phượng đỏ (Hải Như). Hoa như mưa rơi rơi (Thanh Tùng). Tôi nghĩ bài Hoa Phượng của Nguyễn Thị Hoài Thanh là một trong những bài đặc sắc nhất về đề tài này:

Hoa rong chơi từ mùa thu năm ngoái
Hôm nay nghe phố gọi rủ nhau về
Gió đã mở nắng đã vàng đã chín
Hồn đã say chân đã bước đình ninh
Trong ngất ngây như có ai cuối phố đợi mình
Ai hát nửa điều gì thao thức lạ
Hoa khờ dại cháy mình trong nắng hạ
Để thu về tan tác cả lòng ai

Hình như một kỷ niệm đang trở về cùng chị. Hoa phượng đã làm chị nhớ lại.
Trong ngất ngây như có ai cuối phố đợi mình
Ai hát nửa điều gì thao thức lạ
Lại nghĩ đến hai câu thơ của Thi Hoàng:

Một đầu đường không có ai trông ngóng
Một buổi chiều không biết cất vào đâu

Để thấy những ngày Hoa Phượng ấy của Nguyễn Thị Hoài Thanh là như thế nào. Rồi chị thương hoa khờ dại cháy mình. Và lại thương ai. Tôi cứ nghĩ rằng chị tự thương mình. Chị thương chị. Hình như chị đã yêu, tình yêu chỉ tồn tại có một mùa hoa phượng. Nó đã qua rồi. Cùng phượng. Tôi lặng người khi đọc những vần thơ của chị viết về nỗi cô đơn:
Sau hồi keng tan ca

Tôi ngã vào vòng tay lạnh lẽo của mùa đông
Tan ca. Ra về. Chỉ lạnh lẽo một mùa đông chờ đợi. Bởi vậy khi có người hẹn đến chơi, niềm vui tràn lên đầu lưỡi, không có ai để chia sẻ, mà không thể không trò chuyện. Thì Nói chuyện với mèo:

Mèo ơi! Mèo có biết
Có người sắp đến thăm ta
Thời gian đợi bạn không phải là thời gian vẫn đến và vẫn đi nữa:
Ngày phập phồng như thể có tâm hồn
Đêm trần trọc đợi mặt trời thở gấp

Bạn đến. Bạn tâm sự. Rồi bạn đi. Ngay cả con mèo chị nuôi vẫn quanh quẩn bên chị cũng nhảy sang nóc nhà hàng xóm với bạn nó. Thì chị tâm sự với mình. Với cây. Với hoa. Điều ấy chị đã quen rồi. Chị thương yêu tất cả. Chị thương cả con bò người bạn chị dắt đi trên đường phố. Chị chào người bạn chăn bò vất vả để thêm vào đồng lương hưu ít ỏi rồi chị trò chuyện với bò. Chào bò bằng một cái nhìn nhưng bò chẳng nhìn đáp lại:

Có lẽ chú tưởng tôi là gốc cây
Với tâm hồn gỗ
Hay ngỡ tôi là cột điện
Trái tim sỏi trộn xi măng

Chị thương móng chân bò dẫm trên đường nhựa, thương đôi tai bò không được nghe tiếng hát cỏ xanh. Và không chào bò bằng mắt nữa, chị cất thành lời:

Chú bò ơi!
Chú đi như tù binh
Đi về đâu
tới lò sát sinh hay ra đồng ruộng
Đi về đâu
tới ngã ba đường tôi với chú chia tay
Đi về đâu
tôi biết rồi đấy nhé (...)

Người rủ rỉ tâm tình là thế. Nhưng bò vẫn đi. Vẫn không chịu tham gia vào cuộc đối thoại với người.

Người đi. Mèo đi. Bò đi. Có chân là đi. Chẳng chịu nghe chị, trò chuyện với chị. Thì chị trò chuyện bầu bạn với những gì không đi được. Từ ngày chuyển về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, làm việc súc sặc ắc quy (một công việc rất độc hại) chị có một người bạn mới: Sông Cẩm, dòng sông có "những cánh buồm nâu không địa chỉ":

Sông Cẩm ơi! Sông như người bạn mới quen
Thân thiết thế mà sao không hiểu được
Chiều tan ca tôi đi bên dòng nước
Sông với tôi với bóng là ba
Bóng tôi nghiêng với bao la
Sông mang về biển
Bóng tôi còn nguyên vẹn không sông?

(Xin mở một ngoặc đơn: Mong ước mình là mình, điều ấy là của nhiều người. Nhưng mong ước cái bóng của mình còn nguyên vẹn khi dòng sông đã mang ra biển thì có lẽ chỉ có Hoài Thanh).

Hơn mười năm sau, vẫn cái nhìn ấy với sông, với cây và với phố. Lần đầu tiên thân gái dặm trường, bước chân vào cao nguyên Đắc Lắc, tối rồi, chưa có chỗ nghỉ lại không một người quen, chị đã có ngay một người bạn mới: Một phố nhỏ giữa cao nguyên hùng vĩ. Không những thế chị còn nhận diện được người bạn này, nó giống ai, bao nhiêu tuổi:

Phố như con của mùa Đông
Vừa mới sinh ra ban nầy

Chị tới cao nguyên tìm đường đưa con gái và cháu ngoại vào sinh sống. Cũng như chị ngày trước, con gái chị đã li dị. Chị đi nhờ xe vào "trình sát" rồi ra Hải Phòng trông cháu cho con gái vào gây dựng cơ sở. Tôi chép lại toàn bộ bài Cháu Liên Chi để thay cho những lời dài dòng của tôi về thời gian chị đã làm bà:

Bố mẹ chia tay từ đó
Về đây cháu ở với bà
Hai gian chông chênh đầy gió
Sớm chiều bà cháu vào ra
Đêm gối tay bà cháu hỏi
Mẹ sao đi mãi đi đâu
Thương cháu lựa lời bà nói
Thương bà cháu vuốt tay đau
Cha cháu giờ này ở quán
Mắt ngầu be rệu chên chao
Tình thương cạn kiệt đáy cốc
Môi khô triết lý khô theo
Mẹ cháu miền Nam xa lắc
Suất tàu dành cả đời bà
Nửa đêm nhọc nhằn tráng bánh
Sáng còn đi chợ đường xa
Bao giờ mẹ cháu gửi ra
Suất tàu cho hai bà cháu
Bấy giờ lại được ra ga
Tay xách làn tay dắt cháu
Bóng bà bóng cháu nương nhau
Miền Nam có thương thì đợi
Tuổi bà mới ngoài năm mươi

Năm ấy chị mới ngoài năm mươi. Năm nay chị đã ngoài sáu mươi rồi. Không thể tay xách làn tay dắt cháu, bóng bà bóng cháu nương nhau được. Một tai nạn ô tô đã làm chị tàn phế một tay. Tai nạn xảy ra ngay Ngã Sáu, gần nhà tôi. Chị nằm ngất trên đường mưa dầm ngày tết, mặt đường nhựa sên sệt một thứ nước bùn hoa. Cánh tay dập nát, xương gãy. Nhưng không thể bó bột vì bùn hoa dính vào thịt gây nhiễm trùng dẫn đến hoại thư. Hàng ngày bác sĩ làm vệ sinh vết thương bằng nước, bằng ô xi già và lấy kéo cắt đi những mẩu thịt nhiễm trùng. Chị cắn răng chịu đựng. Lại còn nhớ đến một truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan khi nghĩ rằng mình bị tàn tật cả đời: Cái vốn để sinh nhai. Nhớ lại để cười. Bởi vì từ nay chị cũng có cái vốn như người tàn tật ấy.

Chị bảo người nhà xin cho người tài xế đã gây ra tai nạn khỏi bị truy tố "vì người ta không cố ý, người ta cũng khổ như mình." Chị gần như không nhận tiền nong quà cáp của bè bạn, của những người thân. "Bởi vì anh ạ, nợ ân tình làm sao tôi trả được." Ban đêm chị tự phục vụ dù một tay đã dập nát. (Hai đứa con gái, một mới sinh, một sắp ở cữ, chị bắt chúng phải về nhà.) Chị bảo chúng mang cho chị mỗi ngày ba cặp lòng cốm và muối vừng để chị ăn vào ba bữa sáng, trưa, chiều. Nằm gần như bất động, chị xúc từng thìa. Ăn như một nhiệm vụ, như một

người cần hồi phục, cần phải sống. Như một cái gì phải vượt qua. Những cô con gái nhăn nhó hỏi mẹ:

- Con hỏi bác sĩ rồi. Mẹ không phải kiêng gì cả. Sao mẹ lại cứ ăn vừng?
- Mẹ thích ăn vừng. Chị nói vậy. Bởi chị biết các con chị đang rất khó khăn. Chị thương chúng. Chúng là cuộc sống của chị. Ngày chúng còn thiếu nữ nhìn chúng cắp sách đi học hay nằm ngủ bên nhau, một nỗi sợ trào lên trong lòng chị khi chị nghĩ đến một ngày chúng mồ côi mẹ:

Rồi mai đây khi mẹ vắng ít ngày
Các con ơi đêm mùa thu gió lạnh
Ngủ nhớ đắp tằm vỏ chăn cho ấm
Cửa sổ mở ra cho thoáng gió nghe con

Thật may. Chị nghĩ. Bánh xe chỉ lăn qua bắp tay. Nếu nó lăn thêm một chút nữa sẽ đè dập ngực chị. Chị sẽ chết. Và nếu vậy các con chị thừa hưởng những gì ở chị?

Không có gia tài để lại cho con
Chỉ có nước mắt rơi và ngày vui chưa trọn
Và thơ cười
đi suốt những đêm đau

Nguyễn Thị Hoài Thanh đã xuất viện. Chị vẫn sống. Vẫn vào Nam đi mót. Vẫn ra Bắc nâng giấc phụng dưỡng mẹ già chín mươi tuổi bằng một tay duy nhất còn lạnh lặn. Chị sống dai dẳng. Hài hước. Khỏe mạnh. Và vẫn làm thơ. Đời Nguyễn Thị Hoài Thanh chưa lúc nào yên tĩnh. Tuy vậy chị vẫn có thời gian nghĩ đến Kiếp sau:

Kiếp sau nếu được làm chim
Tình thương dang dở bay tìm nơi nơi
Giương cung
đừng nhé người ơi
Vết thương thưở trước luân hồi còn đau

Người chăn kiến



Cái tay B trưởng* ấy hoặc đã chán mọi chuyện đánh đấm, hoặc có máu hài hước. Ông M vừa bị vài cú khai vị tưởng rụng quai hàm thì hần hét bọn đàn em vây quanh ông đang nổi cơn say đấm đá:

- Thôi.

Hắn bước tới gần ông. Nhìn. Ngắm:

- Trắng.

- ...

- Làm nghề gì?

Ông nuốt một bụm máu, nửa cái răng gãy vào bụng và biết nên nói thật:

- Giám đốc.

B trưởng reo lên:

- Thảo nào. Trắng như con gái.

Rồi thật bất ngờ:

- Cho làm nữ thần Tự Do.

- ...

- Tự Do nữ thần Tự Do ở bờ biển Nữ Ước. Làm giám đốc mà không biết à?

Ông thoát khỏi trận đòn nhập B mà chưa ai lường hết được sự ghê gớm và hậu quả của nó. Thay vào đó ông phải khoả thân leo lên bậc thang cao nhất, giáp cửa song sắt ngăn với sân xê rom **, cái sân thượng chỉ về đêm mới có lính gác. Tay ông giơ lên cao khi gói kẹo, khi quả dưa chuột ồ những đồ tiếp tế của anh em tù -- để làm nữ thần Tự Do. Trần tròng trước hàng trăm con mắt, thật nhục nhã, quá sức chịu đựng đối với một người từng làm giám đốc lại đã đứng tuổi như ông. ở trên ấy ông thèm được như ông già chủ nhiệm hợp tác xã dưới kia, chỉ phải bế bọc nội vụ đi quanh, hát ru em bài Bé bé bằng bông.

Đúng là tay B trưởng này có máu đại hài hước. Trời nóng, hắn ngồi phè phẹt giữa sàn, hét:

- Hitachi!

Gần hai chục người lập tức vây quanh hắn.

- Quạt.

Tất cả quạt. Bằng tay. Nhưng mát, bay cả tóc. Hắn lại hét:

-Panasonic.

Những người trong đội Panasonic sẵn sàng.

- Quạt.

Lại còn thêm:

-Tuốc năng.

Cái vòng người Panasonic vừa quạt vừa chạy quanh hắn giống đèn kéo quân bóng đồng loạt đổi chiều như cùng một bánh xe truyền lực.

Cô đơn khoả thân trên cao, cái nóng từ máy chằm vào người như nướng, ông M ao ước được ở trong đội quạt, nhưng ông không dám nói với ai. Ngoài những lúc đi cung hoặc học tập chính sách cải tạo, giờ chính quyền còn lại ông ngoan ngoãn đứng làm nữ thần Tự Do. Cho đến một ngày...

Hôm ấy đi làm vệ sinh vệ, tay B trưởng bắt ra 4 con kiến đỏ bé xíu đựng trong cái vỏ bao thuốc lá. Hắn cầm mẩu gạch non khoanh 4 vòng tròn xuống nền xi măng. 12 anh tù được hắn chỉ định chia thành 3 ca chẵn 4 con kiến nhỏ. Ông M không ngờ mình lại mê chẵn kiến đến như thế. Công việc kì dị ngày càng hấp dẫn ông. Nó làm ông khao khát đến bần chồn. Cho dù đó là khổ ải. Phải giữ kiến luôn ở trong vòng tròn. Trong ấy có bánh bích qui, có đường, có thịt, kiến ăn nhưng không chịu ngủ, kiến vẫn bò tìm tổ. Phải luôn tay chặn kiến lại và không được làm sứt một cái chân của kiến. Chính những điều ấy khiến ông thèm khát. Nó sẽ giúp ông quên thời gian, quên những thiên thu tại ngoại. Hơn nữa ông quá chán trò cời tròng đứng trước mặt mọi người.

Thế là một hôm ông gặp B trưởng, chia ra một con kiến ông vừa bắt được trong khi đi làm vệ sinh và rụt rè, ấp úng xin được chẵn... B trưởng cố kìm cơn giận. Hắn miết chết con kiến và quắc mắt, hát hàm về phía sân xê rom.

Ông hiểu. Ông lại khoả thân bước lên. Nhưng ông không được làm nữ thần Tự Do nữa. Ông biến thành con chim. Con chim nhỏ trên cành cây cao. B trưởng đứng dưới, giả cầm súng lom khom, chui lủi, rình ngắm:

- Đoàn.

Ông phải rơi từ sát mái nhà xuống. B trưởng không bằng lòng với cách rơi giả vờ, rơi có chuẩn bị, rơi chân xuống trước ấy. Phải rơi như thật. Như bị bắn rụng thật. Hiểu chưa. Làm lại.

'Thật quá rùng rợn. Cầu mong đừng vỡ mặt, mù mắt, gãy tay là được. Cố vượt qua. Để còn ra'.

Ông M đã được ra. Ông được ra sau bốn tháng giam cầm. Ông được ra bởi ông không có tội.

Những người gây ra vụ án oan ức của ông đã bị kỉ luật.

Người ta đã khôi phục lại cho ông tất cả. Ông lại làm giám đốc nhưng ở một xí nghiệp tận trong Nam, để ông có thể quên được những gì vừa trải qua. Ông cảm ơn cấp trên về điều tế nhị ấy.

Cũng như mọi xí nghiệp, giờ nghỉ trưa ở đây nhiều về... Uống bia. Đánh cờ tướng. Tiến lên. Làm vài séc bóng bàn. Chuyện gẫu...

Giám đốc mới không tham dự. Ăn trưa xong ông về phòng. Các vị chức sắc cũng muốn kéo ông vào cuộc vui nhưng trả lời tiếng gõ cửa là sự im lặng.

Họ bảo nhau:

- Thôi. Để sắp ngủ.

Chẳng một ai biết sau khi gài trái cửa, giám đốc rút ngăn kéo lấy ra một lọ nhỏ, trong đựng 4 con kiến. Ông thả lũ kiến vào một vòng tròn bằng phấn vẽ trên bàn. Ông bẻ bánh cho chúng ăn và lấy những các-vi-dít (Có rất nhiều trong ngăn kéo ổ của khách và của ông) chặn chúng lại. Thỉnh thoảng ông còn đặt cả ghế lên bàn làm việc.

Và khoả thân trên ghế. Đứng thẳng. Mắt hướng về phía xa.

Tay giơ cao. Như kiểu thần Tự Do.

23.6.1993

Bùi Ngọc Tấn

(từ tập truyện ngắn: Những người rách việc, Nhà xuất bản Hà nội, 1996)

* B: buồng xà lim. B trưởng: trưởng buồng, do ban giám đốc nhà tù chỉ định trong số tù nhân, thường là một tay anh chị

Người mua nhà của bố mẹ tôi

Tết năm ấy cái Vân từ Canada về thăm gia đình. Tin ấy làm xôn xao cả làng. Càng xôn xao, vẻ mặt cô Thoan càng rầu rĩ. Hình như cô cố che giấu sự vui mừng vì cô cảm thấy mọi người đều cho rằng cô rất sung sướng. Cô không muốn như vậy. Ai nói cô nghèo cô khổ, cô thích, cô nở nụ cười như mếu. Ai nói cô giàu, cô sung sướng, cô sa sầm nét mặt, cô giận người ta, cô cho là chế giễu cô, cô tủi thân cô khóc. Mấy anh em tôi đã mắc sai lầm ấy. Một ngày giỗ bố tôi, cô hái quả bưởi (cây bưởi do bố tôi trồng) đem sang. Thấy cô vào tới sân, tất cả chúng tôi reo lên. Chúng tôi hỏi thăm cô về những đứa con gái cô ở bên ấy có hay gọi đờ la về cho cô không, ca ngợi cô bây giờ thì nhất làng rồi, nhà có một kiêu đã sướng, đằng này lại những hai kiêu...

Thế là nước mắt cô giàn ra không thể nào giữ được. Tất cả chúng tôi phát hoảng lên nhưng đã muộn. Cô đặt quả bưởi lên bàn thờ, đảo qua bếp rồi thừa lúc không ai để ý, cô về nhà. Tới bữa ăn, chúng tôi sang mời cô, nhưng cô nằm trong buồng trong, cạnh cái hòm gian và bảo thẳng Toàn trả lời mẹ cháu đi vắng.

Bởi vậy nên khi nhận được tin cháu Vân sắp về, chúng tôi chỉ nhấn mạnh niềm vui tinh thần của cô: Sự đoàn tụ.

Năm ấy cực rét. Có lẽ rét ngang với năm 1954, khi chúng tôi tiếp quản Hà Nội. Vào một ngày rét nhất của vụ rét, cả làng nghỉ làm đồng, nhưng cô Thoan vẫn đi cuộc ruộng. Gần trưa cô mới về ghé qua nhà anh tôi, mặt tím lại vì rét. Cô thều thào:

- Cậu Hưng ơi. Cậu xem hộ đầu tôi một tí. Nó làm sao ấy. Chỗ này cứ nhun nhũn.

Cô không thể nào không làm việc, cũng như cô rất thích có nhiều thóc trong nhà. Cái Vân về, bảo cô:

- Bu cứ đong gạo. Ăn đến đâu đong đến đấy cho nó ngon.

Nhưng cô không thể làm theo lời nó. Cảnh ăn đong làm cô sợ lắm rồi. Cả đời cô chỉ mong thóc đầy nhà, nay cô mới toại nguyện. Cái hòm gian bằng gỗ xoan trong ruột nó chứa đầy thóc.

Trưa mừng 2 Tết, tôi sang thăm cô. Nhà vắng, tôi đi rón rén, sợ con chó bẹc-giê xỏ ra. Hai gian ngoài không có ai. Tôi nhón qua mấy bước, nhìn vào buồng trong, nơi mẹ tôi ngày trước đã nằm, nơi bây giờ để cái hòm gian bằng gỗ xoan chứa đầy thóc chống đói, những tạ thóc mơ ước của cả đời cô Thoan. Qua cửa sổ, tôi thấy bác Văn và cô Thoan đang đứng trước chiếc tủ đứng để mở, hai người cầm một vật gì vàng chóa, cái vật đó một đầu như bao diêm, đầu kia xoắn lại như một chiếc kẹo quấn thừng. Tôi chưa thấy một khối vàng to như thế bao giờ đến nỗi không tin ở mắt mình nữa và vội lùi lại đầu sân, háng giọng:

- Có ai ở nhà không?

Tôi thấy tiếng kẹt của cánh cửa tủ, tiếng khóa tủ và cả hai người bước ra gian giữa đón tôi.

Nội thất nhà cô Thoan hôm nay lại thay đổi. Giường nào cũng trải đệm mút Mỹ. Một cái tivi màu 21 inch của Nhật để trên cái tủ ly ngay giữa nhà. Cạnh đó là đầu video. Bên tủ ly lừng lững những chai rượu ngoại: Mác-ten, Ông cụ, Napoleon, mấy chai vang... chè ngon, thuốc lá Dunhill. Những chai rượu kia chắc chỉ để bày, không uống và cũng không tiếp khách. Đã lâu lắm tôi mới gặp bác Văn ở nhà. Bác vẫn cứ phải đi đi về về về Khe Sâu, trông nom nhà cửa, thu xếp bán nhà bán trâu trong đó.

- Cậu sang thăm cháu mà cháu lại đi chơi mất rồi. Đi phố. Đi từ sáng cơ.

- Cháu về lâu chưa hả cô?

- Cháu về từ hôm xưa.

- Cháu còn được ở nhà lâu không?

- Còn. Cháu đăng ký rồi. Họ bắt phải đăng ký ở bao lâu. Quá một ngày phải nộp phạt 5 đồng cơ.

Tôi đoán là 5 đô la. 5 lâu la theo cách nói của những bà già quê tôi. Và tôi ngờ ngợ khái niệm về thời gian trong cô cũng mù mờ như những tiếng hôm xưa, hôm nay cô nói.

Tôi hỏi công việc các cháu làm ở Canada. Câu trả lời thật bất ngờ.

- Nó sang đào giun bên đấy. Thế mới bắt giun làm gì mà đất thế. Giun ở bên ta thì đầy.

Ông anh rề ỉt nói của tôi cũng góp chuyện, về phần khởi:

- Giun bán cho người ta đi câu cậu ạ. Các cháu đang bàn nhau đón tôi sang chơi bên ấy.

Cô Thoan cười: Ngày nào chúng nó cũng đào thêm một ống bơ giun. Chúng bầu: Bơ này để mời bố sang mát-xoa đây. Mát-xoa là cái gì hả cậu?

Tôi giảng cho cô về sự xoa bóp và đe cô:

- Bác giai sang đây bọn đầm mắt xanh mỡ đỏ nó không để cho bác về đâu. Gay lắm đấy.

Cô cười:

- Gớm. Người già xằng thế ai lấy.

Chúng tôi cùng cười.

Thấy tôi nhìn những tấm nệm, những chăn len cứ sáng rực cả nhà lên, cô Thoan giải thích:

- Con Vân mới mua đấy. Mang những mấy trăm đô đi Phòng sắm. Về được ba hôm là đi ngay. Nó bầu chả ở đâu mua sắm thích như ở ta. Mấy trăm đô mà được bao nhiêu thứ. Thế mới bầu mua gì mà lắm thế cho nó tốn tiền. Đệm thì khổ lắm cậu ơi. Tôi nằm đau hết mình mẩy. Suốt đêm không ngủ. Nó bầu: Bu cứ nằm rồi sẽ quen. Tôi nằm mãi mà không quen. Ê ằm hết cả người. Giường tôi, tôi phải bỏ đệm ra rồi.

Khi tôi đứng dậy ra về, cô bảo bác Văn:

- Con Vân nó bầu biếu cậu bao thuốc cậu hút Tết. Bố nó lấy cho cậu.

Chỉ vì bao thuốc ấy tôi bị một phen ngưng chín người. Thuốc lá để ngay trong ngăn cánh gỗ tủ ly thôi. Mà không mở được.

Bác Văn cầm một vốc chìa khóa. Tra, Vặn. Hết cái nọ đến cái kia. Lại lảm bảm một mình: “Đúng cái này mà. Sao lại... Hay là không phải...”. Tôi ngồi. Chờ đợi. Bao thuốc lá ngoại quý thật đấy, nhưng cái máu sĩ của tôi cũng mạnh lắm.

Tôi im lặng chờ. Chẳng lẽ lại khơi mào một câu chuyện mới. Không tiện. Vì cánh tủ có thể mở bất kỳ lúc nào. Cô Thoan càu nhàu:

- Cái nào thì đánh dấu nó vào. Ông còn không mở được, tôi biết mở làm sao.

Phải đến mười lăm phút sau mới thấy tiếng “tách” quen thuộc. Cánh tủ mở. Bác Văn lấy ra một cây thuốc Dunhill đã bóc và đưa cho tôi một bao:

- Quà của cháu Vân biếu cậu.

Như bạn đọc thấy đó, nhờ có cô Thoan, tôi là một người hạnh phúc. Tôi vẫn được trở lại thiên đường đã mất của tôi. Nhưng cái gì tốt đẹp quá thì làm sao bền được. Chưa đầy ba năm sau tôi đã không thể bước chân vào đấy được nữa. Mỗi khi có việc về quê, đúng như tôi lo sợ, tôi chỉ đứng ở

vườn anh tôi, nhìn sang ngôi nhà, mảnh vườn trước đây của bố mẹ tôi, hiểu rằng một thế giới đã vĩnh viễn mất rồi.

Một người khác đã đến ở đây. Một người làm lò vôi ở làng bên, hoàn toàn xa lạ.

Bác Văn đã sang ở hẳn bên Canada, do mấy đứa con gái bảo lãnh. Rồi đến lượt bác, bác bảo lãnh cho thằng Toàn sang. Tất cả sang đào giun bên ấy. Hai đứa lớn đã có vợ con, không sang được thì xây nhà ở phố huyện bằng tiền của hai cô em gái gửi về.

Còn cô Thoan, tội nghiệp cô. Cô đã mất sau một trận cảm nhập lý. Hôm ấy mưa to. Từ Đồng Tép cô chạy về không kịp. Mưa ngấm cái lạnh vào người... Ai cũng thương cô đến lúc sương thì không được hưởng.

Cánh thanh niên càng thương cô vì trong lúc tỉnh táo trước khi chết, cô nhất định hát cái chẵn len Mỹ giá hai trăm đô ra, bắt mọi người đắp cho cái chẵn can cũ. Và cô đòi ăn khoai khô nấu với đỗ đen, nắm lại bằng mo cau.

Tôi ra mộ cô thắp mấy nén nhang. Lại một lần đối mặt với vô cùng. Bỗng nhiên nghĩ rằng mình có thể trở thành nhà triết học.

Rừng xưa xanh lá

"Cơm áo không đùa với khách thơ"
Xuân Diệu

Cơm áo không đùa với bất kỳ ai. Lại càng không đùa với các nhà văn nhà thơ. Nhất là vào cái thời cuối thập niên 80 (của thế kỷ trước) nền kinh tế cả nước đang chuyển từ hệ thống bao cấp sang kinh tế thị trường. Biến động mạnh từ suy nghĩ, quản lý, hàng hoá, giá cả tới bản thân giá trị đồng tiền.

Đình Kính, nhà văn quân đội với đồng lương đại úy (ngày ấy anh đeo lon bốn sao một vạch) mà phải cùng vợ nuôi hai con nhỏ đang đi học, đó là chưa kể bố mẹ già. Không dám ước vọng cao xa ti vi cát xét tủ đứng tủ li. Chỉ nghĩ đến cái ăn để tồn tại, có đủ tiền mua sách bút, đóng tiền học cho con và có đủ tiền mua được manh áo ấm cho bố mẹ vợ con mỗi khi gió rét từ biên giới thổi về. Lại còn phấn đấu có một chút dự trữ chiến lược phòng khi ốm đau.

Phải có tiền. Tiền là tiên là phật, sức bật tuổi trẻ, sức khoẻ tuổi già... Và cũng chỉ còn mỗi cách kiếm tiền: Viết thuê. Dùng nghề nghiệp của mình kiếm sống. Thôi thì đành gác lại những trang sách vẫn nghiền ngẫm nung nấu, những tác phẩm sẽ được viết ra bằng tim gan mình. Hãy để lại sau. Để đến bao giờ chưa biết, nhưng trước mắt là kiếm sống.

Đình Kính đã đi viết thuê và đã kiếm được tiền. Bữa ấy anh lang thang vào tận vùng rừng núi Đồng Nai, tìm ra được một ông giám đốc một lâm trường quốc doanh và cũng là một đồng hương. Ông là người đi đầu trong việc tháo gỡ cơ chế cũ, tào bạo, dám nghĩ dám làm, một người có thể tuyên dương anh hùng được mà bắt bỏ tù cũng được theo như quan niệm của thời đầu mở cửa. Anh đã hoàn thành một bộ phim về ông, về lâm trường. Phim đã chiếu cho lâm trường xem và còn được phát cả trên màn ảnh nhỏ. Không thể diễn đạt được xúc động của lâm trường, của ông giám đốc khi thấy hình ảnh mình trên ti vi. Với lâm trường, Đình Kính là một thiên tài, là hiện thân cho sức mạnh toàn năng của nghệ thuật. Phấn khởi đầy lòng, ông giám đốc nọ nhờ Đình Kính giúp cho một

tập sách về đơn vị.

Nghĩ ngay đến những bạn bè cũng đói rách như mình, nhưng Đình Kính vẫn làm ra vẻ cân nhắc, đắn đo:

- Sếp nói rất chính xác. Giấy trắng mực đen bình thường thôi nhưng vô cùng quan trọng. Nó đi vào từng gia đình, từng người. Nó đi vào chiều sâu lòng người. Nó đi vào thư viện. Con cháu chúng ta vào thư viện là sẽ biết cha ông chúng đã sống và làm việc như thế nào. Phim cũng quan trọng nhưng không thể ví với sách được. Nhưng đây là một việc khó khăn, một mình tôi không làm nổi. Phải vài người cùng làm mới bảo đảm được thời gian. Để kỳ này ra Hà Nội tôi nói khó với mấy anh ngoài ấy.

Ít ngày sau Đình Kính đưa hai nhà văn khác cùng vào. Giám đốc rạng rỡ nét mặt khi được giới thiệu đó là hai nhà văn nổi tiếng, những cái tên ông đã nghe thấy từ lâu mà hôm nay ông mới vinh dự được gặp. Với thói quen của một người làm kinh tế, giám đốc cho thảo hợp đồng gồm những nội dung chủ yếu: Thời gian hoàn thành bản thảo là hai tháng, ăn nghỉ, tàu xe ra vào lâm trường lo, khi bản thảo được duyệt và thông qua, mỗi nhà văn sẽ được bồi dưỡng một chỉ vàng! (Giám đốc giải thích thêm: Phải quy ra vàng các đồng chí ạ. Nếu tính nhuận bút bằng tiền tôi sợ thiệt cho các nhà văn. Ba trăm đồng tháng này là ba trăm, tháng sau còn trăm rưỡi, tháng sau nữa chỉ còn một trăm. Cho nên ta cứ tính thành vàng, vàng bản vị, các nhà văn tán thành không? Nhất trí! Tiếng ba nhà văn đồng loạt cất lên.) Mỗi người một chỉ vàng! Một tài sản khó mà hình dung được ngày ấy!

Như mở cờ trong bụng, ba nhà văn nhanh chóng dự các cuộc họp, nghe báo cáo, xuống các đội sản xuất, vào rừng vẫn vợ, nhìn suối chảy, nghe chim hót để lấy... không khí.

Ba người không viết ở lâm trường. Đích thân giám đốc đưa họ xuống biển, xuống Long Hải, một khu nghỉ mát sang trọng, yên tĩnh, cách Vũng Tàu hơn mười ki lô mét. Chả lâm trường còn liên doanh với một đơn vị du lịch và có những khách sạn sát biển. Ông giám đốc họp toàn thể cán bộ nhân viên khách sạn để giới thiệu ba nhà văn:

- Trân trọng giới thiệu với các đồng chí ba nhà văn quốc gia! Ba nhà văn nổi tiếng ở Hà Nội. Các đồng chí vào giúp chúng ta viết và xuất bản một tập sách về lâm trường. Đây là nhà văn Đình Kính mà các đồng chí đều đã biết. Đây, nhà văn Chu Lai, nhà văn quân đội kiêm kịch sĩ. Còn đây nhà văn Nguyễn Quang Thân, tác giả nhiều tập tiểu thuyết, truyện ngắn mà các đồng chí đã đọc.

Các nhà văn lần lượt đứng lên, cúi đầu chào, nở nụ cười khiêm tốn, lịch sự, nụ cười ra mắt. Ông giám đốc ôm vai từng người như những chiến hữu cánh hẩu trước bao con mắt kính phục của các nhân viên dưới quyền. Ông nói về việc bố trí phòng ở "mỗi người một phòng, trong phòng phải có cả bàn viết", về tiêu chuẩn ăn, về lượng bia phải có hàng ngày, không được để các đồng chí ấy thiếu thốn cái gì:

- Còn khoản thuốc lá nữa. Các nhà văn hút nhiều, hút nặng đấy. Mỗi người một ngày một bao thuốc lá Jet. Nhớ là thuốc lá Jet. Các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Đừng có mang Ba số đến. Đừng tưởng ai cũng thích Ba số cả đâu!

- Mỗi nhà văn một ngày một bao Jet! Ông nhắc lại một lần nữa và nhìn lướt đám nhân viên của ông như nhắc họ chờ quyền điều quan trọng ấy.

Đám cán bộ nhân viên xì xào:

- Minh thì cứ cho Ba số là nhất. Khách nào cũng Ba số.

Những tiếng thì thầm ấy đến tai giám đốc. Ông cười, hài lòng. Còn anh chị em nhân viên khách sạn từ ấy nhìn giám đốc của mình với đôi mắt hoàn toàn khác: Sếp không chỉ là người quản lý tài ba táo bạo, mà còn là chiến hữu với các nhà văn lớn, những nhà văn quốc gia, hiểu biết cặn kẽ những điều nhỏ nhất trong sở thích của họ.

Ba nhà văn của chúng ta bắt tay vào việc bán chữ. Tất nhiên là sau khi tắm biển, uống bia, ăn sáng và phì phèo thuốc lá Jet.

Chu Lai, Đình Kính hút thử một hơi và ho sặc sụa. Cả hai đều không biết hút. Còn Nguyễn Quang Thân hút vào lại thở ra, không có tí khói nào lọt tới họng, phì phò như một cái bể. Thân hút thuốc lâu, Thân chịu được, không ho. Thân nhận trách nhiệm thỉnh thoảng làm một điều trước đám nhân viên khách sạn. Ba phòng làm việc của ba nhà văn lúc nào cũng có ba bao thuốc lá bóc dở và có tàn thuốc trong ba cái gạt tàn. Nguyễn Quang Thân chẳng viết được một dòng nào, nhưng bù lại, Thân bập bập thuốc lá chăm chỉ. Cứ xuất hiện giữa đám nhân viên khách sạn là Thân bập lửa châm thuốc. Ấc cái là loại thuốc Jet này quá nặng. Chẳng hiểu căn cứ vào đâu mà ông giám đốc anh hùng kia lại tuyên bố là các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Đừng có mang Ba số đến. Đừng tưởng cứ Ba số là hay đâu. Không. Ba số hay lắm chứ đồng chí giám đốc ơi. Ba số có bập bập thế này cũng không ho. Ba số dễ bán. Giá cao. Bán ở đâu cũng được. Ba người đã đi chung quanh khu nghỉ mát, rụt dè hỏi han xem người ta có mua thuốc lá Jet không. Họ đều lắc. Ở đây không ai hút Jet. Ở đây người ta chỉ hút thuốc thơm. Ba số, Dunhill, bét ra cũng Capstan. Jet không bán cho ai được.

Không bán được, không hút nhưng vẫn nhận thuốc đều đặn. Một tháng đầu đã 90 bao thuốc Jet. Trừ ba bao để ở ba phòng cho Nguyễn Quang Thân hút nghi binh còn 87 bao. Chỉ trông cái túi du lịch phòng căng cũng đủ sốt ruột. Cho nên thật tình người khi Chu Lai nguyên chiến sĩ đặc công nước từ đâu chạy về khách sạn:

- Mình đã tìm được nơi bán thuốc lá Jet rồi. Chỗ này nó không mua thuốc gì khác ngoài thuốc Jet. Chuyện cứ như đùa. Cứ như thần thoại.

- Thật không ?

- Ở đâu ?

Chu Lai nhấn mạnh:

- Nó không mua thuốc gì! Nó chỉ mua thuốc Jet! Nó đang chờ mình ở cuối bãi tắm! Đi nhanh!

Thế thì thật rồi! Đặc công có khác! Giỏi thật! Cả ba ôm túi du lịch chứa đầy thuốc lá ra khỏi khách sạn. Ông chủ nhiệm khách sạn đang ngồi trong phòng Reception tươi cười :

- Vừa tắm rồi các nhà văn đã lại tắm nữa à? Máu thế?

Đình Kính cười tít mắt:

- Biết làm sao. Lại thích bơi!

Cả ba bước nhanh ra bãi tắm, còn nghe tiếng trầm trồ của ông chủ nhiệm :

- Chịu mấy ông. Giữa trưa nắng thế này mà cũng rủ nhau đi tắm biển. Đúng là văn nghệ sĩ!

Ba nhà văn cuốc thẳng ra bãi tắm, cười rình rích về phẩm chất nghệ sĩ của mình.

- Đâu? Nó đâu?

Chu Lai chỉ tay về một chấm đen ở cuối bãi. Tới nơi, một thanh niên ngồi trên xe 67 chờ sẵn. Chu Lai ôm túi du lịch nhảy lên ngồi sau xe, vênh mặt nhìn hai người, đắc thắng. Xe vút nhanh phóng ngược trở lại. Cát bay mù mịt. Nguyễn Quang Thân, Đình Kính đứng nhìn theo mãi chiếc Honda 67 rũi bụi dọc bãi tắm và khuất vào khu khách sạn. Hai người rất ngạc nhiên thấy chiếc xe quay về ngay, lần này phóng nhanh hơn lần trước, tiếng rú rít lên giạn dữ.

Từ trên xe, Chu Lai xách túi du lịch nhảy xuống, cái túi vẫn căng phồng như thế. Dừng lại một tí.

Hình như là để cái cọ. 67 phóng đi. Rồ ga. Thổi bụi vào mặt Chu Lai.

- Sao ? Sao lại quay lại ?

- Không bán được à ?

Chu Lai nhăn nhó:

- Tưởng bán ở đâu. Ai ngờ nó lại bán cho đúng khách sạn ba thằng mình ở!

Thuốc lá rồi cũng bán được. Đi xa hơn. Bán ít một. Giá rẻ. Thế thôi.

Còn lại là viết. Nhưng chỉ Chu Lai, Đinh Kính viết. Nguyễn Quang Thân không. Không được chữ nào. Lại còn hay sang quấy nhiễu:

- Cách đây mấy năm tớ đi dự tổng kết của một ngành. Trong hội nghị có lựa ra một số ít cốt cán tin cậy cho đi xem vi đề ô. Vi đề ô ngày ấy còn là của hiếm. Mấy ai được xem. Mình được chọn. Nhà văn nhé. Đảng viên nhé. Không được đi thì còn ai vào đây. Mình vẫn ức cái dạo xem phim Chiến tranh và hoà bình. Cán sự ba mới được xem. Mình mới cán hai. Lần này thì không trạch được. Đúng giờ các đồng chí cốt cán xếp hàng một đi xem trước bao con mắt thèm thường ghen tị của các đại biểu khác. Bọn này hồi hộp đi không một tiếng động. Tới một cầu thang đã có người đứng chờ sẵn. Kéo rèm. Bấm đèn. Hát hàm ra hiệu để chỉ lối. Tới một thang gác khác. Lại kéo rèm. Lại đèn pin lập loè, thì thào: Các đồng chí đi lối này. Tối tối rợn rợn đến nỗi có lúc mình tưởng như đang đi xem thử bom nguyên tử.

Thân cười khặc khặc:

- Mà hôm ấy chiếu một phim rất vớ vẩn. Một băng tâm lý sướt mướt của Đài Loan.

Hôm khác Thân lại sang, mồm phì phèo điếu Jet:

- Này. Tớ kể cho các cậu chuyện này...

Lần này bị cự tuyệt thẳng thừng:

- Thôi. Ông về cho người ta viết. Ông có muốn vỡ hợp đồng không thì bảo.

Thân về nhưng lại sang. Không cười mà cứ áp úng:

- Mình muốn nói với các cậu. Nhưng không biết có nên không. Mình cứ nói nhé.

Được khuyến khích, Thân mạnh dạn :

- Mình nhớ Dạ Ngân quá. Không biết có cách nào kéo Dạ Ngân ra đây được không?

Đề nghị ấy được cả nhóm ủng hộ ngay. Có Dạ Ngân, chắc chắn Thân sẽ dễ yên cho hai người viết. Kính đặt vấn đề với chủ nhiệm khách sạn. Ô kê. Nguyễn Quang Thân toại nguyện. Chu Lai, Đinh Kính không bị quấy rầy, năng suất tăng hẳn.

Cứ thứ bảy ông giám đốc lại từ rừng xuống biển. Tiếng ông oang oang giữa đám nhân viên dưới quyền.

- Chuẩn bị nhé. Hôm nay làm việc khuya đấy.

Ông về duyệt những trang bản thảo vừa được viết trong tuần. Ông có tác phong làm việc dứt điểm. Duyệt từng phần. Và cuối cùng duyệt lại một lượt toàn bộ là xong.

- Tuần trước ăn gì rồi nhỉ. Cháo chim à? Hôm nay thay món khác đi. Làm món gì nhẹ nhưng lại có thể lai rai được. Gà à? Không. Có đồ biển gì không? Mới ăn cua xong à? Đồ biển ăn nhiều rồi à? Hay là ăn thịt nai rừng ?

Cả khách sạn sôi động lên khi sắp từ rừng về với những mệnh lệnh oang oang. Họ biết thế là lại bao nhiêu trang sách, những dòng văn chương viết về họ, bạn bè họ, tuôn chảy từ những bộ óc nhà văn hẳn là rất đặc biệt và khác thường kia. Đã bao lần họ nín thở nhìn trộm qua cánh cửa khép, thấy những cái lưng cong cong, cái đầu bù xù cúi xuống và bàn tay cầm bút bò chậm chạp trên trang giấy. Ôi! Thật là cao cả thiêng liêng! Lại còn những lúc các nhà văn ngồi thừ thọi nhìn vào những dòng vừa viết. Nhìn như muốn xuyên thủng giấy. Nhìn, mắt rỗng không. Nhìn đấy nhưng chẳng nhìn thấy gì. Cả khi họ đẩy cửa đem vào phích nước sôi mới. Viết văn, quả là ghê. Lao tâm khổ tứ, vất óc, bại người, tổn thọ. Bây giờ mình đã nhìn thấy người ta viết văn rồi. Mấy ai

được như vậy! Vốn là chuyên gia trong việc viết thuê, Đình Kính, Chu Lai biết phải viết như thế nào. Phải có tình hình gay go. Phải có lúc tưởng như bế tắc. Phải có những đêm khuya trần trọc trần trụi. Phải có những ngày dài bức xúc. Phải có tinh thần trách nhiệm. Những cuộc họp. Những phút giây loé sáng. Những dám nghĩ dám làm. Phải có đối thoại. Phải có tả cảnh. Không ai bảo ai, cả hai cùng thống nhất một văn phong. Đó là thứ văn không phải để xem bằng mắt mà để nghe bằng tai. Bởi vì ông sếp không xem. Ông sếp chỉ nghe đọc lại.

Tối nay làm việc đến khuya. Ba nhà văn quốc gia của chúng ta tề tựu đông đủ. Chu Lai ngồi cầm xép bản thảo vừa hoàn thành trong tuần, rỗ rỗ xuống mặt bàn cho ngay ngắn, lật lật vài trang, nhíu mày chăm chú, hoặc cầm bút chữa một chữ nào đấy, có khi chỉ là tô lại một nét mờ, hoặc xem lại chỗ nào cần uốn giọng, cần nhấn mạnh, cần ngắt đầu lên. Nguyễn Quang Thân khoan chân vòng tròn, bắn một liều thuốc lào, móp má kéo cho thật đã, để rồi sau đó có thể chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ bặt lửa bập bập thuốc lá Jet. Đình Kính hết nhìn mấy cô phục vụ bưng vào những bia, những nước ngọt, lại nhìn ông giám đốc tanh tách bặt lửa ma nhê tô hút ba số. Sếp toàn hút ba số. Thế mà lại đi tuyên bố bọn mình chỉ hút thuốc lá Jet. Chẳng ra làm sao! Cũng may đã tìm được nơi bán. Ở đây người ta ít hút thuốc này lắm. Chỉ mấy anh xích lô, mấy chú xe lam. Mỗi ngày bán được vài bao là nhiều. Có, các chú cứ mang ra đây. Vài bao. Vài là ba. Vừa quá. Mỗi ngày bọn mình cũng chỉ ba bao. Dù tiết mục duyệt bản thảo này đã được tiến hành mấy lần rồi nhưng vẫn cứ căng thẳng. Vẫn cứ hồi hộp. Căng thẳng hồi hộp cho đến khi sếp tuyên bố ta bắt đầu làm việc thôi các đồng chí nhé. Như chỉ đợi có vậy, Đình Kính tóm tắt những đoạn đã được duyệt kỳ trước và sau đó giọng đọc của Chu Lai bắt đầu một tối làm việc tới khuya.

Đình Kính kéo Chu Lai đi đánh thuê là có cân nhắc kỹ lưỡng. Không phải chỉ vì Chu Lai là một nhà văn đã thành danh, dễ dàng gây nên cú sét mền phục từ cái nhìn đầu tiên, cũng không phải Chu Lai từng là đặc công đã lăn lộn ở vùng này. Điều chủ yếu Đình Kính chấm Chu Lai là ở giọng đọc. Không chỉ lão luyện ở những chiêu văn hùng tráng, là một diễn viên kịch nói, Chu Lai có một giọng đọc không chê vào đâu được. Âm. Vang. Âm. Sang sáng. Lăn vào lòng người. Cái trò đọc truyện đêm khuya không là cái đỉnh gì với Chu Lai. Nhưng không được chủ quan. Dù chính là người viết ra nó, anh vẫn đọc kỹ lại một hai lần, để thể hiện đúng tình cảm. Chu Lai như đã nhìn thấy trước hiệu quả của từng chữ phải nhấn mạnh, những chỗ tạm ngừng, những từ phải đọc uốn cong lên mà anh hình dung ra ngay từ khi còn đang cầm bút viết.

Ông giám đốc im lặng đốt ba số. Lắng nghe. Đình Kính, Nguyễn Quang Thân cúi đầu, thỉnh thoảng lại liếc trộm ông giám đốc, dò tìm phản ứng trên nét mặt đăm chiêu của ông. Sao ông ta lại chau mày. Đoạn này có gì không ổn đâu. Chỉ là nói về nghị quyết đảng bộ lâm trường thôi. Sao ông ta lại ngả hẳn người ra ghé lim dim mắt thế kia nhỉ? Hay ông ta ngủ. Kia. Sếp đã cười. Sếp còn gật gật nữa. Chắc ăn rồi. Thẳng rồi. Chắc chắn sản phẩm của mình đã làm vừa lòng sếp, đã được sếp duyệt, sếp OTK rồi. Mà không ưng sao được khi giọng oanh vàng của Chu Lai ngân nga: Rừng xưa lá úa. Nhưng những con người đến cùng rừng hôm nay đã thay lá cho rừng. Không phải đất trời, sự vận động của thời tiết, của bốn mùa đã làm nên điều kỳ diệu ấy. Mà chính là những con người(...) (...) Con đường mới mở trong rừng đâu phải chỉ làm bằng máy móc. Trước hết nó được làm bằng trí tuệ, bằng tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội của những người làm việc âm thầm không cần ai biết đến, lặng lẽ giản dị như những gốc cây rừng (...) (...)Ngồi trên chiếc xe lu lăn trên con đường xuyên rừng đang được hoàn thiện, họ có cảm giác đây là con đường tiến vào thế kỷ 21 và thả tâm hồn vào thiên niên kỷ tới. Giám đốc không ưng sái cổ sao được khi vẫn cái giọng tuyệt vời của một diễn viên đã bao lần chinh phục khán giả trên sân diễn tiếp tục: Rừng thay lá. Rừng sống lại. Rừng lại hát khúc ca hùng tráng của rừng. (Đọc đến đây Chu Lai ngừng lại, ngược nhìn lên mà chẳng nhìn ai, với cặp mắt thần thờ thăm thẳm chiều sâu.) Đình Kính cha đẻ của những dòng văn ấy và cả Nguyễn Quang Thân không đóng góp một chữ nào cũng thấy sồn hết cả gai ốc vì xúc động. Giám đốc kêu lên :

- Tốt! Tốt! Cứ như vậy là rất tốt!

Và quay ra cửa hét to:

- Các đồng chí chuẩn bị ăn khuya đến đâu rồi? Xin phép các nhà văn, tôi ra xem anh em họ làm ăn ra sao.

Ngồi trong buồng còn nghe thấy giám đốc nói với chủ nhiệm khách sạn ngay phía ngoài cánh cửa (rõ ràng đủ to cho bên trong nghe thấy):

- Đồng chí có trách nhiệm hỏi ba nhà văn xem có cần giải trí không? Nhà văn cũng là người chứ! Cũng cần giải trí chứ! Đã thông các đồng chí ấy đừng ngại. Các đồng chí ấy giải trí không phải vì các đồng chí ấy, mà vì chúng ta, vì công việc, vì lâm trường!

Hai tháng qua nhanh. Bản thảo đã hoàn thành. Hợp đồng đã kết thúc. 180 bao Jet trừ ba bao để ở ba phòng, còn lại một trăm bầy bầy bao đã được bán, tiền đã được cho vào túi. Tên tác phẩm đã được đặt. Đứa con tinh thần ấy được các ông bố thống nhất đặt tên là RỪNG XƯA XANH LÁ.

Nhưng lại xảy ra một trục trặc nhỏ: Những ai là tác giả, những ai đứng tên ngoài bìa sách? Nguyễn Quang Thân tự xét không đóng góp một chữ nào cho tập sách này, nhất định không chịu ký tên:

- Bỏ tên tớ ra. Tớ không muốn là kẻ đạo văn.

Chu Lai trừng mắt:

- Ông đã được ở đây hai tháng. Ăn uống. Bia bọt. 59 bao thuốc Jet. Lại đón Dạ Ngân ra. Không ký tên là không xong đâu!

Đình Kính ôn tồn:

- Ông Thân không ký tên cũng được. Thôi thì tiền thuốc lá Jet chúng tôi cho ông. Nhưng cái khoản một chỉ vàng ông phải để lại. Hai thằng tôi cưa đôi.

Đòn ấy làm Thân choáng. Coup décisif! Thân đành chấp nhận ký tên, chấp nhận làm kẻ đạo văn.

Sau bữa liên hoan chia tay có cả sâm banh, có cả bia và đủ thứ sơn hào hải vị, ba nhà văn được ông giám đốc trực tiếp nong vào ngón tay mỗi người một chiếc nhẫn một chỉ vàng kết thúc hợp đồng. Nguyễn Quang Thân tút về Cần Thơ với Dạ Ngân. Chu Lai, Đình Kính về thành phố Hồ Chí Minh. Từ bến xe, hai người hai chiếc xe đạp khung dựng guồng về khu nhà nghỉ của Hải Quân. Đình Kính vừa đạp xe vừa ngắm chiếc nhẫn vàng óng trên ngón tay nắm ghi đồng. Một chiến công. Một thắng lợi dòn dã. Đây là chiếc nhẫn vàng thứ hai trong đời Đình Kính. Chiếc nhẫn vàng thứ nhất mua cách đây không lâu. Biết bao phấn đấu, tần tiện của hai vợ chồng mới có được. Mua về, gói vào vải, bọc túi ni lông, cho vào tủ rồi, nằm ngủ rồi, lại tung chăn, dậy mở tủ lấy nhẫn ra ngắm, rồi lại gói lại bọc lại cát, mới vào màn ngủ được. Chỉ vàng to lắm, mấy ai có...

Đang ngẫm ngợi như vậy thì đã tới Thảo cầm viên. Một đám đông con gái trẻ măng ríu rít ùa ra, vây lấy hai đồng chí bộ đội. Một cuộc tập kích bất ngờ. Người nắm ghi đồng. Người nắm tay. Người ôm vai. Người bóp đùi. Người kéo áo. Hoảng. Hoảng quá. Không còn biết ra sao nữa. Dù họ trẻ. Dù họ đẹp. Họ nũng nịu. Họ tươi như hoa. Dù họ ríu rít như chim:

- Hai anh. Đi đâu mà vội thế?

- Dừng lại. Đi chơi với chúng em.

- Đi. Chút xíu thôi mà, anh Hai.

- Anh Hai. Xem em nè.

Vội xuống xe, kéo ngã. Họ nài nỉ. Họ thơm tho. Họ nựng nức nước hoa. Họ phụng phịu như dỗi. Họ nắm chân nắm tay, họ ôm lấy hai người. Cố gắng gạt bầy tiên nữ ấy ra, hai nhà văn thoát khỏi vòng vây, lên xe guồng một mạch về nhà nghỉ. Vừa đặt ba lô xuống, thoáng nhìn bàn tay đeo nhẫn, Đình Kính rụng rời: Chiếc nhẫn vàng trên ngón tay không còn nữa!

- Chu Lai ơi! Cái nhẫn của mình mất rồi! Giọng Đình Kính thất thanh.

Chu Lai giật mình giơ tay lên. Nhẫn vẫn còn.

Đình Kính nằm vật xuống giường không nói được một lời. Tiếc đã hẳn. Nhưng giận. Giận điên lên, cái lũ con gái khốn nạn ấy. Và cuối cùng thì phục. Cái nhẫn khi ông giám đốc đeo vào ngón tay mình còn chặt cơ mà. Không hiểu nó lấy cách nào nhanh thế.

Lại phải cười vì Chu Lai cứ giơ bàn tay có nhẫn ra trước mặt như khiêu khích. Đình Kính bảo:
- Mất. Tức thì tức thật nhưng phải công nhận chúng nó tài. Nó đã nâng lên hàng nghệ thuật.
Một lúc sau lại:
- Tài thật! Tài thật!

Chu Lai tiếp:

- Tài đến thế là cùng! Tiên sư em Tào Tháo!

Đang đau như hoạn cũng phải cười. Đang cười bỗng im bật. Giật mình. Sục vùi tay vào túi quần. Thở phào. Chỗ tiền bán thuốc lá Jet vẫn còn.

Lời cuối truyện: Xin lỗi các bạn Đình Kính, Chu Lai, Nguyễn Quang Thân và cả Dạ Ngân nữa. Nếu các bạn không bằng lòng, hãy cứ coi đây là chuyện...bịa.

Truyện không tên



Chị Sợi cho rằng tất cả mọi người trong ngõ ánh Hồng đều biết rõ công việc của chị. Chị chấp nhận điều ấy. Với chị đó cũng là một nghề, một nghề như những nghề khác dù nó bị mọi người khinh bỉ. Đào ôi. Ai khinh thì cứ việc. Chị có cần người ta trọng đâu. Chị cần tiền. Để nuôi bà mẹ già nằm liệt sáu bảy năm nay. ể có cái và vào miệng. Để có tí phần son bôi lên mặt, giấu đi làn da đen đũi nhăn nheo, cặp môi tái nhợt của mình. Để có thể mua một bộ cánh mới khi bộ cánh chị mặc trên người đã mòn, sờn, bạc, khiến chẳng còn ai muốn nhìn chị.

Chị còn cần tiền để phòng khi mẹ chị nằm xuống. ít nhất cũng phải có bộ áo quan. Chị đã dành dụm mua được mấy tấm gỗ cốp pha, đã nhờ người cưa cắt sẵn nhưng chưa ghép mộng, mấy mét vải diềm bâu để liệm cho cụ. Tất cả cất trên gác lửng. Cả vải. Cả gỗ. Không thể để dưới gầm giường. ở đó phân gió, nước giải của mẹ chị nằm ồm liệt giường hôi thối lấm. Chị cũng đã tích được một ít tiền, cứ định sẽ không bao giờ đụng đến, nhưng rồi vẫn cứ phải lấy ra tiêu. Bởi vì có khi cả tuần lễ không bán được hàng, lại chẳng có một người khách nào đến nhà chị.

Chị Sợi có một mẹ hàng bán các thứ linh tinh ở đầu hẻm: ấm nước chè, gói thuốc Lào, bao thuốc lá, lọ ô mai, gói bánh bích quy. Mùa nóng chị bán cả bia hơi. Khổ nỗi là chị chẳng thể nào cạnh tranh nổi với các hàng quán san sát gần đó. Họ có lều quán. Họ có cái bán mái nhô ra. Họ có cả căn nhà mặt tiền của họ. Hàng của họ trông vui mắt, sạch sẽ, sang trọng, nhiều loại, mới tinh, đầy vẻ mời chào. Chứ không như hàng của chị. Vạ ra vỉa hè thì chớ. Lại còn bụi bặm, bạc phếch, cũ kỹ. Không biết bao Vinataba của chị bóc bán được chưa mà vỏ bao đã nhợt ra hết cả.

Để làm bớt đi vẻ nghèo nàn tiều tụy của mẹ hàng, chị Sợi đã ngồi lãnh ra một nơi, cách xa cái đám

phần hoa kia. Khách của chị cũng muốn như thế. Đó là những người ăn xin. Vâng. Những người ăn mày là khách hàng chủ yếu của chị. Những người này cũng muốn có một lúc dừng chân sau khi đã rạc cẳng trên các vỉa hè. Những người này cũng muốn trở lại làm người, cất đi trong chốc lát bộ mặt nhăn nhó đau khổ của mình khi đi ăn xin. Họ cũng muốn chuyện trò đôi câu một cách bình đẳng ngang hàng với những người không phải là ăn xin như họ. Họ cũng muốn ăn một cái bánh bích quy, cũng muốn lấy cái điều cày của chị kéo một hơi cho đã, rồi chiêu một ngụm nước chè trước nụ cười tán thưởng của chị. Sang hơn thì làm một điều Vinataba. Để rồi lại đi. Chị Sợi quen rất nhiều ăn mày. Chị biết có những người đi ăn mày để có tiền bó cái bậc hè. Ề lảng nốt góc sân còn dở dang. Để thêm vào xây cái bể. Chị biết có những người ăn xin vì không muốn làm nghề gì khác. Nhiều người trong số họ là những người tình chốc lát của chị. Cô điếm già, xấu, nhăn nheo, gầy gò còn có thể có khách nào ngoài đám ăn mày.

Người ta đi tới, ngồi xuống, uống chén nước chị rót và khẽ nháy mắt, hát hăm về phía trong hẻm. Chị khẽ gật. Người ấy đi. Ề thẳng hè phố để rồi lát nữa mới quay lại. Chị Sợi thu xếp tất cả hàng họ vào thùng, bưng về nhà, đổ chậu phân nước giải dưới gầm giường bà mẹ, rồi đi tắm rửa bằng xà phòng thơm, lại còn xịt vào người, xịt vào giường bà mẹ, xịt lên gác lửng tí nước hoa rẻ tiền, kéo tấm ri đơ che khuất một phía chiếc giường có người mẹ đang nằm khô như một cái xác nặng mùi hôi thối tỏa ra. Chị đã làm mọi cách để mẹ chị luôn trong trạng thái sạch sẽ nhất. Chị khoét chiếu, khoét giát giường đặt chậu bên dưới. Quần của cụ, chị cắt khâu lấy mà không một hãng thời trang nào có thể nghĩ ra. Nó chỉ có một mảnh vải ở đằng trước che kín bụng và dính vào hai ống.

Tuy vậy cũng chẳng thể nào tránh được mùi hôi. Cũng may, người khách mới đến có thể nghĩ rằng đó không phải là mùi trong nhà chị. Bởi vì ngay trước nhà chị, phía bên kia con hẻm là một cái nhà xí công cộng. Nó dài đến non chục mét, phân, nước giải, nước mưa ngập ngụa ra đến sát hẻm. Mùi nó còn nặng hơn nhiều, nhất là những hôm có gió mạnh. Nhờ cái nhà xí công cộng mà chị Sợi cảm thấy yên tâm khi có khách. Thứ nhất là vấn đề mùi như đã nói. Thứ hai, có nó nên không có những nhà bên kia đường hau háu nhìn sang. Cả một quãng dài, chỉ có một cánh cổng duy nhất là nhà chị. Những nhà liền bên, phía trong và phía ngoài đều xây tường cao, tìm mọi cách quay ngoắt ra hướng khác. Quãng hẻm nhà chị thật vắng vẻ. Thằng hoặc ai có việc đi qua đây, đều nín thở cầm mắt bước cho nhanh.

Từ vỉa hè phố chính, chị bưng thùng hàng về, mở khóa cổng nhà chị trong cái hẻm không một bóng người và người bạn tình tới sau cũng vậy. Anh ta chỉ khẽ đẩy cánh cổng gỗ, bước vào rất nhanh và cũng rất nhanh khép cánh cổng gỗ lại, chị chỉ việc đi ra, cài chốt cửa, thì thầm: 'Vào đi, vào đi'. Thế là xong. Yên tâm. Chắc chắn chẳng một ai nhìn thấy. Chị không xấu hổ. Nhưng chị sợ. Chị sợ người ta sẽ xúc chị xuống trại 26 là trại cải tạo gái điếm và nếu vậy thì mẹ chị ai trông? Vì tuy rằng chị là điếm thật nhưng có như những cô điếm khác đâu. Họ trẻ trung, xinh đẹp, đắt khách, sang trọng, hái ra tiền. Khách đến nhà chị năm thì mười họa, lại là thứ khách mặt hạng, tiền kiếm được cho mỗi lần đi khách của chị có đáng là bao! Cho nên những người không biết thì ái ngại cho chị về cái nhà xí công cộng mênh mông trước cửa, còn chị, chị cảm ơn nó. Và chị đâm lo khi nghe mong manh rằng đang có chủ trương phá đi cái nhà xí ấy. Chị còn nghe nói hai hộ làm ăn gì đó một ở phường, một ở quận sẽ chia đôi khu đất ấy, làm nhà tầng ở đó. Thật nguy. Chị sẽ bị dồn vào bước đường cùng. Sống bằng gì? Làm ăn ra sao khi đối diện với nhà chị là hai gia đình lúc nào cũng người ra người vào tấp nập? Rồi chị lại tự nhủ. Thôi, ngày nào biết ngày ấy. Phải hết sức tận tụy vì còn khó khăn. Thế này là tốt lắm rồi. Được đến đâu hay đến đó. Biết đâu mà lo trước.

Thực ra chị Sợi có chi tiêu một khoản nào gọi là hoang phí đâu. Cứ gọi là những khoản bất hợp pháp cũng không. Làm hôm nay nhưng luôn nghĩ tới ngày mai. Ngay trong một năm cũng có hai đợt Ề khách. Trừ dịp Tết ra không kể, cứ đến ngày mùa là thành phố vắng bóng ăn mày. Họ trở về quê hương, gặt rồi cấy hái. Chỉ đến lúc nông nhàn, họ mới rời làng ra đi. Quãng thời gian ấy chị sống chỉ bằng cái mẹt hàng, bán cho những chú bé đánh giày hay những khách bộ hành đi ngang

qua. Nên bí lắm chị mới rút từ số tiền dành dụm được ra một ít để chi tiêu.

Thế giới của chị Sợi là thế giới ăn mày nên chị rất hiểu họ. Có ông ăn mày giả làm người tỉnh T, chị bảo không phải. Người ở đây thôi. Người tỉnh T, không nói giọng ấy, có muốn nghe tiếng vùng T không, tôi nói cho mà nghe. Lại còn anh nói lờ độ đường. Chị bảo đừng nói thế. Cứ nói là đi ăn xin. Lờ độ đường gì mà hôm nào cũng lờ độ đường. Xấu gì chuyện phải đi ăn xin. Ăn mày là ai, ăn mày là ta... Nghe chuyện chị, những người ăn mày ngồi chung quanh cái thúng của chị thấy tự tin hơn. Họ cười mở cùng chị, quý chị rồi dần dần đi cùng chị từ vỉa hè phố chính vào nhà chị trong ngõ thối.

Trong số những người chồng hờ ấy, chị đặc biệt yêu quý một anh ăn mày trẻ, còn ít tuổi hơn chị. Anh ta đến với chị không như người đến với gái làng chơi. Chị có thể nói thật với anh tất cả. Ví như khi hai người đã đi qua bức ri đờ che cái giường có bà cụ già nằm giả cách ngủ, trèo lên gác lửng và khi anh đã nắm tay chị, chị bảo:

- Anh có tiền đưa em vài đồng, em ra ngoài kia ăn cái gì tí đã. Em chưa ăn. éoi quá.

Anh đưa tiền ngay. Bởi vì chính anh đã khuyên chị tuyệt đối không đụng đến số tiền dành lo ma chay cho cụ. Để anh một mình trên gác lửng, chị cầm tiền anh đưa, mở cổng đi. Một lát sau chị về mang theo cho anh một cái bánh mì và một bát gân bò cùng với bạc nhạc hầm, gọi là món nhừ.

- Anh ăn đi. Hôm nay họ nấu hơi mặn, nhưng ngon lắm. Em ăn hai suất. Húc như cầu.

Sau khi yêu nhau bên những tấm ván quan tài còn để mộc và chưa ghép mộng, bao giờ anh cũng nán lại trò chuyện, hỏi chị về diễn biến bệnh tật của bà cụ, công việc của chị, còn chị thì ngắm nghĩa cái chân khoèo của anh, cái chân mà chị biết rằng trước đây nó cũng lành lặn, bình thường như cái chân bên kia, chỉ vì giả què lâu quá, nên đã thành què thật. Anh đã kể cho chị nghe chuyện chân anh. Còn chị kể cho anh chuyện mẹ chị. Khi bị ngã gãy xương hông, nằm liệt, ba năm đầu cụ hát. Ba năm sau cụ chửi. Và một năm nay cụ yên lặng. Mỗi khi có khách lên gác lửng cùng chị, cụ nhắm mắt giả cách ngủ. Anh thương chị. Chị thương anh. Chính anh đã mượn cửa, bào ở đâu về cửa, bào, đo, cắt mộng mấy tấm gỗ cốp pha, ráp thành cái áo quan cho cụ. Và cũng chính anh, dù què một chân cũng đã bắc ghé trèo lên, xây thêm hai hàng gạch pa panh tường bao cho nó cao thêm, chắn bớt cái hơi nhà xí tạt vào.

Người thứ hai chị Sợi yêu quý là một phụ nữ. Một bà già. Bà cụ Mít. Đó là một bà già thấp bé, lại còng, mặt chẳng chít vết nhăn, chẳng biết bao nhiêu tuổi nữa. Chính bà Mít cũng không biết mình bao nhiêu tuổi. Hôm ấy, chị dọn hàng, ngồi từ sáng đến trưa mà chẳng bán được một hào. Vết hết tiền trong người mua được một bát cơm, một bát canh suông định ăn thì bà Mít đến chìa tay xin. éang cầm đũa, chị hạ xuống, thành thật:

- Bà ơi! Con không còn một hào nào trong người. Có ít tiền lẻ mang đi để trả lại cho khách, mua được bát cơm, bát canh này đây, bà ăn đi.

Bà ăn mày toan bước đi tiếp. Nhưng chị Sợi đã kéo tay bà:

- Bà ngồi xuống đây. Bà ăn đi. Con mời bà thật đấy.

Bà cụ ăn. Thế là từ đấy quen nhau. Thỉnh thoảng trên đường đi ăn xin, bà lại ghé qua chỗ chị. Bà móc trong bị ra khi quả chuối, khi quả cam, lúc nắm xôi và kể lai lịch những món ăn sang trọng ấy của bà. Ai cho. Ai thương người. Ai xởi lời. Ai xua đuổi. Nhà nào làm giỗ, cho bà cả bát miến thừa mà không mang về đây được. Bà cũng kể cho chị biết vì sao bà phải đi ăn xin. Bà ở vùng Hà Nam, Phong Cốc. Anh con trai duy nhất của bà a dưa với bọn xấu trong làng đi ăn trộm lợn. án xử hai

năm. Trong tù bị bọn đầu gấu đánh chết. Người con dâu bỏ đi lấy chồng, để lại cho bà hai đứa cháu gái, đứa chín tuổi, đứa bảy tuổi.

- Bây giờ một đứa lên tám, một đứa lên mười rồi cô ạ. Vài năm nữa, chúng nó lớn khôn là tôi không lo gì nữa. Tôi có chết cũng không ân hận.

Một lần bà Mít đến, nắm lấy bàn tay chị:

- Em ơi. Chị nhờ em một cái này được không.

Bà ngập ngừng. Chị Sợi không hiểu chuyện gì. Nhưng rõ ràng là một việc hệ trọng, rất hệ trọng đối với bà.

- Giúp chị với em nhé. Chị tin ở em.

Thì ra bà muốn gửi chị tiền. Tiền là vàng, là cuộc sống của hai đứa cháu cô cút của bà ở quê. Chúng còn bé lắm. Chúng mồ côi, chúng mong bà. Chúng cần tiền của bà. Bà phải nuôi chúng. Chúng chưa thể tự kiếm sống được, chưa thể tự lo liệu được. Để nhiều tiền trong người, bà sợ. Suốt ngày đi bộ rạc cẳng mà đêm cứ ngủ chập chờn. Nên nghe chừng thấy nặng nề hầu bao, bà phải mang tiền về quê. Bà nói với chị rằng bà cũng muốn về quê lắm để được nhìn mặt chúng nó. Để nằm ngủ với chúng. Để bà ôm chúng. Để chúng ôm bà. Để nấu một bữa cơm nóng, bà cháu ngồi ăn, đơm đơm xớ xớ. Để tắm rửa giặt giũ cho chúng nó. Để xem hai chị em có quần túm thương yêu bảo ban nhau mà sống khi bà vắng nhà không. Về quê sung sướng là thế nhưng lại tốn kém, mất ngày mất buổi, ảnh hưởng tới số tiền kiếm được.

- Thoạt đầu tôi lo nên cứ phải về nhà luôn, chứ bây giờ cũng đỡ rồi. Nghe chừng chị em cũng biết thân biết phận, thương yêu nhau. Bà con xóm làng cũng thương, qua lại trông nom bảo ban. Tôi cũng yên lòng. Với lại còn khỏe ngày nào phải cố ngày ấy cô ạ. Chứ tôi nghe trong người tôi biết, sức cạn lắm rồi. Ngộ nhớ nằm đấy thì khổ cả bà, cả cháu.

Bà bật cười:

- Cháu cô còn biết cuốc vườn, trồng rau, lại nuôi được một con gà mái đẻ. Chuyển trước tôi về cứ nhất định luộc trứng cho bà ăn.

Chị Sợi nhận những đồng tiền bà gửi. Những đồng tiền giống những đồng tiền chị nhận từ tay những vị khách ăn mày của chị: Nhàu nát quần queo bẩn thỉu, rồi loại tiền hai trăm, ba trăm, họa hoàn lắm mới có tờ giấy một nghìn. Những tờ giấy bạc không biết đã qua tay bao nhiêu người đã bạc thếp, thẫm đen, dầm mồ hôi, mỡ và ghét bẩn, nhưng nó vẫn là tiền, là mồ hôi nước mắt, là cuộc sống. Chị nắm chặt tay bà:

- Bà yên tâm. Tiền bà gửi con không suy suyễn một xu.

Bà Mít rân rân:

- Cô phúc đức quá. Cầu trời Phật phù hộ độ trì cho cô.

Chính chị Sợi chảy nước mắt. Vì cảnh ngộ của bà. Vì hai đứa bé gái mồ côi ở một nơi xa mà chị chưa hề biết mặt. Chị chảy nước mắt vì đây là tất cả niềm tin to lớn của ba con người còn khổ hơn cả chị đặt vào nơi chị khiến chị tự hào và trách nhiệm của chị thấy nặng nề. Chị không có quyền phụ lòng tin cao cả ấy.

Chị Sợi đã quen với những món tiền bà cụ Mít gửi, với nét mặt tin cậy pha lẫn biết ơn, sung sướng

của bà cụ ăn mày già khi bà trao tiền cho chị, những món tiền nhỏ nhoi, khi hai chục nghìn, khi ba chục nghìn, nhưng cộm lên to tướng vì mệnh giá của đồng tiền quá nhỏ. Bà cụ cũng đã mấy lần đếm tiền về quê, lo lắng vì sợ bị mất cắp khi trở về và sung sướng khi từ chỗ hai đứa cháu ra thành phố. Bởi vậy chị thật sự xúc động khi một lần bà Mít đến và lôi từ trong bị ra không phải tiền mà là một xấp giấy xi-măng đã được giặt sạch sẽ, phơi khô. Và mấy ngày sau lại thêm bốn cái túi đựng bánh kẹo bằng ni-lông. Bà cụ gửi chị tất cả. Đó là cái vải liệm của bà, những cái túi bọc bàn chân bàn tay cho bà khi bà chết. Chị nhìn bà, mãi mới nói được một câu:

- Bà ơi. Bà cẩn thận thể hờ bà.

- Chẳng biết ông giời còn để sống bao lâu nữa cô ạ. Đi qua chỗ người ta đang xây nhà. Vò bao xi-măng nhiều quá. Nói khó mãi, người ta thương, cho hai bao. Thế là mới nghĩ đến túi ni-lông. Cứ chuẩn bị trước đi là vừa cô ạ. Ngộ nhờ dùng một cái, ông giời ông ấy bắt mình đi, các cháu cô còn dại lắm, chúng nó biết xoay xử làm sao. Cái chiếu cũng không biết mua đâu. Chẳng lẽ lại lấy chiếu nằm của chúng nó. Với lại giấy xi-măng này tốt hơn chiếu đấy cô ạ. ẹnh xin mấy cái bao dứa nhưng người ta không cho. Mua thì không có tiền. Bao giấy cũng tốt chán.

Chị thần thờ nhìn theo bà cụ ăn mày đi trong gió bắc hun hút mà thấy thương cho mình, thương cho bà, thương cho những kiếp người khổ cho đến lúc chết. Rồi lại nghĩ đến mẹ. Dù sao mẹ chị cũng còn sung sướng hơn bà Mít. Mẹ chị còn có mấy tấm gỗ cốp pha, mấy mét diêm bầu. Có lẽ chị cũng phải kiếm mấy cái túi ni-lông phòng xa như bà Mít! Mùa rét bao giờ cũng là thời gian gay go của chị. Hàng họ ế ẩm. Khách đến nhà cũng ít. Bù lại với đám ăn mày, mùa rét là mùa cưới xin, mùa bốc mả. Trong khi hiếu, hỷ, người ta rộng rãi với ăn mày. Bà cụ Mít vẫn thỉnh thoảng tới chỗ chị để cho chị hòn xôi, miếng thịt. Bà kêu rét và gửi chị thêm một ít tiền. Chị bảo bà đã gửi bốn lần tiền rồi sao không mang về cho các cháu kéo chúng nó mong, đã lâu rồi bà chưa về nhưng bà Mít nói: 'Tôi cố thêm ít ngày nữa. Rồi về ở với chúng nó một thời gian. Ngoài giêng tôi mới ra. Bà cháu xa nhau lâu quá rồi. Lại còn phải cố mua cho mỗi đứa một bộ quần áo mới mặc Tết'.

Chị Sợi kiểm kê số tiền bà Mít gửi trong những đợt ấy. Chị khoe với anh què hôm anh đến với chị:

- Xem em nhiều tiền không này!

Anh què bảo:

- Lần cuối bà ấy đến gửi là cách nửa tháng rồi à? Thế thì bà ấy sắp quay lại đấy.

Chị cũng nghĩ vậy. Mỗi lần bà Mít gửi tiền cách nhau khoảng chục ngày. Chỉ ngày một ngày hai, bà sẽ về cầm chỗ tiền này cùng với số tiền bà mới xin được đem về quê nuôi cháu. Cả hai cùng mừng cho bà. Họ hình dung ra hai đứa cháu bà vui sướng như thế nào khi bà về, chìa ra cho mỗi đứa một bộ quần áo mới. Họ cũng mong bà xin được nhiều và sớm về đây lấy chỗ tiền bà gửi, bởi vì những đợt gió bắc giá lạnh thỉnh thoảng điểm mưa phùn tê cóng khiến chị Sợi cũng thấy buốt cả đầu óc và phải nghỉ bán hàng. Nhưng cả tháng sau bà Mít vẫn không quay lại. Chị Sợi biết rằng có chuyện chẳng lành nhưng vẫn hy vọng được thấy dáng người nhỏ còng còng của bà trong tấm ni-lông vá vúi chống gậy, khoác bị bước tới. Chị chưa chờ ai đến như vậy. Lo lắng. Hy vọng. Tuyệt vọng. Chắc chắn bà Mít đã chết ở đâu rồi!

Chị kiểm lại số tiền bà Mít gửi một lần nữa. Rồi gấp những tờ giấy xi-măng, những túi ni-lông. Cho tất cả vào một cái túi xách. Bây giờ chị không chờ bà Mít nữa. Chị chờ anh què đến. Chị bảo anh:

- Bà Mít chết thật rồi. Anh phải giúp em. ở đây trông nom, cơm nước, rửa ráy cho mẹ em vài ngày. Em phải đi đây.

- Em biết quê bà ở đâu mà tìm?

- Cứ về Hà Nam, Phong Cốc hỏi. Thế nào cũng ra. Hỏi dân. Hỏi tòa án.

Phải đem chỗ tiền này về cho hai đứa trẻ mồ côi. Phải thực hiện nguyện ước của bà cụ, kể cả việc mua hai bộ quần áo mới cho chúng nó.

Buổi sáng hôm ra đi, từ biệt mẹ, từ biệt anh què, bước tới cửa chị sững lại: một dãy xe máy sáng loáng dựng ở đầu hẻm, một đám người đi ủng đang cầm thước, cầm dây, lội vào khu nhà xí ngập ngụa đo và ghi chép. Tim chị thất lại vì lo. Đúng là người ta sắp xây nhà tầng ở trước cửa nhà chị! Nhưng chị không có thời gian dừng lại. Phải đi ngay kéo lõm mất chuyến tàu...

Ngã Sáu Một ngày chủ nhật 27-7. Mưa

Vũ trụ không cùng



Trong một đêm mất ngủ của tuổi già trần trọc, đột nhiên ông Thuyết nhớ lại đôi mắt của con gái ông vào cái hồi nó mới ba, bốn tuổi. Suốt mấy chục năm gần như đã quên hẳn buổi tối hôm ấy, không một lần nhớ tới đôi mắt đứa con lúc nào cũng quán lầy ông, đôi mắt khi nó nằm gói đầu lên tay ông, nghe ông kể chuyện. Thế mà đã hơn bốn chục năm. Ông nghĩ thầm trong óc. Và khẽ trở mình. Ngọn đèn ngủ toả ánh sáng yếu ớt, vàng vọt, soi rõ tấm màn trắng ở giường bên. Giường bà Thu, vợ ông. Tiếng thở đều đều của bà, ông nằm bên này nghe rõ. Cũng là vì đêm thanh vắng quá. Êm ả. Yên lặng. Gần như tuyệt đối. Không biết mấy giờ rồi. Phải quá nửa đêm. Chao. Mong sáng quá. Ông nằm im và nghĩ tới đứa con gái. Bây giờ nó đã ngoài bốn mươi. Hơn mình cả chục tuổi vào cái hồi vợ chồng mình sinh nó. Nó cũng đã quá nửa đời người. Còn mình sắp hết đời. Cuộc đời đúng là vó câu qua cửa sổ. Con bé Phương ngày ấy bây giờ đã là một bà mẹ ba con, sắp có dâu có rể, đầu tắt mặt tối ngoài chợ, luôn tay với những quầy hoa quả, khi xịt nước, khi bày lại, xếp lại, khi đặt lên đĩa cân rồi nhặt vào túi cho khách. Suốt ngày trong tiếng ồn ào, cái ong ong của không khí, của tiếng động. Thằng chồng nó mê gái, hai vợ chồng ly dị, một mình nó nuôi dạy con. Ông lại nói thầm một mình: Thật chẳng ra sao cái kiếp người.

Ông thương con gái. Ông nhớ đến những ngày nó còn bé. Và thế là vụt nhớ đến buổi tối hôm ấy, khi nó nằm gói đầu lên tay ông, nghe ông kể chuyện. Đôi mắt con bé con hiện lên, kéo về tất cả những gì liên can đến nó. Đó là một tối mùa hè. Bà Thu vợ ông phải lên cơ quan, nghe đọc báo. Cứ tối thứ năm hàng tuần, tất cả cán bộ công nhân viên các cơ quan đều phải tập trung nghe đọc báo. Bà lấy xe đạp ra đi. Còn lại ông và con Phương. Thật may là ông làm ở một đơn vị thuộc ngành hàng hải, vin vào lý do nghề nghiệp, không thể tuân theo giờ giấc chính quyền nên được ở nhà. Hai bố con ngong ngóng chờ mẹ về. Rồi chơi trò bán hàng. Vẽ chó, vẽ ỉn. Cuối cùng là kể chuyện. Chuyện Tấm Cám. Chuyện Thạch Sanh đàn kêu tích tịch tình tang, ai mang công chúa dưới hang về lâu. Con bé nghe đã nhiều lần nhưng vẫn luôn miệng hỏi về con cá bống của cô

Tắm, về con măng xà vương mà Thạch Sanh vung búa chặt đầu, còn ông luôn tay quạt cho con. Thế rồi ông bỗng thấy con gái không hỏi nữa. Ông vẫn kể, còn con bé con cứ nằm im, không cựa quậy. Mới quay sang nhìn thì thấy nó nằm đờ đẫn, hai chân hai tay thả lỏng trên giường, mi mắt đang khép lại. Ông hơi nhấc đầu dậy để nhìn vào khuôn mặt con lúc nó đang đi vào giấc ngủ. Điều nhớ đến tận hôm nay, điều làm ông bỗng đêm nay nhớ lại chính là đôi mắt con Phương. Đôi mắt mới chỉ hơi khép, con người nhỏ đi đôi chút, đôi mắt trong leo lẻo, tinh anh bỗng trở thành đờ đẫn đang khép nhỏ dần, nhỏ dần cho tới khi hai hàng mi rợp vào nhau. Con bé đã ngủ. Đôi mắt của đứa con gái nhỏ trở về ám ảnh ông. Bây giờ về già ông mới hiểu khi người ta đi vào giấc ngủ là như thế, dù có người thân ở bên cũng hoàn toàn chỉ một mình. Như khi người ta đi vào cõi chết. Dù có bao người ở bên cũng là chỉ một mình. Thiếp đi. Thiếp đi một đêm cũng như thiếp đi không bao giờ trở dậy. Chẳng ai có thể chen vào. Chẳng ai có thể giúp đỡ. Chẳng ai có thể cùng đi. Dù là những người thân yêu nhất. Chỉ một mình đơn độc. Ông sợ lúc ấy. Lúc cô đơn đi vào cõi ấy. Cũng như bây giờ ông sợ những đêm dài của tuổi già trần trọc, thật khó khăn để ông cô đơn đi vào giấc ngủ.

Đã không ngủ được thường hay nghĩ ngợi nhiều chuyện. Ông nhớ đến ngôi nhà của bố mẹ khi ông còn bé tí, ngôi nhà đã bị Tây đốt từ lâu, hồi cái cách nền đất, sân vườn đã đem chia cho nông dân, và khi có chủ trương sửa sai, bố mẹ ông không được nhận lại. Ông nhớ đến những trận mưa rào đầu mùa, chạy ra sân bắt cá rô rạch, đến đám bột trứng chảo chuộc vừa để đêm qua trắng xoá bám vào góc bể. Và trong bể nước mưa đầy, con chảo chuộc mẹ thấy người, lặn xuống, hai chân dài nâu bóng đập nước mưa trong vắt như một tay vô địch về bơi lội. Thật là những sự kiện tượng bưng.

Bố mẹ ông đã mất từ lâu. Ngôi nhà không còn nữa. Mảnh vườn, cái ao cũng biến đổi hoàn toàn. Mỗi lần về quê, ông không dám trở lại đấy, nơi chôn nhau cắt rốn của ông. Nó làm ông buồn. Với lại những người được chia quả thực, những chủ nhân một thời là mối của cơ ngơi ấy cũng đã chết, đã đi nơi khác. Ngôi nhà đã qua bao chủ và giờ đây là con cháu họ. Họ chẳng biết ông là ai cũng như ông không biết họ là ai. Thật đúng là vật đổi sao dời. Thôi thì cứ có một ngôi nhà tuổi thơ trong tưởng tượng. Chỉ đến khi ông chết ngôi nhà ấy mới không còn nữa.

Ông sợ chết. Cái chết chẳng tha một ai. Chỉ một điều an ủi là ai rồi cũng phải chết. Ông buồn. Vì nghĩ nó đang chờ đón ông và cả bà nữa. Đã có lần ông bảo bà:

– Đẳng ấy phải chết sau tớ. Vì đẳng ấy chu đáo quá.

Ông đã nghĩ đến ngày giỗ ông sau này rồi đấy. Và thỉnh thoảng hai ông bà vẫn mình mình tớ tớ như vậy. Đôi khi còn gọi nhau là đồng chí nữa. Cách xưng hô suốt thời gian trẻ trung, sôi nổi những khi phấn khởi quý thương nhau. Chẳng hạn như trở dậy từ giường mình, bà nhẹ nhàng bước tới giường ông, vén màn trườn vào nằm sát cạnh ông. Ông nằm nghiêng quay người ôm lấy bà nhẹ nhẹ và bà cọ người vào người ông, suốt từ bàn chân tới vai ông, nơi bà áp má vào:

– Đêm qua đồng chí có ngủ được không?

– Ngủ tốt.

– Em ngủ không biết giờ nào đâu đất đâu.

Rồi bà trở lại nằm ngửa song song bên cạnh ông. Ông lấy cạnh bàn chân khẽ chạm vào gan bàn chân bà. Những bàn chân biết nói. Tiếng nói im lặng suốt một thời trẻ trung nay vẫn nhớ như in. Bà biết phải làm gì. Bà biết ông muốn bà gác một chân lên chân ông. Bà đã làm như ông bảo và chờ một mệnh lệnh tiếp theo. Bàn chân ông lại chạm tiếp vào bàn chân bên kia của bà. Bà ngoan ngoãn nhích một chân nữa ra phía mép giường, hai chân làm thành một góc rộng. Như suốt mấy chục năm bầu bạn cùng ông, bà đã làm như vậy. Như khi bà mới hai mươi tuổi. Nhưng không giống hồi hai mươi tuổi, khi ông đặt tay lên nơi giữa hai chân xoè rộng, bà nằm im trong nỗi sung sướng rạo rức đợi chờ, giờ đây bà nắm tay ông nhẹ nhẹ, giữ bàn tay ông trong hai bàn tay mình. “Thôi. Ích gì đâu...” Hai bàn tay bà dịu dàng nói vậy. Ông hiểu và để nguyên tay mình trong tay bà. Cả hai đều ngấm sức mạnh của thời gian. Những ngày trẻ trung như vừa mới qua đây thôi. Những ngày đêm trăng mật kéo dài năm tháng. Cái động tác bà trườn lên nằm cạnh ông vẫn giống hệt những ngày xưa, dù không còn vẻ hờn hờ rạn rở của lòng ham muốn. Nhưng vẫn thương yêu như thế. Vẫn đắm thắm ngoan ngoãn, hoàn toàn thuộc về ông, sát gần ông như thế.

Vẫn là những ngôn ngữ ấy của cơ thể dù chỉ là cái chạm khẽ của cạnh bàn chân. Dù hai cơ thể đều đã méo mó, biến dạng, thậm hại đến nỗi cả hai không dám nhìn vào nhau lúc ấy. Ngày xưa chẳng bao giờ hai người lại ngủ hai giường như thế này. Như mọi cặp vợ chồng trẻ đầu gối tay ấp khác, gần như đêm nào cũng là đêm ân ái mặn nồng. Bà bao giờ cũng là người tắt đèn và lên giường sau ông. Khi thay quần áo, để vụng vào người những thứ xấu xí, vá vúi chỉ mặc lúc đi ngủ, bà biết sau tấm màn xô, ông đang ngậy ngật nhìn thân hình trẻ trung thon thả căng mọng sức sống của bà. Nhiều khi trời rét, bà cũng chẳng mặc quần áo và cứ khoả thân như thế trườn vào chỗ ông nằm. Bà biết ông đang chờ đợi bà, và trong tấm chăn bông, cũng hoàn toàn khoả thân, ông nằm nghiêng, một tay nhắc cái chăn lên đón bà. Người ông ấm sức áp lấy bà, truyền hơi ấm cho bà. Hai người cảm thấy hết vẻ đẹp thân thể và ngọn lửa trong nhau. Tuyệt vời thay là khi người ta còn trẻ. Người ta có thời gian trước mặt. Người ta có sức khoẻ. Người ta chẳng nghĩ ngợi gì nhiều. Người ta có tất cả để cho nhau, để động viên nhau sống, vượt qua những khó khăn. Và để cùng nhau tới thiên đường.

Có mấy ngày hai người không cùng nhau tới thiên đường. Cuộc tình bắt đầu khi ông là một chàng trai hai mươi bảy tuổi và bà Thu là một cô gái hai mươi. Gia đình không đồng ý cho bà lấy ông vì ông thành phần địa chủ. Nhưng không gì ngăn được cô gái hai mươi lần đầu yêu và được yêu. Bà nói dối mẹ rằng bà đã trao thân cho ông và giờ đây không thể lấy một người nào khác. Sáng kiến ấy của bà đặt các cụ trước việc đã rồi. Sáng kiến ấy khiến ông hiểu bà nặng lòng với ông nhiều lắm. Tràn ngập tình yêu và lòng biết ơn, ông ôm bà, bế bổng bà lên: “Đừng vu oan cho anh. Chỉ khéo nói điều thôi. Bây giờ phải chữa ngay cái bệnh vu khống đồng đội đi!”

Bà sẵn sàng chữa bệnh vu cáo ông một khi bố mẹ đã đồng ý cho bà lấy ông, không những thế lại còn giục gia đình ông sang làm lễ ăn hỏi rồi cưới cho nhanh. Hai người yêu nhau ban ngày và ông thấy bà mới đảm đảm, tuyệt vời và kỳ diệu làm sao. Vừa e thẹn, lại vừa như vẫn chờ đợi từ lâu. Rồi bà khóc. Khóc vì hạnh phúc. Ông ôm lấy bà, gọi bà là quả bom nổ chậm khiến bà bật cười.

Chỉ một lần ấy trước khi cưới thôi. Bà bảo bà chiều ông vì bà không muốn làm kẻ vu cáo. Vì ông bảo bà là quả bom nổ chậm. Với lại đám cưới tổ chức cũng chỉ mười ngày sau đó.

Tuần trăng mật. Cuộc sống sau ngày cưới là tuần trăng mật kéo dài cùng năm tháng. Thời ấy rất khó khăn. Khái niệm du lịch không có trong đầu mọi người cũng như trong đôi vợ chồng trẻ. Nhưng họ đâu cần gì nhiều. Chỉ một khoảng không gian riêng. Khi đi làm về, khép cánh cửa buồng, được hoàn toàn tự do với nhau, cái diện tích hai mươi mét vuông, nền đá hoa đã bị ghe nhiều chỗ nhưng lúc nào cũng được lau bóng ấy là tất cả các nơi nghỉ danh tiếng trên thế gian này cộng lại. Còn hơn thế. Bởi vì cộng tất cả những danh lam thắng cảnh lại cũng chẳng phải thiên đường. Còn đây, thiên đường đang trong vòng tay họ. Đã có lần ông gọi bà là thiên đường của ông và khi bà bĩu môi thì ông nói thêm ông biết chỗ nào là cánh cửa thiên đường, và ông có chìa khoá mở cánh cửa ấy. Và bà đã thưởng cho ông một chuyến đi tới thiên đường. Giờ đây ông mới hiểu thế nào là sống một cách đầy đủ, trọn vẹn. Phải là cuộc sống lứa đôi, có vợ có chồng. Ông thương những cặp vợ chồng ly thân. Ông không thể hình dung hai vợ chồng lại có thể ngủ riêng và không cùng nhau làm chuyện ấy. Như vậy cuộc sống không còn là cuộc sống. Không thể gọi là cuộc sống nếu thiếu đi chuyện gối chăn. Đó là món quà tặng diệu kỳ của tạo hoá. Như ông, cuộc sống sẽ là gì nếu thiếu đi tình yêu của vợ ông, thiếu đi cái cơ thể con gái, cơ thể đàn bà tuyệt vời của vợ. Điều đó làm tăng thêm tình yêu giữa hai người. Cả khi đã trên dưới năm mươi.

Đến nhà những người bạn lớn tuổi, ông biết vợ chồng họ ngủ riêng. Mỗi người một giường. Cũng là qua câu chuyện thôi, họ nhắc tới một cách thần nhiên như cuộc đời khi về già tất yếu phải như vậy. Ông thấy buồn cho họ. Thương họ. Chẳng lẽ hành trình đời người là như thế. Bắt đầu là chỉ có một mình. Lớn lên là cuộc sống có đôi. Rồi khi về già lại chỉ một mình dù vẫn hai người. Đạn một mình này để chuẩn bị cho sự xa nhau vĩnh viễn. Khi chết là chỉ có một mình. Cũng như khi ngủ chỉ có một mình. Ông chống lại chuyện ấy. Không, dù hai vợ chồng ông đã già, ông cũng vẫn không ngủ riêng. Làm như vậy là công nhận cuộc đời đã chấm hết từ đây, là sắp chết chứ còn gì.

Ông không nói cùng bà nhưng bà cũng hiểu được ý ông. Thì đã cả đời chung sống, con sống có, con chết có, chia sẻ cùng nhau mọi chuyện vui buồn, mọi gian lao vất vả, làm gì phải nói thành lời mới hiểu nhau.

Hai người vẫn nằm ngủ bên nhau, vẫn cọ bàn chân vào nhau, vẫn hiểu từng tiếng nói của cơ thể, vẫn nói cùng nhau thứ ngôn ngữ lặng câm ấy, nhưng cũng chỉ là ôn lại một câu chuyện cũ đã xa lắm mà thôi. Họ không nhớ được lần họ yêu nhau cuối cùng là bao giờ nữa và một lần cả hai cùng muốn thử lại chuyện ấy. Như một sự vùng lên kháng cự. Và cũng là để ghi nhớ chính xác ngày tháng của sự kết thúc. Thế thôi. Nhưng lẽ ra họ không nên làm như vậy. Không nên. Bởi vì thất bại. Dù hai người đã cố gắng hết sức nhưng vẫn thất bại thảm hại. Một phé tích và một phé đồ! Họ biết họ đã bị giằng khỏi vòng tay nhau rồi.

Bà xót xa cho ông khi đi chợ về thấy ông đang nửa thức nửa ngủ trong chiếc ghế xô pha. Ngả người trên chiếc ghế mây đã rách, mắt ông đờ đẫn nhìn vào cái tivi không bật. Một khi ta nhìn chăm chăm vào cái tivi không bật thì màn hình màu xám đục của nó bỗng giống như một con mắt chết. Hai con mắt sống nhìn vào một con mắt chết đang trần trần nhìn lại.

Bà đưa gói quà cho ông. Bà mua quà cho ông như người mẹ mua quà cho con nhỏ. Ông hỏi bà:

– Bà có nhớ cái lần hai vợ chồng bị sốt xuất huyết rồi sau đó ông đèo bà về quê ra không nhỉ?

– Nhớ. Nhớ. Cái lần ông bắt bà ăn phở chứ gì?

Ông cười:

– Ngày ấy khổ quá nhỉ.

Ngày ấy thấy khổ, nhưng bây giờ nghĩ lại thấy vui vì đó là một kỷ niệm đẹp. Ngày ấy từ quê ra, đèo nhau qua hiệu phở, ngửi mùi thơm ngào ngạt, quyến rũ, hai vợ chồng cùng thấy đói, thấy thèm và bảo nhau vào ăn phở. Nhưng khi lục túi chỉ còn ba trăm. Đúng một bát phở chín. Không hơn. Ai ăn? Bà bảo ông ăn vì trông ông gầy quá. Ông bảo bà ăn. Bà bảo thế thì không ai ăn cả. Cùng về. Nhưng ông biết bà đã nhịn thêm nhịn nhạt, nhường chồng con bao nhiêu năm rồi. Ông quát lên khe khẽ, bắt bà phải ăn. Bà vâng lời ông. Ông còn dặn bà: Nửa bát đầu cứ thế ăn, nửa bát sau hãy cho chanh ớt. Như vậy em được ăn hai thứ phở. Bà ngoan ngoãn bước vào hiệu.

Ông đứng ngoài vỉa hè với chiếc xe đạp chờ bà.

Cầm gói quà bà đưa, ông nhớ lại những chuyện từ ngày nào ngày nào. Ông thương mình. Ông thương vợ. Lại càng xót thương khi thấy bà ngồi lục lọi các thứ bỏ đi trong đồng hồ xiềng, giẻ rách, quần áo cũ, lôi ra một gói ni lông vuông vức, quấn rất chặt mà chính bà cũng không biết là gói gì. Thì ra hai bánh xà phòng giặt Liên Xô 72%. Bà chìa cho ông:

– Ông xem. Em quên băng đi này. Xà phòng dạo ấy mình nhập rau câu cho Cá Hộp được mua đối lưu đây.

Lục lọi sắp xếp lại tủ, lần tìm các giấy tờ là thú vui của bà. Bà reo lên khi tìm thấy tờ đăng ký kết hôn của hai ông bà và ngơ ngác hỏi ông:

– Sao có ai viết bậy vào đây nhỉ?

Hai ông bà cùng châu đầu vào dòng chữ nguệch ngoạc như gà bới viết bằng mực tím bên lề tờ giấy đã ngả màu vàng: Giường ba xà 1. Màn đôi 1. Chợ ông reo lên:

– Mậ dịch ghi đấy. Phải đem đăng ký kết hôn tới mậ dịch mới mua được màn, được giường. Mình không nhớ à?

Sau hồi ức này hai ông bà cùng hiểu ngay khi nhìn dòng chữ ghi ở tờ giấy khai sinh của con gái: Bô một chiếc. Phải mang bản chính giấy khai sinh tới cửa hàng, mậ dịch mới bán cho một chiếc bô có nắp. Và chỉ được mua một lần.

Cuộc sống thật vất vả khó khăn nhưng dù sao cũng vẫn tuyệt vời. Khi người ta trẻ người ta dễ dàng vượt qua tất cả. Nhất là lại có một người bạn đời cùng mình chia ngọt sẻ bùi, chia sẻ đắng cay. Tình yêu nồng cháy ngày xưa giờ đây thay bằng nỗi xót thương nhau, bởi vì cuộc đời họ chẳng được hưởng mấy thú vui, ngoại trừ tình yêu của họ. Sự đam mê và cho nhau tất cả ấy không còn nữa. Cái kết thúc đang đến gần. Hai ông bà cùng hiểu họ sắp phải xa nhau vĩnh viễn và không chịu công nhận điều ấy. Họ không chịu ngủ riêng như những cặp vợ chồng già khác. Vẫn là nằm cạnh nhau, với những tiếng nói không thành lời, thứ ngôn ngữ của cơ thể. Dù chỉ là

gợi lại những kỷ niệm xa vời. Rõ ràng đây là sự ương bướng cố chống lại quy luật. Bởi vì sau đó cả hai cùng nằm nghiêng quay lưng vào nhau để đi vào giấc ngủ. Thói quen nằm nghiêng quay lưng vào nhau chẳng biết hình thành từ bao giờ nữa.

Có lẽ do cái mùi của thời gian lưu cữu trên da thịt họ, trong tình yêu của họ. Lại còn bao điều bất tiện khác. Như cái đồng hồ sinh học của hai ông bà giờ đây trái ngược nhau: Bà nằm xuống giường là ngủ nhưng lại dậy rất sớm, thường là từ ba bốn giờ sáng, còn ông ngược lại. Lúc bà thức là lúc ông ngủ ngon. Lúc bà ngủ ngon là lúc ông thao thức và cố gắng nằm yên để bà ngủ. Đó là chưa kể tiếng ngáy của ông. Tiếng ngáy mà những lúc vui bà bảo chỉ có bà chịu được mà thôi. Bởi vậy khi bà bị một trận ốm tưởng chết, phải ngủ riêng cũng là bắt đầu một thời kỳ mỗi người một giường kéo dài cho đến tận hôm nay. Và cả hai cùng thấy được nằm một mình thật dễ chịu biết bao. Tha hồ vật vã giờ mình, tha hồ nghĩ ngợi, tha hồ thao thức, tha hồ ngáy cũng như dậy đi tiểu đêm, chẳng ảnh hưởng đến người khác.

Dù đã ngủ riêng nhưng thỉnh thoảng bà vẫn trườn vào giường ông chốc lát, lúc trước khi đi ngủ hoặc buổi sớm mai ngủ dậy. Để được cọ vào người ông. Để được nghe thứ ngôn ngữ từ bàn chân ông và đáp lại bằng tiếng nói của chân bà. Rồi ai lại nằm giường người ấy. Nằm im. Hoặc bỗng nhớ ra chuyện gì thì nói. Thường là những chuyện trên báo chí. Như đêm nay, tắt đèn đã lâu, tưởng đã ngủ rồi, ông bỗng bảo bà:

– Ti vi vừa đưa tin một vũ trụ mới đang hình thành cách quả đất mười ba tỉ năm ánh sáng.

Không biết bà đã ngủ chưa mà không lên tiếng. Ông lẩm bẩm một mình:

– Mười ba tỉ năm ánh sáng. Khủng khiếp quá. Chẳng biết ngoài cái mười ba nghìn triệu năm ánh sáng ấy là gì? Cứ cho là một vũ trụ nữa đi. Thế ngoài cái “vũ trụ nữa” ấy? Lại ngoài nữa? Ngoài nữa...

Giường bên, tiếng bà thở đều đều.

Nằm co trên giường, ông nghĩ tới vũ trụ không cùng.

Biển và chim bói cá

Nếu không kể *Chuyện kể năm 2000* thực chất là một cuốn hồi kí, *Biển và chim bói cá* là tiểu thuyết đầu tiên của Bùi Ngọc Tấn. Một tiểu thuyết độc đáo : nó không phải là câu chuyện chung quanh một (hay vài) nhân vật, mà cho ta tiếp cận khoảng hai mươi nhân vật của một Liên Hợp (đánh cá) Biển Đông. Cả một xã hội, một thời kì. Được sự đồng ý của tác giả, Diễn Đàn xin giới thiệu trong số này một chương của *Biển và chim bói cá* (tr. 434-466 bản in, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn & Nhã Nam, 2008)

Khối phòng ban cũng đã có người được xuống tàu vận tải ngoại thương. Điều ấy thôi một luồng không khí phấn khởi trong các hàng chức sắc – chỉ trong hàng chức sắc, nghĩa là trưởng phó phòng ban thôi – ít nhiều họ đều thấy một tương lai hứa hẹn đang chờ trước mặt. Nhất là khi sếp chánh tuyên bố : Rồi đây không cứ gì trên bờ dưới nước, bất kỳ ai công tác lâu năm trong xí nghiệp có nhiều đóng góp sẽ lần lượt được xuống tàu đi nước ngoài. Người bảo lãnh đạo đã có một *tư duy mới*, người bảo thật có lý có tình, người bảo chắc sếp cũng thấy bất công quá, chướng quá, anh em kêu quá... nên mới có chủ trương như vậy. Chẳng biết do đâu nhưng tất cả đều có quyền hy vọng. Thật không ai ngờ người đầu tiên thuộc khối phòng ban xuống tàu đi nước ngoài lại là Nông Đức Bá, vị bác sĩ trưởng phòng y tế, người đã cấp cho Quân rồ và Lê Mây tám chai canh kí na để hai bọm rượu đã cơn thêm.

Nhận hộ chiếu và quyết định xuống tàu, sau khi bàn giao công việc cho phó phòng, Bá lao vào việc chạy tiền. Người ta bảo tối thiểu cũng phải có mười lăm, hai mươi vé. Một món tiền khổng lồ. Đào đâu ra bây giờ. Bá về Thái Nguyên, gặp mẹ, năm ấy cũng đã già lắm rồi. Vụng Thanh Giang trên dòng sông máng ngày xưa nước đầy ắp nay cạn tới đáy, cỏ mọc xanh um. Qua áp. Rẽ vào một con đường mòn dọc theo thung lũng giữa hai ngọn núi cao, tới một quả đồi xoai xoải... Bước vào ngôi nhà thuê nhỏ. Vẫn như xưa. Nhưng hình như tất cả đều bé đi. Từ căn nhà, đến cái vườn, đến sân và cả cái giếng ở góc sân cạnh bếp. Đất cũng bạc màu hơn. Nương sán bên nhà còi cọc khảng khiu trên những luống đất trơ sỏi. Mẹ đã già lắm. Vợ chồng anh Vận, anh cả cũng già. Còn lũ trẻ con anh Vận, Bá không thể nhận ra. Đứa nào cũng cao, cũng đen, bần thiêu và gầy nhẳng. Bá nhớ đến một bài báo anh đọc trong đó có câu : Chúng ta làm rất nhiều cho nông dân, nhưng nông dân không hiểu chúng ta đã đem lại cho họ những gì. Anh đã cười thầm khi đọc bài báo ấy. Ở đâu không biết chứ tại Phú Bình này cuộc sống chẳng khác trước là bao. Đúng là nhà anh bây giờ đã có màn che muỗi, nhiều nhà có loa truyền thanh, có xe đạp, những thứ trước cách mạng không hề có. Nhưng hãy nhớ rằng hơn bốn mươi năm trôi qua rồi. Chẳng lẽ để thấy được sự ưu việt của hôm nay lại cứ phải so sánh với nạn đói khủng khiếp năm 1945, khi nước ta phải chịu hai trùng áp bức là Pháp và Nhật, mà cái nạn đói năm ấy cũng chỉ là đỉnh điểm của một giai đoạn cực kỳ tăm tối.

Năm nào giỗ bố Bá cũng về quê. Khi đi một mình. Khi cả vợ. Năm nào anh cũng chuẩn bị sẵn, đem về mấy cân cá khô (quê anh gọi là cá mắm) và nhiều ít thế nào cũng phải có dăm lạng, một cân mực khô, những thứ mà dân cả vùng, để đến cả huyện, chưa ai được nếm qua. Anh biết đó là những món quà cực kỳ giá trị, không những thế còn là nguồn dinh dưỡng, nguồn đạm tăng cường sức khoẻ cho những người thân. Ngoài ra còn mấy gói bánh kẹo mua ở phòng đời sống xí nghiệp để mẹ anh chia ngay cho trẻ nhỏ, trẻ nhỏ nhà anh và trẻ nhỏ nhà hàng xóm. Lần về phép này Bá có thêm một thứ quà đặc biệt văn minh khác : những vỏ đồ hộp nước giải khát các loại. Các màu xanh, đỏ, hồng, da cam, vàng, lon Heineken, lon Coca Cola, Pepsi Cola, những lon Tiger, San-Miguel đã uống cạn mà trong những lần xuống tàu đi nước ngoài anh lượm được cho vào túi ni lông mang về. Không. Không chỉ có vỏ. Có một lon nước ngọt còn nguyên. Dành cho mẹ. Và một lon bia dành cho anh Vận. Kết quả của hai lần xuống hai tàu vận tải ngoại thương, khi thuyền trưởng đem bia và nước ngọt ra mời, anh đã làm ra vẻ rất tự nhiên, cười vô tư và khảng khái : Hôm nay bị đầy hơi, chỉ xin thuyền trưởng chén trà thôi. Còn cái này xin phép thuyền trưởng mang về, lúc khác uống. Thực ra có phải bụng dạ làm sao đâu. Mà nó nằm trong kế hoạch của anh. Phải đem được ít nhất một lon bia, một lon nước ngọt về cho mẹ, anh Vận và lũ cháu.

Anh mở lon nước ngọt, rót ra cốc. Cả nhà tròn mắt nhìn những bọt nước thắm màu nẩy lên lách tách như mưa trong cốc. Mẹ uống một ngụm. Mẹ bảo ngon rồi đưa cho cả nhà nếm mỗi người một ngụm. Còn khoản bia. Anh Vận nhăn mặt. Anh Vận bảo khai. Khó uống lắm. Mấy đứa cháu uống thử. Đứa bảo ngon. Đứa bảo giống nước đáì bô. Cái sự uống nước trong lon chỉ là để cho biết thôi. Điều chính là những cái vỏ lon cơ. Những cái vỏ lon óng ánh với những chữ in đẹp như tranh vẽ. Anh Vận chọn ra những vỏ đẹp nhất, mỗi loại một chiếc, không móp, không méo, đem ra giếng súc rửa sạch rồi bày vào tủ. Những dấu vết ấy của văn minh làm nhà anh khác hẳn mọi nhà chung quanh. Nhà anh đã có hơi hướm của một thế giới khác, một thời đại khác khi các nhà chung quanh vẫn còn đang triền miên thời làm nương, thời lúa nước. Và đến khi lũ trẻ được sờ tay vào những vỏ lon còn lại mới thật tung bừng. Đúng là một ngày hội. Chúng lăn trong nhà. Rồi chúng đem ra sân. Những chiếc lon rỗng khi lăn phát ra những tiếng động chưa từng được nghe thấy bao giờ. Lăn cho cái xanh chạm vào cái đỏ. Lăn cho cái vàng vấp vào một hòn sỏi dựng đứng lên xoay mấy vòng rồi đổ kèn. Lăn từ góc sân này sang góc sân kia. Lăn chán thì bóp ngang hộp. Lạ quá. Bóp ngang nó móp lại. Bóp cái nữa nó lại phồng ra. Khi móp lại hay phồng ra nó đều kêu rảng rảng. Nó kêu mới to chứ. Như người bắn súng. Như người vỗ tay. Tiếng kêu khi lăn, khi bóp cùng với tiếng reo hò chỉ trong chốc lát kéo lũ trẻ con cả xóm lại, đứng chật một đầu

sân. Như xem một buổi biểu diễn văn công. Như xem một nhà giết lợn. Chúng đứng đấy nhìn. Thèm. Không một đứa nào dám ngồi xuống chạm tay vào những cái vỏ đồ uống như vàng như ngọc lấp lánh ánh mặt trời cả một lượt kia. Còn mấy đứa trẻ nhà anh cứ vênh mặt lên, đến nỗi Bá phải bảo : Các cháu ơi ! Cho các bạn chơi với.

Anh Vận giết một con gà sống thiến làm cơm cúng bố. Bá ở nhà một đêm. Tất nhiên là đêm ấy anh chẳng thể nào ngủ được. Anh biết trách nhiệm của anh sắp tới thật nặng nề. Ngoài trách nhiệm đối với vợ con vẫn chưa thoát khỏi khó khăn vất vả nhưng cũng còn hơn nhiều lần cuộc sống hiu hắt của mẹ, của anh chị Vận và lũ cháu ở quê. Phải làm sao để mẹ được hưởng một chút gì đó trước khi nhắm mắt, không phải chỉ là mấy con cá khô, gói bích quy, hoặc cân đường. Bố chết, anh biết ngày mẹ ra đi theo bố gần lắm rồi. Mỗi ngày qua là khúc đời còn lại của mẹ ngắn đi một ngày. Phải giúp anh chị các cháu thoát khỏi cảnh nghèo, cảnh lạc hậu này. Sau khi bố mất, anh Vận đã bỏ học ở nhà, làm công điền cho hợp tác để anh tiếp tục theo học. Mảnh bằng anh có được đâu phải của riêng anh. Mảnh đất này với anh là ơn sâu nghĩa nặng. Đêm nằm, anh thầm thì với vong linh bố mà anh cảm thấy như đang ở đâu đây : *Con là Nông Đức Bá được xí nghiệp cho xuống tàu nước ngoài hôm nay về quê thăm mẹ. Con cầu xin bố là Nông Đức Thắng sống khôn thác thiêng phù hộ độ trì cho con gặp nhiều may mắn. Con đi kỳ này là tìm đường cứu gia đình. Mẹ, anh chị Vận, các cháu sống khổ quá. Phận làm con, con không giúp đỡ được mẹ già, thật là bất hiếu...*

Trở về Hải Triều, anh và vợ bàn nhau giải quyết vấn đề thật đau đầu. Lấy đâu ra hai chục vé bây giờ. Người ta nói đây là số tiền giết lưng tối thiểu. Còn những người làm ăn lớn phải năm mươi bảy mươi vé. Vợ anh người Thủy Nguyên, một cô dân quân xinh đẹp, đảng viên, thời chống Mỹ các chiến sĩ pháo binh trên trận địa đầu làng ai cũng có cảm tình, những lúc rảnh rỗi người nọ nói người kia từ trận địa vào làng, tới nhà trò chuyện. Nhưng tất cả đều đã lần lượt hy sinh như đã lần lượt đến nhà cô mà không nói được điều định nói. Cô dân quân, kiện tướng làm bèo hoa dâu một thời ấy thì họ hàng có ai buôn bán mà hỏi, mà vay giật. Nhưng cả hai vợ chồng thật không ngờ. Chưa phải đi vay đâu cả đã có trong tay hàng cây vàng ! Toàn là của những người gửi nhờ mua đồ. Người nửa chỉ, người một chỉ. Người nhờ mua cái quần bò cho con gái. Người nhờ cái áo lông cho con gái. Người mét nhưng bò liếm cho vợ. Người bạo dạn, liều lĩnh thì nhờ mua cái quạt cũ, thậm chí một cái ra đi ô cát xét cũ một cửa băng... Toàn những người thân. Toàn những cảnh rách. Những tài sản tích góp được không biết từ bao giờ, bằng cách nào. Nhận mà lo. Bởi nhằm tính ra những hàng phải mua hộ này đã chiếm gần hết tiêu chuẩn của một chuyến rồi. Nhưng ai gửi cũng nhận. Nhận đã. Sau sẽ tính. Nhận và ghi cẩn thận. Để khỏi nhầm, khỏi quên. Đang cần vốn. Thấy Bá dễ dãi, người gửi xuýt xoa cảm ơn. Bá chỉ cười: Phải một vài chuyến đấy nhé. Người gửi chừa chan hy vọng: Vâng. Bao giờ cũng được. Anh nhận cho là quý rồi. Chưa xuống tàu, Bá đã thấy cuộc sống của mình thay đổi. Trước đây nhà anh có ai lui tới mà nay người ra người vào tấp nập.

Có vẻ nhiều nhưng khi kiểm lại vẫn chẳng được bao nhiêu so với con số hai mươi vé phải có. Bá gặp Đay, người cũng được quyết định xuống tàu cùng một đợt, than thở. Vốn mang ơn Bá khi thằng út bị viêm phế quản, sốt cao, thờ khò khè được Bá cứu sống, Đay cười :

– Có việc còn con thế mà không giải quyết được thì làm ăn cái gì. Đi buôn quốc tế sao nổi. Ông cần bao nhiêu ?

Bá lúng túng :

– Gần hai mươi vé.

– Sao lại gần hai mươi ?

– Nhà cũng chuẩn bị được mấy vé rồi.

– Cứ cho là nhà có năm trăm đi. Thế định chỉ đem đi hai mươi vé thôi à ? Có mà ăn cám. Riêng tiền đóng góp đã năm trăm rồi.

Bá giấy nầy :

– Sao bảo mỗi chuyến chỉ ba vé ?

Đay xuy :

– Ba trăm là đi Xinh, đi Hồng Kông. Đi Nhật tối thiểu phải năm vé. Tối thiểu đấy.

Bá hoang mang. Năm trăm đô la. Năm triệu. Buôn cái gì lãi năm triệu để đóng góp ? Vậy mỗi chuyến phải lãi tối thiểu mười triệu. Đóng góp gì ghê gớm thế ? Năm triệu là một năm tiền lương của anh. Tàu ba chục người. Mỗi chuyến ngồi chơi nhận một trăm năm mươi triệu.

Như đoán được ý nghĩ của Bá, Đay giải thích :

– Không phải sếp ăn cả chỗ ấy đâu. Rải nhiều nơi lắm. Công an, hải quan. Rồi tiếp khách. Rồi tổ chức. Rồi ông bí thư. Tất nhiên là những đồng chí này ít thôi. Nhưng cũng là tiền. Còn bộ. Còn uỷ ban...Liên khúc mà. Cứ phải ba mươi vé là ít bố ạ !

Bá không giấu được vẻ lo lắng :

– Thế ông mang đi bao nhiêu ?

Đay lắc đầu :

– Ông không bì với tôi được. Bọn chúng tôi có cả một hầm máy. Còn vệ sinh viên như ông ít nhất cũng ba mươi vé.

– Nhưng vay đâu ba mươi vé bây giờ ?

– Vay lãi trên phố. Lãi mười phân thôi. Nhưng căn bản có hàng là phải bán cho họ. Cửa mấy nhà buôn trên phố. Càng tốt chứ sao. Chúng nó buôn lớn lắm. Tôi cũng đã định vay giật mỗi tháng tổ máy dưới tàu một ít nhưng nghe chừng các con giời ngại. Tháng đã vậy. Mất thì mình lấy đâu ra mà giả chúng nó. Nên cứ vay lãi trên phố là tốt nhất.

Bá đi với Đay lên phố. Cũng chỉ định vay hai nghìn thôi. Xem thế nào đã. Đay bảo tùy ông. Chuyến này đi Nhật đấy ông ạ. Cứ làm ba nghìn đi. Bá nghĩ đến số tiền lãi phải trả. Ba nghìn. Mỗi tháng mất đứt ba trăm tiền lãi. Ba trăm lãi. Năm trăm đóng góp. Tám trăm tất cả. Một tài sản khổng lồ. Buôn cái gì cho lại ? Anh cố tự động viên mình : Có người có ta. Người ta đi tàu nước ngoài nên người cả đấy thay. Phải đi mới biết. Chuyến này tàu 19 đi Nhật. Bá biết mình gặp may. Năm bẩy chuyến Hồng Kông mới có một chuyến đi Nhật. Và một chuyến đi Nhật hiệu quả kinh tế bằng năm, bằng bẩy chuyến đi Hồng Kông, Xinh ga po cộng lại. Trúng số hên. Nhiều người bảo với anh như vậy. Anh viết giấy vay người quen của Đay ba nghìn đô và lũng bằng được quyền hội thoại Anh Việt và hội thoại Nhật Việt nhưng cả Hải Triều không đâu có. Anh viết thư cho một người bạn cùng học một khoá trường Y nay làm ở bệnh viện Từ Dũ thành phố Hồ Chí Minh, và thật may, người bạn đã tìm được một quyển gửi ra cho anh. Suốt ngày anh nghiền quyển sách

bỏ túi nhàu nát dù mới xuất bản sau thời gian đổi mới. Sau nhiều ngày lẩm nhẩm tiếng Nhật những *sambashi* (cầu tàu, bến tàu), những *benjo* (cầu tiêu) *tetudatte kudasai* (xin ông giúp đỡ tôi) *Osaka yuri no kippu o kudasai* (xin ông cho tôi vé đi Ôsaka) lại đến tiếng Anh *show window* (cửa hàng, mặt hàng) *let me have a look at that* (để tôi coi cái kia) *how much* (giá bao nhiêu)... đến mục cả đầu óc rồi đêm đêm cùng vợ bàn tính về những thứ sẽ mua sao cho có lãi nhất, về những gì sẽ đến với họ, khi lo lắng, khi náo nức không ngủ được lại phải gọi giấc ngủ đến bằng chuyện chăn gối, một việc mà mấy năm gần đây chị vốn thờ ơ, gần như phải cố gắng hết mình để chiều anh. Lúc nào chị cũng thụ động, không nói ra miệng nhưng anh biết chị chỉ mong anh kết thúc sớm phút nào hay phút ấy. Và ngay sau khi kết thúc, chị lăn ra ngủ, ngủ mê mệt, ngủ không nhóc nhách như chưa bao giờ được ngủ. Anh rất buồn về chuyện ấy. Về mỗi khi anh vòng tay qua người chị, đan năm ngón tay anh vào ngón tay chị, gác một chân lên giữa hai chân chị thì chị lặng lẽ gỡ tay anh ra hoặc quay nghiêng vào phía trong nằm co như con tôm, im lặng ngủ. Anh sợ chị mắc chứng lãnh cảm và lùng tìm những thứ thuốc kích thích nội tiết tố để chị uống nhưng sự việc cũng chẳng khá hơn. Anh, chính anh cũng phải vụn nhỏ ngọn lửa ham muốn để phù hợp với chị, để khỏi làm khổ mình, làm khổ vợ và quen với nó bao giờ không biết.

Giờ đây chị bỗng trở thành một người khác hẳn (và đồng thời cũng biến anh thành một người khác hẳn, anh đã là chính anh ngày trước). Đam mê, cuồng nhiệt, ẩm ướt, lúc nào cũng sẵn sàng hé mở. Anh không nhận ra chị nữa. Còn hơn cả tuần trăng mật xa xưa. Chị chủ động, khám phá anh và sung sướng đón nhận anh khám phá. Lần đầu tiên anh được hưởng những tư thế lạ, những cảm xúc chưa bao giờ có, những lúc vợ chồng đang khăng khít, bỗng nhiên chị rời anh, đứng thẳng trên giường hoặc cúi lom khom, cong người hay bước hẳn xuống đất đi quanh phòng để anh nhìn ngắm, để anh đưa tay vẫy rồi ngoan ngoãn bước tới ghé một bên hông xuống giường, nghiêng người chống một tay qua người anh, cúi xuống nhìn anh như nhìn một người tình, vừa hồn nhiên vừa điêu luyện để anh phải kéo chị nằm áp lên anh, những sáng kiến như không bao giờ hết trong chuyện ái ân của chị. Anh biết chị không cố làm ra thế. Là một bác sĩ, anh quá hiểu chuyện ấy. Điều chị làm là từ trong bản chất. Cũng như trước đây, anh quá hiểu những lúc chị quẩn quại hay rên lên khe khẽ chỉ là những cố gắng quá sức của chị, những cố gắng chỉ để làm vừa lòng anh. Anh nghĩ có lẽ vì chị vất vả quá. Nhóm lò. Xếp hàng gánh nước. Tắm rửa cho thằng bé con. Đánh thức nó dậy sớm, rửa mặt mũi cho nó. Cho nó ăn rồi hót hải đạp xe đưa nó đi nhà trẻ. Xếp hàng đong gạo, mua thực phẩm. Mua rau lợn. Nấu cám. Cho lợn ăn. Dọn chuồng lợn. Đổ rác. Thức khuya soạn giáo án, rồi ra máy nước công cộng giặt giũ vì chị thật khuya vòi nước mới vắng, nước mới chảy mạnh. Đã đành anh giúp chị trong mọi việc, nhưng trách nhiệm chính vẫn đổ lên vai chị. Suốt năm suốt tháng lo lắng, chi li keo kiệt tính toán và mong ước... Khi hai vợ chồng lên giường, chị nằm dài như một người kiệt sức và chỉ muốn ngủ. Giờ đây cũng vẫn những công việc ấy, có bớt đi chút nào đâu, có khi còn tất bật, lo lắng hơn, nhưng nằm bên anh, chị tựa quây như một đứa bé, đôi mắt long lanh, hai chân tách ra chờ đợi... Vì sao thế nhỉ. Vì sao chị bỗng trở thành người đàn bà mẫn nùng đến thế? Điều gì đã làm chị bùng nổ? Chẳng lẽ chỉ một tờ quyết định xuống tàu đi nước ngoài của anh thôi đã thay đổi hẳn con người chị, nó nói với chị về một tương lai tốt đẹp đang chờ chị, sắp đến cùng chị và thổi vào người chị sức sống đã rời bỏ chị từ lâu? Anh đặc biệt xúc động khi nhìn chị khoả thân đi lại trong phòng như trong thời nguyên thủy. Một câu hỏi bỗng đến cùng anh: Không hiểu vì sao con người ăn lông ở lỗ ngày xưa sau hàng triệu năm tiến hoá trở nên mịn màng đến thế, tuyệt vời đến thế lại vẫn lưu giữ những dấu vết nguyên thủy ấy. Mà lại rậm rạp đúng nơi mịn màng nhất, nõn nà trắng trẻo nhất. Phải chăng đó là lời thú nhận bản năng không thay đổi, bằng chứng của một đam mê giấu kín, che đậy và giờ đây không còn che đậy nữa. Như mời gọi. Như khiêu khích. Lại như sẵn sàng dâng hiến. Chính ngọn lửa đam mê tổ tông ấy đã thổi bùng ngọn lửa trong anh.

Bá xuống tàu với chức danh phục vụ viên, một chức danh thấp kém nhất dưới tàu nhưng là niềm mơ ước của biết bao người bởi đó là sự đổi đời. Bưng cơm. Lau bàn ăn. Vệ sinh buồng ăn. Cầm bùi nhùi lau hành lang. Cọ nhà xí... Bá hoàn thành nhiệm vụ một cách miễn chê. Sóng to. Người

lữ khử nhưng không nôn. Và dù mệt đến đâu cũng cố ăn hết suất cơm. Trong một lúc cọ nhà xí, anh tự thấy thật buồn cho công lao học hành của mình, và những câu chuyện tưởng đã quên đi, bỗng vụt trở lại trong óc làm anh bật cười, lại thấy phấn chấn trong công việc. Đó là câu chuyện một cô gái đình ninh mình lấy được một anh xích lô như lời anh ta khai nghề nghiệp cùng cô. Cô mừng như bắt được vàng. Thu nhập của anh ta sẽ bảo đảm được đời sống của cô. Nhưng té ra cô đã bị lừa. Một kẻ lừa đảo, dối trá, làm hại một đời cô. Anh ta chính là một phó tiến sĩ, một phó tiến sĩ chính hiệu, tu nghiệp ở nước ngoài, có bằng đồ trong tay cùng với đồng lương chết đói. Và cô đã đâm đơn li dị. Đây là chuyện bịa. Chuyện tiểu lâm tân thời. Còn đây là chuyện thật. Thật một trăm phần trăm. Một người bạn anh, một thầy giáo đại học bách khoa có uy tín sang Algérie dạy học hết hạn trở về gặp anh trò chuyện và đến lúc ấy, anh mới biết người bạn anh sang đây chỉ dạy trung cấp. Đoán được sự ngạc nhiên của anh, bạn anh nói tên một vị giáo sư lừng danh khác, đã từng đi hội thảo với các nhà khoa học quốc tế nhiều lần, cũng chỉ dạy trung cấp ở Algérie. Bạn anh đã khuyên vị giáo sư nọ : “ Chúng tôi vô danh tiểu tốt đi còn được. Anh đi, quốc tế biết anh dạy trung cấp, nó cười cho ”. Và vị giáo sư đáng kính đã chân thành nói với bạn anh : “ Tôi nghĩ kỹ rồi anh ạ. Sang bên ấy dạy mẫu giáo tôi cũng đi.” Mà ngày ấy sang Algérie bao nhiêu năm, khi về cũng chỉ đủ tiền mua được chiếc xe máy Honda DD Nhật còn trong hộp xốp.

Tách bến được ba ngày, vừa mệt vừa buồn. Sóng to. Lữ khử. Tiếng Anh không vào. Tiếng Nhật không vào. Ti vi Việt Nam không bắt được. Ti vi Nhật cũng không. Toàn ruồi. Anh em mở ti vi để ô. Phim xéch. Xéch nặng. Xem mãi cũng chán. Phim nào cũng mấy khuôn mặt ấy “ những gương mặt thân quen ” như Đay nói. Mãi mấy hôm sau mở ti vi bắt được đài Nhật. Đang chiếu một phim gì đó. Người Nhật, thành phố Nhật hiện ra. Náo nức. Không ngủ được. Đất Nhật gần lắm rồi. Cái đất nước thần kỳ. Nó làm cho những người bình thường khi tới đó trở về bỗng biến thành những người khác hẳn. Ôsaka đâu? Cảng Ôsaka to hay nhỏ. Thành phố Ôsaka thế nào nhỉ. Chắc là giàu có, điện sáng trưng mọi góc ngách và sạch như li như lai. *Ôsaka yuri no kippu o kudasai*. Bá lảm nhảm lại bài học. Tàu đến phao số 0 vào tối thứ năm. Mỗi người được phát một giấy lên bờ. Sáng thứ sáu cập cảng Ôsaka. Bá cùng anh em không phải trực ca bước xuống cầu thang, lần đầu tiên đặt chân lên đất Nhật. Còn đang đứng ngắm trời ngắm đất, bỗng thấy mọi người nhất loạt chạy rầm rập cùng một hướng trên cầu tàu. Chạy đi! Đay hét lên giục Bá. Cũng chỉ một câu ấy rồi co cẳng chạy. Ngơ ngác không hiểu chuyện gì, Bá cũng chạy. Chạy và nghe tiếng Đay vọng lại : “ Nhanh lên ! Vào thành phố mua hàng không họ mua hết ! ” Về sau này Bá mới biết dân Ôsaka chỉ bán hàng ngày hôm nay. Ngày mai thứ bảy, ngày kia chủ nhật nghỉ. Mà thứ hai tàu đã tách bến rồi. Cảng Ôsaka rộng quá. Dễ chùng chạy hai ba cây số mới ra tới cổng. Trình giấy. Bước ra đường. Không còn một ai. Cả Đay cũng biến rồi. Không có cả tắc xi. Lo quá. Giờ quyền hội thoại xem lại một lần nữa cho chắc chắn rồi nói với người gác cổng : *Takusi o yonde kudasai*. (Xin ông gọi xe tắc xi cho tôi.) Người gác mặc sắc phục như cũng hiểu tâm trạng anh, tươi cười : *Chotto matte kadasai* (Chờ một tí). Chờ. Phải chờ thôi. Chẳng còn cách nào khác. Nhưng cái kiểu chạy như ma đuổi của anh em thuyền viên và câu nói vọng lại của Đay Nhanh lên vào thành phố mua hàng không họ mua hết làm anh bồn chồn. Kia rồi. Một chiếc tắc xi màu vàng chanh đi ngang. Giơ tay vẫy. Lên xe. Người lái xe nói một câu tiếng Nhật, anh không hiểu. Rồi lại một câu tiếng Anh. Anh cũng không hiểu. Nhưng cứ gật. Sực nhớ mấy tên phố đã nghe anh em nói, Bá xướng đại một tên. Hoá ra đúng. Chẳng ngắm nhìn đường phố Nhật thế nào, chỉ chăm chăm vào những cửa hàng. Đến khi thấy mấy cửa hàng bày xe máy cũ, anh ra hiệu cho người lái xe dừng lại. *A ri ga tô*. Người lái xe nhận tiền cười rất tươi đáp lại : *A ri ga tô*.

Rất nhiều xe. Mấy cửa hàng liền nhau. Trời ơi. Cửa nả đây rồi. Sự đổi đời đây rồi. Một chiếc Cub 81 bảy mươi phân khối màu óc bươu đời chót kim vàng giọt lệ kia rồi. Đó là mơ ước của anh, mục tiêu của anh. Đó là điều anh ao ước và đã nhiều lần nói với vợ là sẽ mua một chiếc xe như thế. Một chiếc xe được giá nhất, dễ bán nhất. Chưa dám dùng đâu. Chưa. Chưa có tiêu chuẩn. Còn phải quay vòng vốn đã. Hai vợ chồng đèo nhau, chồng trước vợ sau, lượn phố ít ngày rồi cho đi ở. Xe loại ấy đang lên ngôi. Một chiếc xe như thế bán vắt đi cũng phải được trên mười vé.

Good morning ! Phần khởi, Bá chào người chủ quán, chào to như bạn bè lâu ngày gặp lại, nhưng rõ ràng ông ta không hiểu Bá nói gì. Chỉ giơ tay về phía trong, gian nhà thênh thang xếp chặt những xe máy là xe máy. Anh bỏ tới chiếc xe ngoài cùng, chiếc *81 chót chét kim vàng giọt lệ của anh* và đứng sững: Trên yên xe đã ghi tên người mua. Anh nhìn sang những xe khác. Gần như tất cả đã có tên ghi trên yên, đã có người mua. Những tên quen và những tên lạ, không phải người của tàu anh. Thất vọng, hoang mang, anh bước sang gian hàng bên cạnh. Vẫn như vậy. Sang đến gian hàng thứ ba, cũng vẫn vậy. Anh biết có nhiều tàu Việt Nam cập bến Osaka. Thuyền viên các tàu ấy đã mua trước cả rồi. Sau này khi về tàu anh còn nghe anh em nói có những người đánh dấu sẵn, trả tiền trước để chuyển sau sang lấy. ở cửa hàng thứ ba vẫn còn nhiều xe chưa đánh dấu nhưng toàn là loại xe hai ống xả, 500 phân khối, 1000 phân khối, thấp nhất cũng là 250 phân khối. Xe này mang về nước khó bán, không có giá trị kinh tế, lờ lãi chẳng là bao. Mỗi chuyến được một xe máy không thuế thì phải mua xe nào hiệu quả nhất. Tìm mãi. Tìm mãi. Vớ được cái Chaly 70 phân khối. Nhưng vay những ba nghìn cơ mà! Ba trăm tiền lãi và năm trăm tiền đóng góp. Làm sao vợ bớt số tiền này. Lại lúng sục. Sâu mãi vào gian trong. Gian trong nữa. Nghiêng người mà lách. Trèo lên mà đi. Đứng im trên xe mà phóng mắt ra bốn chung quanh quan sát. Rồi bò qua những chiếc xe xếp sát nhau tới một góc. Lấy tay lau lớp bụi bám dày trên các bộ phận một chiếc xe đen đũi. Lớp bụi rơi ra để lộ một nàng công chúa, không, một chàng hoàng tử đen bóng, còn nguyên nước sơn và lớp mạ ánh lên. Hoàng tử đen! Một chiếc CD. Một chiếc Honda một trăm phân khối đang là một của những thanh niên ăn chơi thời thượng! Vua và hoàng tử của các giống loài xe máy! Lòng anh như múa lên. Hê lô! Hê lô! Anh vừa bước ra gian ngoài vừa gọi ông chủ hiệu. Sau khi dẫn ông ta vào tận chỗ chiếc xe và viết tên mình lên yên, Bá trả tiền. Chủ hàng đưa cho anh giấy biên nhận và nói chiều sẽ cho xe chở đến tận cầu tàu. Anh yên tâm giao tiền không ngần ngại, bởi khi còn đang hành trình, anh đã nghe các bậc tiền bối nói kiểu mua bán với người Nhật là như vậy. Họ nói sao làm vậy. Chưa một lần lừa đảo. Đã định bước ra nhưng không hiểu trời xui đất khiến thế nào lại đi sâu vào góc, tận xó xỉnh trong cùng, đứng ngoài nhìn vào giống như một chỗ trống, lật mấy tấm bìa các tông chênh chếch lên: Anh reo to khiến người chủ hiệu đứng đó cũng cười vui niềm vui của anh : Một chiếc *81 chót chét kim vàng giọt lệ !* Mơ ước của anh ! Thôi rồi Lượm ơi. Lượm trúng quả rồi. Chắc bố phù hộ đây. Bán con CD. Với cái 81 này. Giữ lại cái Chaly cho vợ đi. Cái Chaly coi như được biếu không. Tiền lãi một cái CD đã thừa cái Chaly này rồi. Nhưng thôi, việc ấy tính sau. Nếu cần cứ cho đi cả ba cái. Trả bớt nợ chừng nào hay chừng ấy, để khỏi chịu lãi. Chắc là cô ấy đồng ý thôi. Mà sao bỗng nhiên nàng tuyệt vời đến thế. Đúng là nhờ có cái quyết định xuống tàu. Hơn mọi thứ thuốc mình mua. Chuyển này về chắc chắn trên cả tuyệt vời.

Việc quan trọng nhất đã hoàn thành vượt mức. Giờ đây là lúng mua loa thùng. Loại loa thùng 200 oát. Thứ hàng đang được trong nước miễn mộ. *Takusi o yonde kudasai.* Tắc xi ghé sát vỉa hè. Chờ tới cửa hàng bán loa cũ. Có mặt khá đông anh em tàu. Kho rộng mênh mông. Bụi cũng bám dày trên các thùng loa. Cũng là lưu cữu từ đời nào đời nào rồi. Len lỏi. Chui rúc. Lôi. Đẩy. Mồi móc. Bắn thiu nhem nuốc đến phát xấu hổ lên. Mỗi người một góc, một ngách, im lặng thờ và tìm tòi lúng sục. Vừa trông thấy ở một góc khuất có hai thùng loa ửng ý, vội bước tới thì không biết ở đâu vọt ra một người lao từ phía sau chen Bá ngã ngửa, vượt lên phóng đến chỗ thùng loa, tay nhắm nhắm viên phấn viết rất nhanh tên mình vào đấy rồi ghé vai vác từng chiếc một ra ngoài. Đay ! Pha ra Đay ! Bá đứng dậy nhìn Đay sù sì to lớn, mặt mũi chân tay quần áo đầy bụi im lặng nghiêng đầu vác chiếc loa thùng 200 oát bước qua, không thèm nhìn anh. Anh rất giận Đay. Nhưng rồi lại nghĩ đến chuyện Đay đã đứng ra bảo lãnh việc vay tiền cho anh, nghĩ đến buổi sáng khi đứng trên cầu tàu, mọi người rùng rùng chạy, không ai nói với anh một lời. Chỉ có Đay là người duy nhất đã bảo anh. Cuộc sống là như vậy. Khắc nghiệt quá. Giành giật. Ước lượng. Xác định chất lượng, định giá tiền khi về nước. Không còn chút tình cảm nào lúc mua hàng mặc dù ở dưới tàu anh anh em em thân mật. Cuối cùng Bá cũng mua được hai đôi loa thùng ửng ý, mấy cái cát xét mô nô, mấy cái xít te. Mua thì cứ mua. Nhưng không được thử. Ông chủ người Nhật

nói rằng loa tốt. Thì chắc loa tốt. Nói cát xét tốt là cát xét tốt. Người Nhật rất thật thà. Giao tiền cho họ rồi hẹn giờ, họ cho xe chở đến tận tàu. Anh em bảo vậy. Bá cũng tin như vậy. Với lại họ giàu có thế, ai lại nỡ đi lừa đám người khổ rách áo ôm !

Hôm sau thứ bảy. Gay vì Ôsaka không bán hàng cả hai ngày thứ bảy và chủ nhật. Hai ngày không mua được hàng. Mà sáng thứ hai tàu đã tách bến. Mà trong túi còn hơn nghìn đô la. Khi xuống tàu bụng nghĩ ba nghìn này đi Nhật cố gắng làm sao lãi được gấp đôi. Ba nghìn thành sáu nghìn, chí ít cũng là năm nghìn rưỡi. Năm nghìn rưỡi ! Nghĩa là mình có trong tay năm mươi lăm triệu, mà hai mươi lăm triệu là của mình. Chỉ mười ngày mình đã là triệu phú, đã có trong tay hai mươi lăm triệu làm vốn, trừ tiền lãi và tiền đóng góp cũng còn mười bảy triệu. Chuyến này về sẽ trả nợ mười vé, thế là bớt được mỗi tháng một trăm đô tiền nợ lãi. Cọ rửa nhà xí, lau hành lang, phục vụ bữa cơm xong Bá định tìm Đay bàn tính xem sao thì Đay đã biến tự bao giờ. Anh em bảo chỉ còn mỗi cách đi Mô-tô-ma-chi cách 250 ki lô mét. Mô-tô-ma-chi là thành phố nhỏ, buôn bán suốt mọi ngày trong tuần. Những người không phải trục đã biến hết. Không biết họ đi đâu. Chỉ còn một mình Bá. Thì một mình đi. Không một thoáng ngại ngần. Vì đây là nước Nhật. Đây là nơi định đoạt cuộc đời mình, số phận mình, số phận gia đình mình. Phải chiến đấu. Dù đơn thương độc mã cũng phải chiến đấu. Một mình ra công cảng. Xem lại sổ hội thoại Nhật Việt, cái gậy dò đường để xông pha trên đất Nhật, đổi đời. Lúc mới cầm quyết định xuống tàu cứ nghĩ phải học tiếng Anh. Nhưng không. Dân buôn bán đồ cũ của Nhật không biết tiếng Anh. Chỉ cần quyển hội thoại Việt Nhật. Vấy tắc xi. Giờ hội thoại chỉ vào chữ ga tàu điện ngầm, miệng nói Mô-tô-ma-chi. Anh lái xe hiểu. Lên xe. Kéo dây an toàn. ở Nhật bước chân lên xe là phải kéo dây an toàn. Xe chạy nhanh đến mức khó hiểu. Đến ga tàu điện ngầm. Xuống xe. Mất một ít yên. Theo cánh tay chỉ của người lái tắc xi, Bá bước xuống một cầu thang sâu và rộng. Gió từ phía dưới hút lên mát rượi. Người đông. Nhộn nhạo. Đi lại. Lên xuống. Như một siêu thị. Lại phải dùng đến Hội thoại Việt Nhật. Tìm đến một ông già. Lễ phép cúi đầu chào. Chỉ chữ : *Phòng bán vé.*

Đến phòng bán vé giơ ngón tay trở lên (ý rằng một vé) nói cộc lốc: Mô-tô-ma-chi. Cầm chiếc vé tàu điện ngầm trong tay, ngồi trên một chiếc ghế chờ bắt vào sát tường, lúc ấy Bá mới để ý quan sát chung quanh. Anh ngược nhìn cái mái vòm cong cong trên đầu, hai bên tường cũng cong đầy hình vẽ quảng cáo. Không. Không phải hình vẽ mà những tấm ảnh, hoặc nếu có phải hình vẽ thì cũng là những hình vẽ cực công phu giống ảnh như hệt. Những cô gái Nhật váy ngắn, chân dài nghe điện thoại, hoặc vất vẻo trên những chiếc xe máy, những chiếc xe ô tô bóng lộn, những chiếc giường trải khăn đệm trong căn buồng rèm buông rủ... Xe điện đến. Tất cả đứng lên. Bá cũng đứng lên. Xe chạy trên đường sắt đặt sâu dưới nền. Cửa lên xuống chỉ cao hơn nền khoảng gang tay. Nhiều toa. Toa nào cũng đông người. Anh vừa tìm được một chiếc ghế ngay cửa lên xuống, xe đã chuyển bánh. Điều làm anh ngạc nhiên là xe khởi động và tăng tốc rất nhanh. Chỉ mấy giây đã đạt tốc độ tiêu chuẩn. Mọi người trên tàu ai cũng ngòai chúi mũi vào những quyển sách. Trong toa gần như không có tiếng to nhỏ chuyện trò. Tò mò. Ngó bên nọ, ngó bên kia. Vịn cả thành ghế đứng lên nhìn. Thì ra họ đọc tranh truyện. Tàu cứ lao đi trong đường hầm. Hai trăm năm mươi ki lô mét tưởng lâu. Khi đi lo không biết bao giờ tới nơi. Rồi còn mua bán. Lại chỉ độc một mình, không ai giúp đỡ, không ai bàn bạc trao đổi. Rồi còn trở về tàu. Nhưng chỉ một tiếng đồng hồ đã đến nơi. Một giờ đi. Hai giờ đến. Chạy thẳng một lèo không đỡ. Mới thiu thiu ngủ một tí, đã nghe tiếng chuông. Dậy. Khoác túi leo cầu thang từ đường hầm bước lên. Chợ kia rồi. Cuốc bộ vào một chợ nhỏ. Đói. Bây giờ thấy đói. Thì lúc mọi người ăn, anh còn bận chạy bàn, có ăn đâu. Chỉ kẹp nhét vào túi cái bánh mì, chai nước uống phòng xa. Bá nghĩ bụng ăn uống trước rồi vào chợ to. Có thực mới vực đạo. Cái chợ nhỏ anh đến giống chợ Việt Nam, hàng hoá bày trên sạp như Chợ Con, chợ Sắt. Nhưng rất ngăn nắp. Mỗi khu bán một loại hàng. Thứ nào cũng đề giá. Ngay cả chiếc bút chì. Rất rõ ràng, không sợ bị hớ. Bá tìm đến khu hàng ăn. Định vào một cửa hàng bán cơm giống cơm Việt Nam. Nhưng nhìn bảng giá, anh sửng lại. Và nhắm đổi ra tiền Việt. Một bữa cơm xoàng xĩnh như vậy ở Việt Nam chỉ 10 nghìn. Nhưng ở đây là hai trăm nghìn. Thôi không vào hàng ăn nữa. Ăn thế mất toi cái ti vi. Một bữa cơm xoàng mất một

cái ti vi. Không được phép. Đứng giữa lối đi trong chợ, lấy bánh mì trong túi ra ăn. Ăn xong, móc chai nước ra uống. Thật may, lúc còn ở tàu anh đã cẩn thận mang theo chai nước. Tuy nhiên khi đi ngang quầy bán nước giải khát tự động, Bá không nén được sự cám dỗ. Không phải anh thèm nước ngọt mà chỉ muốn xem cái máy vận hành như thế nào, nó phục vụ anh ra sao. Thật đơn giản. Không có tí trục trặc nào. Bỏ đồng tiền xu vào máy là nó thò ra một chai Coca Cola. Uống và nhìn sang bên cạnh. Quầy bán hoa quả. Những quả táo tây nhiều màu sắc từ tím đỏ, tới phơn phớt hồng hoặc vàng nhạt mịn màng căng mọng anh chưa nhìn thấy bao giờ. Chắc trái táo cấm ông A đam và bà E va ăn ở thiên đường cũng chỉ thế này thôi. Nhìn lên bảng giá và lại nhẩm tính rất nhanh: Tám mươi nghìn ba quả táo. Cũng thừa mua một chiếc ra đi ô cát xét một cửa cũ đấy. Không. Đây không phải là thứ dành cho mình. Đến khi nào lên bờ, hoặc đi vài ba chuyến nữa thì cũng cố mua lấy mấy cân, nghỉ phép đem về cho mẹ, cho vợ, cho anh chị Vận và các cháu. Trên đường sang chợ chính, Bá ngạc nhiên không hiểu vì sao ở đây lại có nhiều cửa hàng bán cần câu đến thế. Rất nhiều cửa hàng bán cần câu. Từ hiện đại nhất tới thô sơ nhất. Nhiều cái đẹp lắm. Có cái giá tới ba trăm đô. Sao người ta có thể bỏ ra ba triệu để mua một cái cần câu nhỉ ?

Giờ thì Bá đã có mặt ở chợ chính, khu chợ bán đồ cũ. Hàng hoá xếp bạt ngàn như núi, thượng vàng hạ cám không thiếu một thứ gì. Có lẽ chỉ không có xe tăng với máy bay thôi. Đầu máy khâu, đầu vi đề ô, nồi cơm điện, loa, dàn máy. Tranh. Khung tranh chạm trổ. Khung tranh thiếp vàng. Bàn ghế gỗ, bàn ghế kim loại, xa lông bọc vải, xa lông bọc da, quần áo cũ, hay chính xác hơn là quần áo đã qua sử dụng, còn rất đẹp, nhiều cái còn rất mới. Com lê. áo lông, áo choàng, váy ngắn, váy dài với bao màu sắc quyến rũ. Bá hoa mắt trước cảnh hàng hoá ê hề đến thế, nhiều màu sắc rực rỡ đến thế, nhìn như ngộp đi, nhìn mà mê mẩn. Nhưng những thứ đó không hấp dẫn nổi anh. Anh chỉ nghĩ đến những thứ có giá trị kinh tế, những thứ mang về Việt Nam bán ra tiền. Đẹp đến đâu mà mang về không bán được hoặc bán được ít tiền, ít lãi cũng không thiết. Không thể mua những đồ bày biện, những thứ chỉ để mặc vào người cho đẹp. Nhưng khi đứng trước những hộp đồ lót nữ anh không chút đắn đo suy tính : Mua ngay một tá quần lót đủ các màu sắc kiểu dáng, cái viền dăng ten, cái móc thừa như tấm lưới, cái chỉ bằng một góc chiếc lá nhỏ, cái nào chạm vào cũng mát rượi nơi tay. Anh nghĩ tới những chiếc quần lót diêm bâu của vợ ó vàng cứng đờ rộng thùng thình tự tay vợ anh khâu bằng vải bao bì, xác xơ nơi đũng, nghĩ tới lúc chị đứng trước anh và trước gương, lần lượt thay ra mặc vào cả mười hai chiếc quần lót này, nghiêng bên nọ ngó bên kia quay đằng trước quay đằng sau nhìn ngắm, và lại nghĩ tới nơi ấy bên trong quần lót, rậm rạp trơn ướt và thăm thẳm. Tiếng thì thầm của vợ như ngay bên tai : Anh thì cứng rắn còn em khóc nhè đây này. Đúng là giờ đây lúc nào chị cũng ướt át, và có lẽ phải để một đũa nữa thôi. Thằng Cung đã năm tuổi rồi còn gì. Nếu không xuống tàu, bao giờ mới dám để thêm ?

Anh đã tới một gian hàng bày bán những thứ chỉ một màu xám đen. Và đây mới là những thứ anh cần. Gian hàng bán đồ điện tử cũ. Hết *ômixê-tê culêmaxênhca* (ông cho tôi xem) *takai dêxu nê* (giá đắt quá) rồi lại *Xucôxi makê-tê khurêba khaimasu* (nếu bớt một ít tôi sẽ mua)... Bá mua một lúc mười đầu video. Hai chiếc một vé. Nặng. Ê cổ. Rã rời hai cánh. Nhưng ý nghĩ khi mang về bán cát cho dân phe cũng vé rươi, hai vé một chiếc tiếp thêm sức mạnh cho anh. Như một con lừa thồ hàng, anh lê tới cổng chợ, lòng như múa lên vì nghĩ tới số tiền sẽ thu về. Cứ một thành đôi. Một thành ba. Rồi dừng lại thở. Không thể trở về Ô sa ka bằng tàu điện. Không thể hai tay hai túi xách kênh còng khệ nệ nặng như đá thế này xuống cầu thang để tới ga tàu điện ngầm. Rồi còn lên cầu thang ga đầu bên kia. Buồn bán thì phải chi phí thôi. Không phải mình ngại khó. Khoản này sẽ hạch toán vào giá thành. Anh vẫy một tắc xi. Chia giầy lên bờ ra để anh ta biết mình về Cảng Ô sa ka. Anh lái tắc xi gật đầu. Cũng chỉ hơn một tiếng đến nơi. Anh tần ngần nuốt tiếc khi trả một trăm đô la cho người lái xe dù đã nghĩ đây là chi phí kinh doanh. Giá anh cố đi tàu điện ngầm thì chỉ hết năm nghìn đồng tiền Việt, một số tiền chẳng đáng là bao !

Ngày thứ ba ở Nhật là chủ nhật rồi. Các cửa hàng Ô sa ka vẫn đóng cửa. Không mua được gì. Leo lên boong đứng vợ vẫn, gặp Đay to sù như một con gấu nhô từ cầu thang lên cùng với một thủy thủ. “ Sáng nay trực à, bác sĩ ? ” “ Không. Các ông đi đâu đấy ? ” “ Lên phố xem có cái gì không ? Nằm mốc ở tàu làm gì.” “ Chờ tí. Tôi đi với.” Bá chạy vội về buồng khoác cái túi giả da tòn ten một bên vai chạy ra. Niệm, tên anh thủy thủ, cười : “ Mua được nhiều hàng chưa mà bình chân như vại thế ? ” Bá bảo : “ Đã mua được gì đâu. Tiền còn một đồng.” “ Cũng kha khá đấy. Hôm qua thấy bố ấy rước về mười cái đầu. Thắng lớn rồi.” Đay nói. Bá nghĩ thầm : Chẳng cái gì qua được mắt Đay. Ba người đi. Đi xem phố xá, xem người Nhật sống như thế nào. Và cũng cầu may, biết đâu mua được thứ gì đó. Gọi là lang thang nhưng đâu phải vô mục đích. Và vẫn cứ dán mắt vào các nhà hai bên phố. Người ta cũng mở cửa đầy nhưng không bán hàng. Và nhà nào cũng có một túi ni lông đen để ở lòng đường sát với vỉa hè. Túi đựng rác. Bá tò mò nhìn trước nhìn sau không có ai ngoài hai người bạn, cúi xuống mở một túi ra xem : Ba chiếc cốc pha lê cực đẹp. Có chân, hoa văn vàng óng, và những mảnh vỡ của chiếc cốc thứ tư. Rác là như vậy đấy. Anh nhặt ba chiếc cốc đút vào chiếc túi tùy thân, mặc cho hai người bạn đồng hành chế riếu : Thưa bác sĩ, sao bác sĩ mất vệ sinh thế. Nhật ở túi rác đem về uống. Bá cười: Đẹp thế mà chỉ vỡ một chiếc họ đã vất đi thì phí quá. Đem về bày tủ li. Đúng là vậy. Anh không tham. Chỉ thấy không thể để ba chiếc ly pha lê nằm trong đồng rác. Một sự lãng phí chẳng thể nào tha thứ.

Bỗng nhiên hiện ra trước mắt ba người một bãi rác khổng lồ. Tủ đứng, tủ nằm. Xa lông. Máy giặt. Nồi cơm điện cũ. Rồi ghế xoay. Bá ngồi ngay lên chiếc ghế xoay. Xoay một vòng. Bốn bánh xe dưới chân đưa anh đi một quãng. Chà chà. Thật mê ly. Có cái ghế xoay này đặt trong nhà ngồi thư giãn, xem sách, đọc báo hay nghe nhạc thật tuyệt vời. Bảo đảm cả thành phố không ai có. Đang thả tâm hồn bay bổng, nhìn theo Đay và Niệm đi sâu hơn nữa vào bãi rác, bỗng nghe tiếng reo, anh giật mình đứng lên bước nhanh về phía họ: Một đồng quạt bàn hiện ra trước mắt. Cái nào cũng còn nguyên bảo hiểm, cánh, cả giấy và phích điện dù có chiếc bảo hiểm đã rỉ và bầu thì đã tróc sơn. Chỉ nhìn nét mặt họ, anh cũng biết anh không có phần ở đồng quạt cũ này. Vì lúc họ tìm ra, anh không có mặt, anh còn đang đu đưa với chiếc ghế xoay. Cái ghế xoay chết tiệt! Đay cùng anh thủy thủ nhặt quạt bàn xếp thành một hàng rồi tìm ra một chiếc gậy gỗ xâu gần chục chiếc quạt lại. Thật sung sướng khi nghe Niệm nói : “ Phần ông Bá một chiếc, thôi, cứ xâu cả vào đây, khiêng về tàu, ông ấy lấy sau.” Thật là một tấm lòng vàng. Cái quạt tai voi nhà anh cũ quá rồi. Khi chạy cứ long lên sòng sọc như muốn rời ra. Hai người khiêng quạt đi trước, Bá vác cái ghế xoay đi sau. Phải mang chiếc ghế này về. Vì nó quá sang trọng, quá tuyệt vời. Hơn nữa nó còn là nguyên nhân làm anh thất bát ít ra hai chiếc quạt ! Khiêng vác trên vỉa hè, gặp người Nhật và cả những người mắt xanh mũi lõ rải bộ trên hè, không ai bảo ai cả ba đều cúi gằm mặt. Niệm kêu to, trấn an bạn và cũng là để trấn an chính mình :

– Làm đéo gì mà xấu hổ. Họ biết mình là ai.

Rồi trừng mắt hỏi Bá :

– Ông là người nước nào. Tôi là người Ma lai xi a. Quốc tịch Ma lai xi a chính hiệu.

Đay cười nhạt :

– Thôi. Cứ nói Cầm pu chia cho xong. Dân Mã lai nó đếch thèm những thứ này đâu. Sang đây mới thấy mình là cuối hạng người. Có phải không bác sĩ ?

Bá gật đầu :

– Đúng là cuối hạng người.

Đay tuôn ra một tràng :

– Cuối hạng người một trăm phần trăm, không trệch đi đâu được. Bác sĩ nhìn kia kia. Người ta đi nghỉ mát, pích ních kia kia. Ô tô nối nhau chờ vợ chồng con cái trong xe kia kia. Xe đạp cài trên ô tô chỗ ba đờ sóc là để đến chỗ nghỉ đạp chơi cho khoẻ căng đấy. Còn anh em mình đi nhật từng cái quạt cũ ở bãi rác, từng cái máy khâu ghê, cả mấy cái cốc vắt đi bày tủ cho nó sang, vác cả cái ghế cũ. Không cuối hạng người là gì. Ấy thế mà khi về đến Việt Nam chúng mình lại là nhất. Chúng mình là đầu hạng người. Ai nhìn chúng mình cũng nể. Ai cũng thèm được như chúng mình. Chúng mình chon von chót vót. Càng chịu khó cuối hạng người ở đây về nhà càng chót vót đầu hạng người đấy bố ạ. Khinh người như mẹ đấy bố ạ. Con gái đẹp mẹ tí đấy bố ạ. Bố mẹ được nhờ, vợ con thương quý, vênh mặt lên đấy bố ạ !

Một chùm *bố ạ* dòn dập vừa như công phần vừa như tự hào, vừa như chân lý không cho chối cãi. Xoay xở chiếc ghế nặng như cái cùm trên vai, Bá thấy đúng như Đay nói. Khi anh có quyết định xuống tàu vận tải nước ngoài, dù vẫn còn ở trên bờ, dù anh vẫn y xì là anh, chẳng có tí gì thay đổi, anh đã thấy mọi người nhìn anh bằng con mắt khác rồi, anh đã là một con người khác, chính anh cũng cảm thấy mình đã là một con người khác (và vợ anh càng khác nữa). Ngay chuyến này thôi, với những ngày vắng mặt ở Việt Nam để đi sang nước Nhật này, trở về với mấy món hàng cũ trong tay, anh thực sự ở một mặt bằng khác, một nấc thang giá trị khác, một tầng lớp khác, một tầm cao khác. Đúng. Chỉ cần vắng mặt ở Việt Nam ít ngày thôi rồi trở về, anh đã là một con người khác.

– Cho nên cố gắng càng cuối hạng người được nhiều được lâu càng tốt. Anh em mình trúng số độc đắc. Bao nhiêu người thèm được làm cuối hạng người đấy.

Niệm động viên anh. Vác. Khiêng. Đi. Nghỉ. Mồ hôi. Cực nhọc nhưng hăm hở. Thế rồi tới lúc rẽ ngang vào một phố nhỏ cả ba cùng kêu trời. Một cảnh tượng huy hoàng không ngờ đến, không mơ ước đến hiện ra trước mặt. *Một gian hàng nhỏ mở cửa, bên trong chất đầy xe đạp cũ.* Đây là một quả đấm thép trong chuyến đi tìm đường cứu gia đình mà anh em gọi là “tìm đường cứu nước”, cuộc chiến đấu để nên người hôm nay. Đây là lộc trời cho, là trúng số hên, là thần tài đãi kẻ ngẩn ngơ. Tưởng rằng chỉ đi chơi phố, may ra nhật được cái gì ở bãi rác thôi, ngờ đâu lại được thế này ! Ba người đánh gọn, hót trọn hai mươi sáu chiếc xe đạp. Sạch bách. Bởi ai cũng biết xe mi ni Nhật đang là thứ hàng được chuộng, lái chỉ đứng sau xe máy và còn dễ bán hơn xe máy vì hợp túi tiền, việc đăng ký cũng không phức tạp. Mặt hàng của những người sành điệu, của những bà những cô, những chàng trai, những con người cũng là người thời đại, dù chỉ là người thời đại bậc hai. Trong nước rất một giống xe miền Nam, xe khung dựng, sang lắm là xe Thống Nhất. Tột cùng là chiếc Phượng Hoàng hay chiếc Mifa. Hai mươi sáu chiếc. Lần này cả ba người cùng đi, cùng nhìn thấy, nên Bá cũng có một suất như hai người kia. Chia ba. Bá tám chiếc. Tính Bá hay nhường nhịn, chịu phần kém. Con hai người kia mỗi người chín chiếc. Tính xô, tốt xấu, màu ngọc hay da đồng, đỏ hay vàng chanh, đỏ đồng mỗi chiếc bốn mươi đô. Thắng lớn rồi. Xe này về vắt đi cũng hơn trăm đô một chiếc. Chủ hàng biên giấy nhận tiền, hẹn tối cho xe chở đến cầu tàu.

Chiều nào xe ô tô chở hàng cũng tới cầu tàu tấp nập. Người Nhật quả thật thà. Hàng không thiếu một chiếc. Hàng từ xe xuống cầu. Những hàng nhỏ như đầu máy khâu cũ, cát xét, đầu vi đề ô, ti vi, máy tính bỏ túi, đồng hồ đeo tay, xà phòng thơm, thuốc kháng sinh... từ cầu tàu chạy vào các phòng. Chất trên boong như núi là những thứ hàng to : Xe máy, xe đạp, tủ lạnh, máy giặt... Đó là chưa kể một xe đồ uống thuốc lá, hoa quả để tiếp khách của tàu và của các thuyền viên gửi tàu mua hộ (vì thời gian quá hạn hẹp, thuyền trưởng có sáng kiến để tàu mua hộ anh em thuyền viên, chắc tay quản lý cũng kiếm được ít nhiều). Hàng của thuyền trưởng thuyền phó, chính ỷ nhiều hơn hết. Toàn là thuyền viên mua hộ hoặc đặt trước, com măng trước với các cửa hàng.

Mà toàn hàng đẹp. Hàng xịn, gần như mới. Các ông ấy có đi phố chỉ là đi chơi, “ dạo quanh thị trường ” thế thôi. Còn mình phải chạy ma ra tông mà mua mà đánh dấu, ghi tên. Nhìn đồng hàng trên tàu, Bá lo. Khi mua, ham mua được nhiều. Bây giờ lo. Hàng nhiều thế này khi về đánh thuế chết. Xe máy, mỗi người chỉ được mua một chiếc xe không thuế, quá tiêu chuẩn phải chịu thuế 100 %. Tiêu chuẩn một người hai xe đạp. Thế mà có người bốn xe máy. Hơn chục xe đạp. Lại còn không biết bao nhiêu máy lạnh, máy giặt, ti vi cát xét, đầu vi đề ô, loa thùng, và những túi phòng căng rất bí mật, không biết là loại hàng gì. Bá là lính mới, mua được ít mà cũng ba xe máy, mười đầu vi đề ô, tám xe đạp, mấy cặp loa thùng, gần chục cái cát xét, thử hỏi dân cũ quen thuộc, dầy dạn kinh nghiệm mua biết bao nhiêu ! Suốt đêm, nằm trong ca bin, nghe tiếng lục cục, lịch kịch ở hai buồng bên cạnh, tiếng chân người đi lại ở hành lang, không sao ngủ được. Họ đang giấu hàng. Bá đi sang phòng bên, cũng một anh phục vụ viên như Bá, nhưng là phục vụ viên đích thực, đã đi dăm chuyến. Anh ta đang dùng tuốc vít tháo vách tàu ra. Thấy Bá, anh nhăn răng cười. Bá cầm một chiếc ốc vít lên, nhìn chăm chú vào cái chữ thập lõm xuống trên đầu ốc vít. Hiểu ý anh ta giải thích :

– Yên tâm. Chốc nữa giấu hàng xong, vặn lại đầu vào đấy chỉ cần hoà tí nước muối, lấy giẻ xấp chám vào là lại y như cũ. Chẳng còn dấu vết tuốc vít nữa đâu mà sợ.

Rồi nói đầy về thềm thường :

– Chỉ mấy ông thợ máy là sướng. Dưới buồng máy tha hồ yếm. Chẳng biết đâu mà lần. Vặn bu lông, lật sàn hầm máy lên, có đến năm chục cái xe cũng xong hết. Rồi hoà một xô nước muối đặc, rảy trên sàn, bôi lên các bu lông, bôi vào chân máy, rảy vào mặt bích, chỉ một đêm rỉ sét kín hết, chẳng ai phát hiện được.

Đó là điều hoàn toàn bất ngờ đối với Bá. Thảo nào anh thấy Đay lúi húi ở bếp với cái xô, thò tay vào xô khoảng khoảng rồi xách xô xuống hầm máy. Anh cứ tưởng Đay đem xuống lau chùi cái gì dưới ấy.

– Sướng nữa là thằng cấp dưỡng với ông phó ba, phó gạo. Người bạn nói tiếp trong cơn hào hứng. Kho bếp, kho thực phẩm là của họ. Phó gạo được sử dụng là đúng rồi. Người ta là sĩ quan, nhưng thằng cấp dưỡng cũng được ăn theo. Trên tàu nhiều kho nhiều buồng lắm. Không có bản đồ không biết hết được đâu. Chỉ dành cho ban chỉ huy tàu. Với lại chẳng bao giờ khám đến các buồng của thuyền trưởng, thuyền phó với chính uỷ.

Rồi cười :

– Giấu cho phải phép đấy thôi. Họ đã định khám thì không cái gì lọt. Giấu ở đâu cũng lòi ra. Đây này. Anh ta lấy ngón tay gõ gõ vào vách ca bin ở những chỗ chưa giấu hàng. Đấy. Bên trong rỗng biết ngay. Có hàng biết ngay. Giấu sao được họ. Cái chính là phải...

Rồi chìa bàn tay, miết miết những ngón tay vào nhau :

– Đếm.

Rõ ràng anh ta đang phẩn khởi. Bá chỉ muốn hỏi người đồng cấp rằng anh ta có những thứ hàng gì mà phải giấu cả trong vách ca bin nhưng không dám.

Sáng thứ hai, ngày đầu tuần, tàu rời bến. (Bá cũng đã nhờ tàu mua hộ một két bia, một két nước ngọt và một cây thuốc lá để dùng đến khi cập cảng.) Loa phóng thanh vang lên : Mời tất cả các đồng chí tới câu lạc bộ họp. Không biết có việc gì. Bá là người tới đầu tiên. Nhưng hoá ra chỉ có một nội dung : Mỗi người đóng năm vé ngoại giao. Lệnh ban ra được tất cả thực hiện ngay tức khắc. Vui về nộp tiền. Không ai thắc mắc. Không ai kêu ca. Ai cũng biết đó là những điều không

thể thiếu. Không những thế nộp xong tiền, Bá còn cảm thấy phấn khởi, có một cái gì đó bảo đảm làm anh an tâm. Ở cầu lạc bộ bước ra, anh leo lên boong, toan nhìn lại Ô sa ka một lần nữa thì tàu đã ra tới phao Dê rô rô. Trên boong, ngay bên cạnh đồng hàng đã gọn đi nhiều vì chỉ còn xe đạp, xe máy, mấy thuyền viên bắt đầu khuôn đồ nghề, những cờ lê mỏ lết, những kìm, những búa, những giẻ, những tuốc vít ra làm việc : rã xe. Tháo rời những xe máy xe đạp ngoài tiêu chuẩn thành từng bộ phận để tiện việc cất giấu và khai báo. Đó là những thợ máy và một vài thủy thủ học thêm nghề, trưởng thành qua những chuyến đi, sẵn sàng phục vụ để thêm thu nhập. Trên tàu gọi là nhóm rã xe. Còn nhóm rã hàng điện tử làm ở một khu khác, bên kia băng chuyền cá. Hai chiếc xe máy và sáu chiếc xe đạp của Bá được Đay rã. Rất nhanh. Phải chi. Theo đúng lệ làng. Một số tiền không đáng kể được Bá hạch toán vào chi phí. Trên boong chỉ còn la liệt những khung xe. Phụ tùng đóng vào bao. Để trong phòng. Chật quá thì để trên boong. Coi như không có xe máy, xe đạp mà chỉ là những khung xe. Khung với ít phụ tùng nhặt về thay thế. Cũng là phù phép cả thôi. Cái chính là ban chỉ huy tàu làm việc và mình đếm. Mười đầu vi đề ô của Bá cũng được tháo rời. Vẫn cái vỏ không có đầu vi đề ô mà chỉ có vỏ và một ít linh kiện rời. Trước khi rã "đầu", anh em cơ công báo vụ đều thử con sống con chết. Thật mừng là cả mười con của Bá con nào cũng sống, nghĩa là đều tốt. Người Nhật đúng là tuyệt vời. Nói một là một, hai là hai, không gian dối.

Yên tâm được một việc. Mua hàng. Đưa hàng xuống tàu. Còn chuyện đưa lên. Nghĩ đến lại lo. Không biết có trót lọt không. Đã đành rằng đếm. Nhưng đếm nhiều thì lờ lãi chẳng còn được bao nhiêu. Cái bản hạch toán nhằm trong đầu hoá ra không đúng. Nhiều khoản chi phí lắm. Đầu vào chưa tổng kết được. Và không biết tàu có bị khám không ? Có khi mình trâu chậm uống nước đục cũng nên. Đếm làm sao được hết. Bên Vosco đấy. Nuôi hải quan tốt thì công an khám. Nuôi công an hải quan quận tốt thì công an thành phố, hải quan thành phố xuống khám. Rồi lại tự động viên mình: Có người có ta không sợ. Nhất là khi nằm trên tàu từ Nhật về, lênh đênh gần tuần lễ, nghe những thông tin rò rỉ, biết có người mua tới năm xe máy, mấy trăm chiếc đồng hồ Xeiko, cho vào túi ni lông gói chặt thả xuống hầm dầu, hàng thùng thuốc con nhộng, hàng trăm máy tính bỏ túi rải dưới buồng máy, hàng chục cân thuốc nhuộm thì Bá cũng bớt đi một phần lo lắng :

– Người ta đi nhiều người ta biết. Phải chắc ăn như thế nào họ mới đánh to như thế chứ.